SỐ 14

THÁNG 3
1960

ĐẠI-HỌC

TƯỞNG NIỆM ALBERT CAMUS

LỜI GIỚI THIỆU . . . . . ĐẠI-HỌC
VÀI CẢM NGHĨ VỀ TÌNH CẢNH PHI LÝ CỦA KẺ LƯU ĐÀY . . . . NGUYỄN-VĂN-TRUNG
TỪ TRI-THỨC PHẢN-KHÁNG ĐẾN TÌNH LIÊN-ĐỚI NHÂN-LOẠI . . LÊ-TUYÊN
LE MESSAGE INTERROMPU D'ALBERT CAMUS . . . . . R. P. RIETSCH
NGƯỜI KHÁCH TRỌ . . . . . ALBERT CAMUS

*

KHẢO-LUẬN VÀ PHÊ-BÌNH HỌC THUYẾT KHỔNG-TỬ : NGUYỄN-VĂN-THỌ — NGUỒN GỐC VĂN-MINH VIỆT-NAM : OLOV JANSÉ — NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP THỰC-NGHIỆM ĐỂ NGHIÊN-CỨU ÂM LỜI : NGUYỄN-BẠT-TỤY — ĐỊA-CẦU VẬT-LÝ : PHẠM-VĂN-NGỌC

VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

Chủ-trương biên-tập : **NGUYỄN-VĂN-TRUNG**

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

MỤC LỤC

		Trang
ĐẠI-HỌC	*LỜI GIỚI THIỆU*	3
NGUYỄN-VĂN-TRUNG	*VÀI CẢM NGHĨ VỀ TÌNH CẢNH PHI LÝ KỂ LƯU ĐÀY*	5
LÊ-TUYÊN	*TỪ TRI-THỨC KHẢN-KHÁNG ĐẾN TÌNH LIÊN-ĐỚI NHÂN-LOẠI*	24
R. P. RIETSCH	*LE MESSAGE INTERROMPU D'ALBERT CAMUS*	33
ALBERT CAMUS	*NGƯỜI KHÁCH TRỌ*	41
OLOV JANSÉ	*NGUỒN-GỐC VĂN-MINH VIỆT-NAM*	57
PHẠM-VĂN-NGỌC	*ĐỊA-CẦU VẬT-LÝ-HỌC*	71
NGUYỄN-VĂN-THỌ	*KHẢO-LUẬN PHÊ-BÌNH HỌC-THUYẾT KHỔNG-TỬ*	90
NGUYỄN-BẠT-TỤY	*NHỮNG PHƯƠNG-PHÁP THỰC-NGHIỆM NGHIÊN-CỨU ÂM LỜI*	105

Thư từ, bài vở gửi về : Ông NGUYỄN-VĂN-TRUNG
Giao dịch cùng tòa báo : Ông NGUYỄN-ANH

Bưu-phiếu và Ngân-phiếu gửi về :
Linh-mục CAO-VĂN-LUẬN

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC HUẾ
Tòa-soạn và Trị-sự : *Số 20, đường Lê-đình-Dương HUẾ*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐẠI-HỌC

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ

*

Lời giới thiệu

NGÀY 25-2-1960, Viện Đại-Học Huế đã tổ-chức một buổi tưởng-niệm nhà văn-hào Albert Camus vừa ngộ nạn vào đầu tháng giêng.

Chúng tôi nghĩ rằng, văn-chương cũng như tư-tưởng, kiến-thức khoa-học không có biên-giới. Nhà văn đích thực nào cũng xuất-thân từ một hoàn-cảnh địa lý, ngôn-ngữ, văn-hoá, nhưng đều vượt hoàn-cảnh riêng tư để vươn tới nhân-loại.

Camus cũng như nhiều nhà văn danh tiếng khác, sở-dĩ đã được thế-giới mến chuộng, chứ không riêng gì quê hương mình, là vì đã nói lên những khía cạnh sâu xa của con người, đã làm sống động những vấn-đề căn-bản thiết yếu đụng chạm tới thân phận con người. Đó cũng là ý-nghĩa của giải-thưởng Nobel mà Camus đã được Hàn-lâm-Viện Thụy-điển tặng năm 1957, như lời tuyên bố của ông Anders Oesterling, Thư-ký thường-trực của Hàn-lâm-Viện : « Những văn-phẩm quan-trọng của Camus đã chiếu sáng vào các vấn-đề được nêu lên trước ý-thức nhân-loại. Hiện nay trong và ngoài nước Pháp, Camus ở vào trung-tâm điểm sự chú ý của văn giới : Văn-hào có một định-hướng luân-lý chính-xác thúc đẩy ông đưa tất cả thân thể với lòng dũng-cảm vào những vấn-đề căn bản của cuộc sống ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Qua những tác-phẩm của ông, người đọc nhận thấy một tấm lòng chân thành với chính mình, với độc-giả, với cuộc đời mà ông muốn mô-tả. Ông phủ-nhận danh-từ triết-gia mà người ta đã gán cho ông vì ông không muốn trở thành những nhà lãnh-đạo tư-tưởng, những nhà luân-lý học dạy đời. Nhưng ông chỉ muốn nói lên một kinh-nghiệm cuộc đời, có thể kích-động, gây thắc mắc, thức tỉnh nơi người đọc trong tinh-thần tôn-trọng tự-do của họ.

Camus sinh năm 1913 ở vùng Constantine, Bắc-phi, quê hương của một nền văn-hoá đã có lần rực-rỡ với những Augustin, đồng thời cũng là một nơi có nhiều rừng núi, cao-nguyên, sa-mạc, và là khung cảnh cho hầu hết các tác-phẩm của Camus. Camus mất cha lúc ông lên một tuổi. Cuộc đời thơ ấu của ông từ nay hoàn toàn do bàn tay mẹ nhào nặn. Ông đau ốm luôn cho đến năm học lớp Đệ nhất trung-học. Sau đó ông vào Đại-học Alger và ở đó ông tìm thấy một giáo-sư và cũng là thầy tư-tưởng của Camus, văn-hào Jean Grenier Đậu xong cử-nhân Triết-học, ông đã soạn một luận-đề nhỏ về Plotin và Augustin để lấy bằng Cao-học. Nhưng sau vì lý-do sức khoẻ nên ông không tiếp-tục soạn thi Thạc-sĩ Triết-học và được cử làm giáo-sư ở Oran. Trong thời gian này ông làm một điều tra về tình hình nông thôn miền Kabylie. Hoạt-động đó làm cho chính-quyền Pháp nghi-kỵ và coi ông như một phần-tử cấp-tiến nguy-hiểm, nhất là ông lại vào đảng Cộng-sản. Nhưng một năm sau ông lại ra khỏi Đảng vì thấy không hợp với lý-tưởng của mình.

Năm 1937, ông xuất-bản tập cảo-luận đầu tiên, « L'envers et l'endroit », và năm 1938, tập cảo-luận thứ hai « Les Noces », trong đó ông ca tụng những vẻ đẹp thiên-nhiên của vùng Địa-trung-hải. Năm 1939, người ta yêu-cầu ông rời khỏi Bắc-phi vì chính-phủ Pháp e ngại ảnh-hưởng chính-trị của ông ở đất thuộc-địa. Ông trở lên Paris và sau đó gia-nhập hàng ngũ kháng-chiến Pháp và đứng chủ-trương tờ « Chiến-đấu » xuất-bản trong bóng tối. Năm 1942 cuốn « Người XaLạ » (L'étranger) ra đời. Đây là tập truyện đầu tiên và cũng là cuốn sách đưa Camus lên hàng văn-hào trẻ tuổi nổi tiếng. Sau đó mấy tháng, Camus cho xuất-bản cuốn « Le Mythe de Sisyphe », một cảo-luận để giải-thích những đề-tài triết-lý ông đã nêu lên trong tiểu-thuyết « Người Xa Lạ ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sau đại-chiến thế-giới lần thứ hai, Camus vẫn tiếp-tục chủ-trương tờ « Chiến-Đấu » mà lúc đó nhiều độc-giả mong đợi được đọc những bài xã-luận nổi tiếng của Camus về những vấn-đề luân-lý, chính-trị, văn-hoá. Thời kỳ này cũng là lúc các nhà trí-thức, văn-hào Pháp phân-tán sau khi đã gặp nhau trong một lý-tưởng : bênh vực công-lý, bảo-vệ Tổ-quốc của kháng chiến chống lại Đức. Camus vì không đồng ý với bộ biên-tập, rời bỏ tờ « Chiến-Đấu » để trở thành một nhà văn độc lập.

Năm 1947, cuốn truyện thứ hai ra đời, nhan đề là « Dịch Hạch » (La Peste). Đây là một tuyệt-tác của Camus vừa biểu-lộ trung-thành những ý-tưởng mà Camus muốn truyền cảm, vừa đạt tới một bút pháp thật điêu luyện, vững chãi. Sau đó ông thu thập những bài xã-luận đã viết tong tờ «Chiến-Đấu » họp thành những tuyển-tập « Thời-sự » (Actuelles I, Actuelles II, III)

Cũng như nhiều nhà văn khác như J.P. Sartre, Gabriel Marcel, ông muốn dùng sân khấu để trình-bày những đề tài triết-lý. Bốn vở kịch ra đời : « L'état de Siège », « Caligula », « Malentendu », và « Les Justes ». Nhưng có lẽ hình như ông không thành công lắm trong ý định đó. Năm 1951, ông xuất bản cuốn « Người phản kháng » (L'Homme Révolté), trình bày thái-độ phản-kháng của con người trước tình cảnh phi-lý cuộc đời và đề nghị một thứ luân-lý không dân thân, vì dân thân tạo lịch-sử không tránh được bạo động. Đó là một nhược điểm mà Jean Paul Sartre và nhóm « Les Temps Modernes » đã công kích, chê bai ông và cuộc tranh luận đó đưa đến chỗ chấm dứt tình bạn giữa hai người. Năm 1954, tuyển-tập « Mùa Hè » gồm những bài khảo-luận trong đó Camus nhấn mạnh vào thái độ ưng-thuận sau khi phản-kháng.

Năm 1956, « Sa Ngã » (La Chute), ra đời, một tiểu thuyết nhằm tố cáo sự giả dối của đạo-đức. Năm 1957 ông được giải-thưởng Nobel và năm 1958 ông tái bản tập đoản-thiên « Lưu đày và Quê nhà » (L'Exil et le Royaume) và cuốn « L'envers et l'Endroit » trong đó ông có viết một đề tựa nhấn mạnh vào ý nghĩa của tác-phẩm đầu tiên của ông như là một cuốn mà ông yêu quý và chân thành bày tỏ nhất.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Mồng 4 tháng giêng năm 1960 ông bị chết bất ngờ trong một tai nạn xe hơi lúc 1 giờ 55 chiều. Cái chết của ông là một tang lớn cho văn-giới Pháp và thế giới, nên lúc đó nhân-viên của đài vô-tuyến truyền hình Pháp đang đình công mà cũng trở lại làm việc để loan báo tin, rồi lại tiếp tục đình công.

Sau khi phác họa lại cuộc đời và sự nghiệp của Camus trong một vài nét thô sơ, tổng quát, chúng tôi xin phép giới thiệu các bài nói chuyện trong buổi tưởng-niệm đó. Ba đề tài chính của Camus là nhận định về cuộc đời phi-lý và tự do, đưa ra một thái độ phản-kháng, và trong phản-kháng con người tìm thấy tha-nhân, đồng-loại của mình.

Ông Nguyễn-văn-Trung nói « một vài cảm nghĩ về cuộc đời phi lý » Ông Lê-Tuyên phân tách thái-độ phản-kháng và tình liên-đới nhân-loại. Rồi Linh-mục Rietsch giáo-sư văn-chương Pháp của Đại-Học Sofia ở Đông-kinh (Nhật-bản), trình bày ý nghĩa của một sự nghiệp còn bỏ dỡ. Sau cùng chúng tôi trích đăng một đoản thiên của Camus, Người khách trọ (L'Hôte) trong quyển « Lưu đày và Quê nhà » (L'Exil et le Royaume).

ĐẠI-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Vài cảm nghĩ về tình cảnh phi lý của kẻ lưu đày

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

— Vấn-đề là xem đời có nghĩa để sống không, ở đây trái lại thấy rằng đời càng không có nghĩa bao nhiêu càng đáng sống bấy nhiêu.
— Một người là người bởi những điều mình yên lặng hơn là bởi những điều mình nói.

MYTHE DE SISYPHE

DƯỚI đây là một vài suy nghĩ của một độc-giả khi tiếp xúc với tác-phẩm của A. Camus. Đọc sách của một người cũng như là nói chuyện, đối thoại với người đó. Và mục-đích của gặp-gỡ trao đổi không thiết yếu phải là đi tới đồng ý, nhưng là ở chỗ tìm hiểu, thông cảm. Đừng vội-vã hấp tấp lo lắng đi tới đồng ý, vì đồng ý sẽ chấm dứt trao đổi, mà trước cuộc đời vô cùng rộng lớn kia, không một kinh-nghiệm riêng tư nào có thể nói lên hết được mọi vẻ phong phú phức tạp và sâu xa của nó. Người ta thường cho rằng nhà văn danh tiếng nào cũng gửi cho thời đại của mình những lời nhắn nhủ, một thông-điệp vạch ra một hướng đi tới trong tương-lai. Người là sứ giả, là tiên tri của thời đại. Đó là một sứ-mệnh mà nhiều nhà văn hiện đại không dám nhận lấy; họ không muốn giảng dạy triết-lý hay luân-lý. Nhưng chỉ muốn thể hiện một kinh-nghiệm sống nhằm gây thắc mắc nơi độc giả để tự độc giả nhận định và tìm lấy một con đường cho mình. Không đưa ra những giải đáp rõ-rệt vì muốn tôn trọng tự-do người khác và vì cho rằng mỗi người có một số phận riêng phải trách-nhiệm, không ai

Bản số hoá 2016: ĐCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thay thế được. Hơn nữa, một nhà văn dù có nhìn sâu rộng đến đâu cũng không thể bao quát được toàn diện cuộc đời, vì dù sao kinh-nghiệm của mình bao giờ cũng vẫn là thiếu sót nhỏ bé trước vấn-đề con người. Những tiểu-thuyết của Bernanos, Mauriac làm cho người đọc thắc mắc không biết những nhân-vật trong truyện cuối cùng sẽ bị luận phạt hay được cứu rỗi. Cũng như những tiểu-thuyết của Malraux làm cho ta cảm thấy một khát vọng vĩnh-cửu, một cái gì có thể gán cho cuộc đời này một ý nghĩa nhưng đến trang cuối cùng người đọc vẫn chưa hiểu rõ nguyện vọng đó là gì, vì chủ đích của Malraux là chỉ muốn nhắc cho độc giả khát vọng đó. Những tác phẩm của Camus cũng chỉ nhằm lôi kéo ta ra khỏi đời sống vô thức của những sinh hoạt hằng ngày bó buộc ta phải thức tỉnh, và đặt ta trước những vấn-đề nền tảng của cuộc đời như A. Camus đã nói : « Ý nghĩa cuộc đời là vấn-đề cấp bách nhất ». Sống để làm gì ? Đời đáng sống hay không đáng sống ? Ta có được phép hy-vọng gì không ? Sự thành công của Camus đồng thời ý nghĩa giải thưởng Nobel 1957 thiết tưởng cũng là ở chỗ Camus làm cho những câu hỏi đụng chạm đến số phận con người trong hoàn cảnh hiện đại trở nên sống động, cấp bách, gây một thức tỉnh là khởi điểm cần thiết cho mọi lựa chọn thái độ sống.

Như thế, trung-thành với tác giả không phải là bó buộc theo con đường tác giả đi vì tác giả đã muốn kính trọng kinh-nghiệm và tự-do của người đọc; nhưng là cùng tác giả đi vào cuộc đời phi-lý để từ đó mỗi người tự nhận định lấy một lối thoát, hay đúng hơn cùng chấp nhận với tác giả thân phận « đi đầy » của con người và từ đó, tìm một « Quê nhà » cho mình.

THỨC TỈNH.

Cuộc đời mà ta đang sống đây biết đâu chỉ là một giấc mơ. Đôi khi có lo lắng, khổ cực đấy, nhưng rút cục ta vẫn tin rằng đời là Hòa-hợp, Luân-lý, Đạo-đức, Công-bằng, Yêu-thương, Hạnh-phúc. Lòng tin đó chỉ bị lay động và có thể sụp đổ khi những biến cố lớn lao xảy ra bắt buộc ta phải nhìn vào mặt thực cuộc đời. Những chiến-tranh tàn sát, chém giết, những cảnh di cư, trại tập trung, nhà tù, những chế-độ độc tài những khủng bố áp bức lôi ta ra khỏi giấc mơ. Ta thức tỉnh : Đời là giả dối, lừa đảo, lợi dụng, bạo động, ly dị giữa thực-tế chua chát và lý-thuyết hay đẹp. Trong giây phút của giác ngộ ta cảm thấy như mình ở tình cảnh

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

của một người đang tự-do đột nhiên bị bắt giam vào tù. Mọi dự định, hy-vọng đều tan biến. Ta kinh hoàng tự hỏi. Thế nghĩa là gì ? Tại sao tôi lại ở đây ? Vô lý quá ? Luân-lý ở đâu ? Lẽ phải ở đâu ? Tình thương ở đâu ? Như thế đời có đáng sống hay không ?

Nhưng những đổ vỡ, đảo lộn vĩ đại thường là trường hợp đặc biệt. Theo Camus người ta có thể thức tỉnh, nghĩa là phải tra hỏi về ý nghĩa cuộc đời và không thể không tra hỏi vì đó là vấn-đề cấp bách nhất lúc mình thức tỉnh, ngay từ cuộc đời hằng ngày đều đặn lững lờ trôi qua như không bao giờ xảy ra đại sự, hay biến cố lớn lao. Đời một công-chức tầm thường có thể là ví dụ điển hình cho cuộc sống phẳng lặng giản dị đó. Ngày lại ngày, bao giờ cũng vẫn từng ấy cử-động, thói quen, tình cảm nối tiếp nhau xuất hiện theo một nhịp đều đặn, lập đi lập lại đúng mực như một cái khuôn, cái máy.

Nhưng rồi một ngày nào đó, con người đều đặn như cái máy kia sẽ ngừng lại tự hỏi : « Ngủ dậy, tàu điện, bốn giờ tại bàn giấy hoặc xí nghiệp, ăn cơm, tàu điện, bốn giờ làm việc, ăn, ngủ, và thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy cùng theo một nhịp, cái con đường lúc nào cũng được theo đúng một cách dễ-dàng. Chỉ một ngày thôi, chữ « Tại sao » nổi dậy và tất cả bắt đầu trong cái chán nản nhuộm kinh ngạc « Mythe de Sisyphe trang 27 ».

Đi làm rồi lại đi làm, ăn ngủ nghỉ rồi lại ăn ngủ nghỉ... Lo xong bữa nay lại lo bữa mai. Kiếm được tiền rồi lại muốn kiếm thêm nữa. Mong địa vị, có rồi lại ước mơ địa vị khác. Hôm nay chịu khổ cực để thi cho được cái bằng Tú-tài. Có Tú-tài rồi lại mong làm sao cho xong Cử-nhân. Vừa xong Cử-nhân lại lo thi nốt Tiến-sĩ. Khi có Tiến-sĩ mới thấy rằng : cũng đến thế thôi; chưa đi đến đâu; Thành ra suốt đời vẫn chỉ là theo đuổi. Để làm gì ? Cuối cùng hình như chẳng để làm gì cả. Lúc tỉnh giấc, mới thấy mình đã năm mươi tuổi đầu. Cái hôm nay mà hôm qua ta cho là lý tưởng cần phải vươn tới : « Bao giờ tôi được địa vị ấy nhỉ. », cũng lại chỉ như cái hôm qua mà tôi đã chán. Nghĩ lại thời niên thiếu, tôi thấy nó đẹp biết bao. Nhưng khi đang là niên thiếu tôi không biết rằng đời đẹp, tuổi thanh niên sung-sướng và khi biết được thì lại không còn phải là thanh niên nữa. Tôi không bằng lòng tình trạng hôm nay mà tôi hằng mong ước cũng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

như tôi đã không bằng lòng tình trạng trước khi mong ước tình trạng hôm nay. Con người không bao giờ là hiện tại, nhưng chỉ có thể định nghĩa bằng luyến tiếc hay mơ ước hy-vọng.

Nhưng luyến tiếc làm gì, nếu không bao giờ hy-vọng lấy lại cái đã qua và mơ ước làm gì, nếu để rồi sẽ lại chán điều mơ ước khi được thực hiện. Rút cục, chúng ta như người chạy quanh bốn bức tường cuộc đời, lùi không được, tiến vô ích và tạm thời không thoát khỏi bốn bức tường để rồi sau cùng đón cái chết đến một cách vô lý cũng như cuộc sống đã đến một cách vô lý.

Đó là khởi điểm của tình cảm về cái phi lý cuộc đời.

PHI LÝ.

Phi lý là một tình cảm trước khi trở thành một tri-thức. Nhưng con người sở dĩ có tình cảm phi lý vì sống trong một tình cảnh lưu đầy. Cho nên phi lý chỉ là biểu lộ trí tuệ của một sự kiện : đầy ải. Khi thức tỉnh, người bỗng nhiên thấy mình ở đời như bị đầy ở một nơi xa lạ là đất khách quê người. Dù muốn hay không muốn, người cũng đã bị đặt vào đầy rồi ? Tại sao ? Như thế đầy ! Phi lý !

Trong tình cảnh lưu đầy, người cảm thấy xa lạ với vũ-trụ bao la bao bọc và thế-giới chung quanh như bị lạc lõng trong hoang vu sa mạc. Ánh nắng mặt trời thiêu đốt mọi sự, làm bỏng da mặt, bàn chân. Đất khô rắn nứt nẻ đây đó lác đác những cụm gai hay cỏ sắc sẵn sàng cứa chân hay làm sứt mẻ bàn tay. Thế-giới có đó, nhưng hình như không phải để tiếp đón loài người hay tham dự cộng tác vào cuộc phiêu lưu của họ. Nó không dâng hiến gì cho kẻ xa lạ đang khát bỏng họng mệt lả người mà còn như sẵn sàng tăng thêm sự đau khổ của con người. Cái im lặng khủng khiếp của sa mạc biểu lộ về phi nhân, thù địch của mảnh đất mà người phải lê bước trong đó.

Không còn thấy cảnh gần gũi, hiền lành và thân mật của « quê nhà » trong giấc mơ. Thực ra khi chưa thức tỉnh, sở dĩ ta yêu vẻ đẹp của đồi thông kia, hay cảnh êm đềm của giòng sông này là vì ta gán cho nó những

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ý nghĩa, những hình ảnh của ta. Khi tất cả những hình ảnh che đậy đó đã tan đi, sự vật trở về với bộ mặt thật của nó; ta mới thấy chúng xa lạ với ta biết bao.

« Đây là sự xa lạ, khi nhận ra thế giới này là « dầy đặc », hòn đá kia là xa sôi, và phong cảnh, thiên nhiên có thể từ chối ta như thế nào. Ở trong mọi vẻ đẹp đều chứa ẩn cái gì là phi-nhân và những ngọn đồi kia, vẻ hiền của trời, những bức họa bằng cây kia, trong giây phút, chúng mất ý nghĩa hão huyền mà ta đã mặc cho chúng, và từ nay chúng trở thành xa xôi hơn cả một thiên thai đã mất. Cái vẻ thù địch của thế gian lại trở về với chúng ta qua hàng nghìn năm. Trong giây phút, ta không còn hiểu thế gian nữa vì trong bao nhiêu thế kỷ, ta đã chỉ hiểu nó nhờ những khuôn mặt và bức họa mà ta đã đặt vào nó trước ; từ nay ta không còn sức nữa để có thể xử dụng cái thuật đó, thế gian trốn ẩn ta vì nó đã trở về với chính nó. Những cảnh vật bị che đậy bởi thói quen cũng trở lại những cảnh vật thực sự. Chúng xa dần chúng ta » M.S.29

> « Trong vũ trụ bỗng nhiên thiếu sót ảo vọng và ánh sáng, con người cảm thấy xa lạ. Cảnh tù đầy đó không gì cứu vãn nổi, vì nó không còn những hoài niệm của một quê hương đã mất hay hy vọng một đất nước hứa hẹn ». M.S. 18

Nhưng không phải con người, lúc thức tỉnh chỉ cảm thấy mình xa lạ với thế-giới vô tri cảnh vật vô tri, mà còn cảm thấy xa lạ với chính những người chung quanh mình. Sa mạc không phải ở trong hoang vu núi cát khô khan, nhưng ở giữa đám đông, ở ngay trong lòng người. Giữa người với người hình như có những bức tường ngăn cản sự đi lại trao đổi, thông cảm. Những bức tường đó là biên giới chính-trị, ghen tị cạnh tranh quyền lợi, những thiên kiến. Cho nên sự liên-lạc người này với người kia chỉ là những « ngộ nhận » như tên một vở kịch của Camus (Le Malentendu). Không có thông cảm được vì tình cảnh của những kẻ đi đầy cũng như tình cảnh của những người bị giam trong những buồng có cửa kính. Họ trông thấy nhau, biết đó là khuôn mặt người hay là những cử chỉ múa máy. Nhưng cái gì ẩn sau bộ mặt đó, cái gì chứa đựng bên trong những cử chỉ đó, chịu không thể biết được. Tấm kính để lọt qua mọi sự : hình ảnh cử chỉ và chỉ giữ lại một sự : ý nghĩa của những hình ảnh cử chỉ đó.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Người ta thường nói một cách tự đắc : « Tôi đi guốc trong bụng anh » Đó là một câu nói dối : Mỗi người là một cô-đơn tuyệt-đối, là một bí ẩn hoàn toàn với người khác vì người khác chỉ nhìn thấy cái cử chỉ bên ngoài mà không nhìn thấy ý nghĩa nó chứa đựng bên trong. Do đó tha hồ mà cắt nghĩa giải thích. Nhưng dĩ nhiên là giải thích theo ý kiến của mình, chứ không phải theo ý muốn của người chủ hành-động, người có cử chỉ đó. Đó là nguồn gốc của «Hiểu Nhầm» vì tấm kính của phi lý, không để cho qua ý nghĩa của hành-động; cho nên rút cục chỉ người làm chủ hành-động của mình hiểu ý nghĩa hành-động đó vì chính mình đã gán cho. Nhưng bởi vì người ngoài không thể lãnh hội được ý nghĩa đó và một cử chỉ khi bị bóc mất ý nghĩa của nó sẽ có thể mặc trăm nghìn ý nghĩa khác, nên người ngoài muốn gán cho cử chỉ mình thấy ý nghĩa nào *theo mình* cũng đều có lý cả. Và người thứ hai gán cho hành-động đó một ý nghĩa khác cũng vẫn có lý, cứ như thế...,

Cho nên số phận của một kẻ xa lạ với anh em mình là không bao giờ được họ hiểu mình như mình hiểu mình. Suốt đời vẫn chỉ là một ngộ nhận. Ngay đến lúc chết rồi, kẻ xa lạ cũng không được yên nghỉ với cái chết của mình. Cuộc đời của kẻ xa lạ không chấm dứt với cái chết; nó vẫn còn tiếp tục mãi mãi nơi những kẻ còn sống. Từ nay, cuộc đời đó hoàn toàn chuyển sang tay người sống như một sở hữu của họ, tha hồ mà cắt nghĩa, khen chê, suy tôn đả đảo, tùy cái nhìn của mỗi người, mỗi thời đại...

Làm sao mà cải chính chấm dứt « ngộ nhận » sau khi chết, vì ngay lúc còn sống, kẻ xa lạ cũng đã cảm thấy bất lực trước « tấm kính » rồi.

Nhà thơ Maiakowski, đứa con cưng của văn-nghệ Liên-sô, được mọi sự ưu đãi của chế-độ mà vẫn đi tự tử. Đó là một hành-động khó hiểu đối với người ngoài cuộc. Kẻ thì chê, người thì khen, mỗi người đứng ở thế-giới riêng, quan-điểm của mình; ngày nay người ngoài cuộc vẫn tiếp tục khen chê ai nấy đều đưa ra những lý do hợp lý cả. Trước giờ quyết định, Maiakowski đã nhận thức được sự « ngộ nhận » vĩnh viễn đó; người không mong được hiểu và chỉ mong cho cuộc đời mình chấm dứt với cái chết của mình, hay vẫn thuộc về mình sau khi chết, nên đã để lại cho người ngoài cuộc những lời sau đây :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Câu chuyện đã kết thúc
Chiếc thuyền tình đã vỡ
Trước cuộc đời
Tôi đã thanh toán với sự sống,
Đừng đếm lại vô ích
Những đau đớn,
Khôn khổ,
Những lời đàm tiếu quanh co
Hãy ở lại sung sướng.
Đừng kể tôi như một kẻ hèn.
Thành thực mà nói : không có gì để nói.
Giã từ.

MAIAKOWSKI :
TRẦN-KHANG dịch

Tôi trách nhiệm cuộc đời tôi và đã kết thúc nó theo lựa chọn của tôi. Lý do của sự quyết định đó, chỉ mình tôi biết, và tôi muốn mang nó theo tôi sau khi chết. Những người ở lại không thể hiểu được, vì không trách-nhiệm cuộc đời ấy và cũng vì thế đừng tìm hiểu vô ích. Những bàn tán phê bình chỉ là đàm tiếu quanh co.

Những người ở lại nếu còn muốn sống, hãy cứ ở lại sung sướng, nhưng xin để tôi yên phận. Do đó, đừng kết án tôi là kẻ hèn nhát vì chắc chắn lời phán đoán của các người sai nhầm, ngộ nhận. Vì thế giữa tôi và các người ở lại, không thể hiểu nhau được, nên thành thực mà nói trước khi ra đi, tôi chỉ biết nói : Không có gì để nói cả, và xin giã từ vậy.

Hơn nữa, không phải chỉ người ngoài cuộc mới là kẻ xa lạ với tôi, nhưng đôi khi ngay cả người thân yêu cũng trở thành xa lạ. Người ta thường tưởng rằng tình yêu gắn bó hai người làm một, phá vỡ mọi bức tường ngăn cản thông cảm. Thế mà nhiều lúc họ cũng không hiểu nhau và trong lúc đó, họ mới cảm thấy người yêu của mình cũng là xa lạ : « Có những ngày dưới khuôn mặt quen thuộc một người vợ, người ta cũng thấy nàng là người mình yêu quý từ bao năm tháng như một người xa lạ vậy. » M.S. trang 29.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Và sau cùng đôi khi người ta cũng cảm thấy mình là kẻ xa lạ với chính mình. Ta vẫn cho rằng nếu có khó hiểu người khác. Ít ra bao giờ ta cũng hiểu ta. Nhưng lòng tin đó cũng là một ảo vọng. Nhiều lần ta thường phàn nàn và tự trách : Không biết tại sao mình lại làm thế ? Như vậy nghĩa là gì, nếu không phải là vì ta không làm chủ được ta. Mà sở dĩ ta không làm chủ được mọi hành-động, suy nghĩ, cuộc đời ta là vì ta không nắm được toàn diện cuộc đời đó, ta chưa hiểu biết mình đủ. Do đó hình như chính ta lại tạo ra những bức tường ngăn cách giữa ta với ta. Ta tạo nên cái phi nhân « Les hommes aussi secrètent l'inhumain » và người xa lạ, có những phút đến gặp ta trong một tấm gương (De même, l'étranger qui, à certaines secondes, vient à notre rencontre dans une glace) trang 29.

Người là xa lạ với chính mình, với người khác, và với vũ trụ vì thân phận lưu đầy. Phi lý là tình cảm xuất phát tự nhận thức về một ly dị (vừa là phân ly vừa có tính cách bi đát nghĩa là cái đáng nhẽ phải hòa hợp, lại chia rẽ) : ly dị giữa những khát vọng vĩnh cửu của con người và tính cách tạm thời, hữu hạn của cuộc đời, ly dị giữa mối băn khoăn, lo lắng gây dựng (Souci, Sorge) xác định yếu tính con người (Dasein) nói theo quan niệm của Heidegger với những cố gắng rút cục cũng trở thành vô ích. Cái phi lý không ở phía con người, cũng không ở phía sự vật, cuộc đời, nhưng ở trong mối tương quan thiết yếu của chúng. Người bị ném vào đời và bị gắn bó với đời mà lại không thể hòa hợp. Cho nên phi lý ở chỗ con người thì ước muốn mà đời lại làm con người chán nản.

> « Cái phi lý phát sinh từ chỗ đối chiếu giữa tiếng gọi của con người và cái im lặng vô lý của vũ-trụ » M.S. trang 45
> hay « Cái phi lý là sự đối chiếu giữa cái phi lý và ước muốn cái sáng sủa phát xuất từ đáy lòng con người » M.S. trang 37.

NGƯỜI XA LẠ.

Trong cuốn truyện người xa lạ (L'étranger) Meursault là một thanh niên làm công cho một hãng ở thành phố Alger. Cuộc đời của chàng trôi qua một cách bình thản, tầm thường vô vị như là rập theo những thói quen. Lúc nhàn rỗi, đi xem chớp bóng hay tắm bể. Nghe tin mẹ mất, chàng xin phép đi đưa đám mẹ nhưng lại chẳng thấy cảm động gì cả. Người chung

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

quanh lấy làm kinh ngạc về thái độ đó của chàng, mặc dầu thế chàng không muốn làm ra vẻ thương xót bề ngoài.

Rồi một cô gái xen vào đời chàng do một tình cờ ngoài bãi biển. Marie tỏ vẻ muốn yêu chàng và muốn biết chắc chàng có yêu nàng không như trăm nghìn cô gái khác. Nhưng với Meursault, cái mà người ta thường gọi là ái tình chẳng qua chỉ là một công lệ, một tập quán.

Cuộc đời chàng cứ thế mà trôi cho đến một ngày tự nhiên chàng trở thành kẻ sát nhân. Một hôm, chàng cùng vài bạn người Âu dự một cuộc ẩu đả với mấy người Ả-rập. Rồi, hôm sau một mình lang thang trên bãi biển chàng gặp lại một người trong bọn chàng nhằm người đó, bóp cò, không bồi rồi sợ hãi, cũng không phải vì thù hằn giận dữ, chẳng hiểu tại sao, và đâu là lý do của sát nhân.

Meursault bị đưa ra tòa và bị kết án tử hình.

Chàng là một kẻ xa lạ sống giữa những người xa lạ. Mẹ chết mà không thấy thương, gần đàn bà mà lại không yêu, tuy vẫn không chống lại đề-nghị cưới của người yêu mình, giết người không phải vì hằn thù quyền lợi, nhưng là có lẽ tại ánh sáng mặt trời chói quá.

Nhưng làm thế nào được ? Chả nhẽ lúc đưa đám ma mẹ, không thấy cảm động cứ phải giả vờ xúc động cho vừa lòng người ngoài; hay không yêu Marie mà cứ nói là yêu và sau cùng trong tòa án, khi bị lấy cung, tuyên bố là chỉ vì mặt trời làm cho dân chúng cười ồ và luật-sư nhún vai thất vọng. Tình cảm xa lạ chính là ở chỗ ly dị giữa một cuộc đời sống thực, tầm thường vô nghĩa với vụ án mà người ngoài tạo nên về cuộc đời đó.

Meursault đi đám ma mẹ mà không xúc động, có một nhân tình mà không yêu, giết một người không phải lý do nào hết. Đời chàng dệt bằng những cử chỉ vô thường, và chàng sống thực những cử chỉ đó. Nhưng những cử chỉ đó được xếp lại thành một tổng hợp lý sự để biện hộ cho chàng phía luật-sư, hay để kết án chàng phía công-tố-viện.

Công-tố-viện buộc tội : « Thưa các ngài, ngày hôm sau đám tang mẹ, người này đi tắm biển giao du với gái và đi xem một phim khôi hài. Tôi

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

không còn gì để nói ». Sau đó ông lại lên tiếng : « cũng người đó sau đám tang mẹ đã trụy lạc và giết người một cách vô lý để thanh toán một câu chuyện phong tục không xứng đáng ».

Nhưng những lời buộc tội đó chỉ là xây dựng không đúng với sự thực. Và Marie, người làm chứng không thể chịu được sự ngộ nhận của lý luận hợp lý đó, đã nức nở la lên rằng : « Không phải thế còn cái gì khác nữa, người ta đã bắt chàng nói những điều trái với lòng chàng nghĩ ! ».

Rồi luật-sư cũng không nhịn được vì ông không nhận thấy có một tương quan luận-lý, nhân quả giữa đám ma mẹ với việc giết người : « Vâng, thế người này bị kết án vì đã đưa đám ma mẹ hay vì đã giết người !. Đó là hình ảnh của vụ kiện này; mọi sự đều đúng và chẳng có gì đúng ».

Còn Meursault, trong những buổi hỏi cung, buộc tội kéo dài suốt cả buổi, chàng có cảm tưởng như người ta đang nói đến một người khác nào đó, không phải là nói về chính mình.

« Trong những lý luận của công-tố viện và luật-sư, tôi có thể nói rằng người ta nói nhiều về tôi hơn là nói đến tội của tôi. Và những lý luận đó có khác nhau thực không ? Luật-sư dơ tay công nhận tôi có tội, — nhưng xin tha. Ủy-viên công-tố cũng dơ tay buộc tội, và xin không tha. Đã vậy có một điều làm tôi khó chịu. Mặc dầu những băn khoăn của tôi, đôi khi tôi có ý định can thiệp và luật-sư của tôi nói : « Anh im thì lợi hơn cho anh ». Như thế là người ta muốn giải quyết vụ này mà không có tôi. Mọi sự xảy ra mà tôi không can thiệp gì vào. Số phận của tôi bị ấn định mà tôi không được hỏi ý kiến. Thỉnh thoảng, tôi lại muốn làm cho mọi người ngưng lại để nói : « Dù sao, ai là kẻ bị cáo ! người bị cáo cũng quan hệ chứ ! Và tôi có những cái để nói ! » trang 140.

Nhưng rồi Meursault cũng không nói gì, vì chàng thấy vô ích, chẳng ai có thể hiểu và muốn hiểu chàng. Cho nên trong khi người ta bênh vực hay buộc tội chàng, chàng lãnh đạm nghĩ đến những tiếng động ở ngoài phố và chỉ mong chóng xong để về nhà giam cho yên thân.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

« Tôi nhớ lại lúc luật-sư của tôi đang nói, tôi nghe thấy tiếng kèn của người bán kem bay đến tận tai tôi. Tôi nghĩ đến những kỷ-niệm về một cuộc đời không còn thuộc về tôi nữa nhưng tôi đã tìm thấy ở nó nhiều vui sướng nghèo nàn và lâu bền nhất : hương mùa hè, khu phố mà tôi yêu. Trời một buổi chiều nào đó, nụ cười và những chiếc áo của Marie. Tất cả những gì tôi làm vô ích ở đó trào lên họng và tôi chỉ vội vã mong người ta chấm dứt ngay để tôi có thể về buồng giam với giấc ngủ của tôi » trang 148.

Người xa lạ không thừa nhận những luật lệ tôn chỉ của những người xa lạ khác, của xã-hội và vẫn bị xã-hội kết án. Meursault là kẻ có tội, là thủ phạm trước xã-hội; nhưng bởi vì chàng không nhận những luật lệ của người khác, chàng không thấy cần phải biện hộ, và nếu bị kết án chàng trở thành nạn nhân của xã-hội. Cho nên trong thế-giới của những kẻ xa lạ, không ai là thủ phạm hay nạn nhân hoàn toàn, hay vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân, vừa có tội vừa vô tội.

Meursault không giết người để bảo vệ một cái gì như Tổ-quốc, quyền-lợi, Thượng-đế, hay để thỏa-mãn những căm thù, oán giận hoặc giết để mà thấy cái thú của sự giết. Meursault giết chẳng để làm gì cả. Chính chàng cũng chẳng hiểu tại sao vì chàng thực sự không có ý định giết người Ả-rập, cho nên sau khi bị hỏi nhiều quá, chàng chỉ thấy có một lý vu vơ : Tại ánh sáng mặt trời chiếu trên mặt nước làm chói mắt chàng !

DỊCH HẠCH. (I)

Giết người mà lại vô tội, thủ phạm đồng thời cũng là nạn nhân. Sự kiện đó nói lên tình cảnh phi lý của thân phận con người ở đời này là một chốn lưu đầy. Vì cái xấu, tội lỗi nằm ngay trong sự hiện hữu. Sinh ra là đã ở trong tình trạng tội lỗi rồi. Đó là tình cảnh của nơi lưu đầy, của khu vực dịch hạch đang lan tràn.

Trong một thành phố náo nhiệt, mọi người lo lắng làm ăn yên ổn bỗng nhiên có những bầy chuột bò ngổn ngang uể oải rồi lăn ra chết ngoài đường, chân cầu thang. Chuột chết hết đến lượt người cũng thay nhau nằm xuống. Số nạn nhân càng ngày càng đông, chôn không xuể phải đào hố công cộng

(I) La peste. Tiểu thuyết, xuất bản 1947.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

để lấp cho chóng. Thành phố bị phong tỏa để ngăn ngừa bệnh dịch tràn sang các vùng khác. Thành phố dịch hạch kia là hình ảnh của tình cảnh lưu đầy, và vi trùng dịch hạch là hình ảnh của sự xấu, của tội lỗi. Tại sao có dịch hạch ? Ai mà biết được; Một buổi sáng dân chúng thức dậy và thấy chuột chết, rồi họ cảm thấy bị đe dọa, và bị thua, thế thôi. Vi trùng chính là phi nhân, thù địch. Người ta mắc phải vi trùng mà không biết tại sao và như thế nào. Người ta chỉ biết là vi trùng đến từ bên ngoài, và mang nó như một vật xa lạ để rồi lại truyền sang người khác.

Rút cục ai nấy đều bị lây cả. Sự xấu cũng thế. Nó cũng đến từ đâu không biết như một tai ương, một định mệnh. Ta mang trong mình như một vật xa lạ và truyền lại cho người khác. Mỗi hành-động của ta như một gợn sóng, vừa thành hình là lan tràn ra xa ngay mà ta không thể lường được những hậu quả tốt xấu của nó trong khi lan tràn. Không thể quả quyết một cách chắc chắn và dứt khoát một hành-động nào là xấu hay tốt. Một hành-động xấu có thể đưa đến hiệu quả tốt hay ngược lại. Nói một lời đẹp, viết một cuốn sách tốt không phải là một điều tốt tuyệt đối, vì có thể làm tệ liệt óc suy nghĩ sáng kiến của người khác; Thắng được kẻ thù không phải là một thắng lợi hoàn toàn nếu không có sự tham dự của kẻ bại. Thành ra mọi người đều trách nhiệm mà cũng không trách nhiệm trước mọi đau khổ, tàn phá, đâm chém, bất công, áp bức ở đời này. Ai cũng gây ra tội, mà thực ra không ai chịu trách nhiệm cả. Giết người mà vẫn vô tội. Nếu sự tội là từ ở ngoài mà vào cuộc đời này như vi trùng từ ở ngoài đột nhập thân-thể như một vật xa lạ, ta mang tội rồi truyền sang người khác mà vẫn là vô tội.

Do đó đừng lấy lẽ nhân danh luân-lý, bảo vệ công chính bênh vực nạn nhân để kết án, vì kết án là lại làm cho mình trở thành thủ phạm, và thủ phạm bị ta kết án trở thành nạn nhân. Ta không thể diệt bạo động bằng bạo động. Chúng ta đang ở trong khu vực đã bị phong tỏa vì bệnh dịch. Mọi người đều lây và không ai dám trách rằng người bên cạnh đã truyền bệnh cho mình, vì chính người đó cũng đã bị lây bởi một người bên cạnh khác.

Như thế không còn nghĩa gì khi nói đến trường hợp này trường hợp kia để phê bình kết án, vì cả bầu khí đã bị lây; sự tội đã ở ngay từ khởi điểm

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cuộc đời. Bao lâu chưa thoát khỏi cảnh tù đầy, thành phố bị dịch, lý luận, phê bình chỉ là : « Đàm tiếu quanh co » trong cái vòng lẩn quẩn phi lý.

LƯU ĐẦY VÀ QUÊ NHÀ (I).

Trong tình cảnh phi lý cuộc đời này, trước hết là không nên ước mong có sự thông cảm, hiểu biết của người khác vì không bao giờ có thể có được. Cái phải, hợp lý cũng phi lý như cái phi lý có thể hợp lý. Nếu thực tại đã là một ly dị như vậy, thì lời nói chỉ là biểu lộ thực tại còn phản ảnh làm sao được chân lý. Cho nên qua lời nói, sự ly dị càng trầm trọng giữa thực tại và lý luận. Luật-sư của Meursault để biện hộ cho Meursault đã muốn nói lên thực tại như Meursault đã sống. Nhưng ông có cách nào khác ngoài những ý niệm và danh từ; mà danh từ và ý niệm lại là những bức tường, tấm gương chỉ để lọt qua những âm thanh và giữ lại ý nghĩa của chúng. Do đó lời nói chỉ gây thêm « ngộ nhận » và như vậy tốt hơn cả là im lặng khi không hy-vọng trao đổi sự thực. « Một người là người bởi những điều mình yên lặng hơn là bởi những điều mình nói » M.S. 116.

Im lặng trước người khác, nhưng còn trước cái phi lý của lưu đầy, có thể làm được gì ? Kẻ xa lạ có thể thoát khỏi khu vực dịch hạch, chốn lưu đầy để tìm về một Quê nhà nào đó không ? Có hai lối thoát thông thường và Camus đều từ chối cả hai.

Người ta có thể thoát khỏi tù đầy bằng tự tử. Nhưng theo Camus không có một liên-lạc luận lý giữa nhận thức về cái phi lý và sự tự tử vì cái phi lý không phải ở phía con người, cũng không phải ở phía sự vật, nhưng ở trong mối tương quan thiết yếu của chúng mà lại là một ly dị. Nếu con người ở đời cũng như cái cây, hòn sỏi kia, không bao giờ đặt ra vấn-đề gì. Sở dĩ có tình cảm phi lý là vì con người biết ý thức được sự mâu thuẫn giữa những nguyện vọng của con người và cuộc đời làm chán nãn, tiêu ma những nguyện vọng đó. Vậy tự tử là xóa bỏ ý thức, đồng thời cũng là xóa bỏ vấn-đề, mà không giải quyết nó.

(I) L'exil et le Royaume đoản-thiên xuất bản 1958

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu không thể tự tử, người đi đầy có thể hy-vọng trở về Quê nhà một ngày kia không ? Camus cho rằng hầu hết các triết-lý, tôn-giáo đều khởi điểm tự nhận định về tính cách đầy ải cuộc đời này và đều đề nghị một lối thoát, một hy-vọng cứu rỗi. Camus từ chối tất cả những hy-vọng đó chỉ là gian lận và ảo vọng. « Hy-vọng một đời sống khác xứng đáng hơn hay là gian lận của những người sống không phải cho cuộc đời này, nhưng cho một ý tưởng cao cả nào vượt cuộc đời này, lý tưởng hóa nó, cho nó một ý nghĩa và phản nó ». Mythe de Sisyphe. Trang 21.

Hy-vọng một đời khác, hoài niệm một quê nhà sau tù đầy là một cách phủ nhận tình trạng phi lý khác mà không chấm dứt được phi lý Camus gọi n ững giải pháp thoát ly đó là một tự vẫn triết-lý (Suicide philosophique).

Vậy phải thức tỉnh, kêu lên tính cách phi lý của cuộc đời, nhưng rồi để bằng lòng ở lại cuộc đời đó : *Tù đầy chính là Quê nhà.*

« Vấn-đề là tìm xem đời này có nghĩa để sống không ? Và ở đầy ta thấy đời càng vô nghĩa bao nhiêu càng đáng sống bấy nhiêu ».

Vì tôi không thể biết có cái gì ngoài cuộc đời này. Tù đầy, đất tôi đang đứng, mặc dầu xa lạ, và thù địch cũng vẫn chắc chắn hơn mọi hy-vọng hay hoàn niệm. Malraux cũng nói một câu tương tự : đời chẳng đáng giá gì cả, nhưng không gì đáng giá bằng cuộc đời. (La vie ne vaut rien, mais rien ne vaut une vie).

« Tôi không biết đời này có một nghĩa gì không. Nhưng tôi biết rằng tôi không biết ý nghĩa đó và hiện bây giờ tôi không thể biết được nó. Một ý nghĩa ở ngoài thân phận tôi có một nghĩa gì với tôi ? Tôi chỉ có thể hiểu bằng những chữ của loài người. Cái mà tôi đụng tới, cái chống lại tôi, đó là tất cả những gì tôi hiểu ». Mythe de Sisyphe.

Tôi lựa chọn ở lại nơi lưu đầy vì trong đó có những sự thực chắc chắn hơn là một Quê hương chỉ là hứa hẹn, ảo mộng.

« Với ai cảm thấy mình liên đới với số phận của đời này, sự va chạm các nền văn-minh có một cái gì đáng lo ngại . Tôi chấp nhận sự lo ngại

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đó đồng thời tôi muốn góp phần vào nữa. Giữa lịch-sử và vĩnh-cữu, tôi chọn lịch-sử vì tôi yêu những sự thực chắc chắn. Ít ra, tôi cũng chắc chắn rằng nó có và làm sao tôi có thể chối được cái sức của nó đang đè bẹp tôi ? (M.S. trang 118).

Cái đẹp, cái quý không phải là ở trong hy-vọng hão huyền, nhưng trong cái chóng qua, hay tàn của cuộc đời : « Làm sao không hiểu được rằng trong cái vũ-trụ dễ vỡ này, tất cả cái gì là nhân loại, và chỉ là nhân loại, đều mặc một ý nghĩa rất nồng nhiệt ? Những khuôn mặt căng thẳng, tình anh em bị đe dọa, tình bạn mãnh liệt giữa người với người đó chính là những giàu có đích thực vì chúng chóng qua... Chúng tôi không phải không biết điều đó, tất cả các Giáo-hội đều chống lại chúng tôi vì họ tin có vĩnh-cữu. Nhưng tôi không có dính dáng tới vĩnh-cữu (M.S. trang 121).

« Chọn ở lại cảnh tù đầy, không phải là thất vọng, vì những ngọn lửa của mặt đất đáng quý hơn là Hương thơm trên trời » (M.S.125).

Người xa lạ nhận định về cuộc đời phi lý và chọn cảnh tù đầy làm Quê nhà : « Cái địa ngục của hiện tại, chính là Quê hương của kẻ tù đầy » (M.S. 75)

* * *

Trước một thái độ chân thành, đừng vội cho là bi-quan. Những bi-quan, lạc-quan biểu lộ một phán đoán dễ dãi của những người không muốn tìm hiểu.

Chúng tôi nghĩ rằng có thể chấp nhận kinh-nghiệm phi lý của Camus. Phi lý không phải là cái có thể cắt nghĩa hay chứng minh được. Người ta không thể thảo luận mà chỉ có thể hoặc là cảm thấy hoặc là không cảm thấy. Thế thôi. Cái đặc điểm của kinh-nghiệm phi lý là ta chỉ thấy phi lý khi vào trong nó, và không thể thấy nếu đứng ở ngoài. Do đó tranh luận để biện hộ hay bác bỏ đều vô ích. Phi lý là một tình cảm trước khi là một tri thức.

Nhưng điều ta có thể thảo luận với Camus ở đây là mối liên-lạc giữa kinh-nghiệm phi lý và sự lựa chọn ở lại trong phi lý. Ta có thể chấp nhận phi lý, nhưng có một liên-lạc *tất yếu* giữa phi lý và thái độ ở lại trong phi lý không hay đó chỉ là một *lựa chọn*, một bước nhảy cũng dựa vào một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lòng tin nào đó thôi ? Theo chúng tôi, không có một liên-lạc tất yếu ; nhưng nếu những thái độ trước cuộc đời là lựa chọn (option) chúng ta vừa phải kính trọng tất cả đồng thời cũng không bó buộc vì lý luận, phải theo một lựa chọn nào ! Do đó, không thể đứng ở một lựa chọn này để gạt đi những lựa chọn khác.

Chúng tôi nghĩ rằng từ một kinh-nghiệm về phi lý, có thể lựa chọn một hy-vọng cứu rỗi, hồi tưởng một quê nhà, vì làm sao có thể hiểu được lưu đầy nếu không tưởng tới cái đối lập để so sánh là Quê nhà. Thế nào là lưu đầy nếu không có Quê nhà.

Nhưng dù sao hy-vọng một Quê nhà cũng vẫn chỉ là một lựa chọn như sự lựa chọn Lưu đầy là chính Quê nhà.

Chúng ta đều đi vào đời rồi mới nhận định rằng cuộc đời là vô nghĩa hay có nghĩa. Nhưng những kinh-nghiệm riêng tư đó không bao giờ bao quát được cuộc đời trong cái toàn diện của nó, vì chúng ta chỉ là thành phần của cuộc đời toàn diện. Chúng ta *đứng trong* cuộc đời mà nhận định. Do đó mọi phán đoán, mọi thái độ đều biểu lộ một quan điểm của ta về cuộc đời *trong* cuộc đời đó. Chúng ta đồng ý với Camus là ta không thể thoát khỏi cuộc đời, kinh-nghiệm riêng tư để nhìn nó một cách tổng quát. Chúng ta bị giới hạn trong cuộc đời và mọi khái niệm đều mặc tính chất nhân loại.

Vô thần hay hữu thần chỉ là những quan điểm của con người. Khi ta nói về Thượng-đế, thì cũng là quan điểm của ta về Thượng-đế, không phải quan điểm của chính Thượng-đế về ngài.

Vì thế bi quan hay lạc quan, quyết định ở lại cuộc đời hay hy-vọng cứu rỗi đều là những lựa chọn, những bước nhảy vào phiêu lưu.

Đặc biệt là những nhận định và lựa chọn đó không thể đụng chạm gì tới vấn-đề nguồn gốc cuộc đời. Sự ý thức về cuộc đời đến sau sự hiện-hữu của cuộc đời đó. Khi ta biết tra hỏi về cuộc đời ở đâu mà có, thì cuộc đời đã có đấy rồi.

Cho nên nguồn gốc cuộc đời chỉ có thể hoặc là cũng phi lý, ngẫu nhiên,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

vô thường hay do một sáng tạo nào đó ! Nhưng đấy cũng vẫn là những lựa chọn mà thôi.

Phần chúng tôi, chúng tôi tin rằng đời này do một Ý-chí Sáng-tạo mặc khải, và lựa chọn một hy-vọng cứu rỗi, mong ước về một Quê nhà sau này. Lòng tin đó không phải hoàn toàn sáng sủa vì cũng là một thách đố, hay là một bước nhảy vào trong đêm tối mà người không đồng ý cũng không thể hiểu được, và cho là phi lý. Lòng tin là liều lĩnh, nhưng chính vì là liều lĩnh nên mới gọi là lòng tin; nếu biết chắc chắn tương lai ngay từ bây giờ không còn phải là tin tưởng và hy-vọng nữa như Péguy đã nói : Hy-vọng là điều độc nhất làm cho Thượng-đế cũng phải kinh ngạc.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Từ Tri thức PHẢN-KHÁNG
đến Tình liên đới NHÂN-LOẠI *

LÊ-TUYÊN

« ... dans la révolte, l'homme se dépasse en autrui ...
Je me révolte, donc nous sommes. »
Albert Camus (*L'Homme Révolté*)

KHÔNG đợi đến 1957, văn nghệ thế giới và con người của thế kỷ mới nhận định rằng văn phẩm của Camus, với « *niềm thông cảm sâu xa đã tỏa ánh sáng vào bao nhiêu vấn đề được nêu ra trước ý thức nhân-loại hiện đại* » (1), để trao tặng cho Camus giải thưởng Nobel, mà chính từ 1952 trong tạp chí « Thời hiện đại » (Les temps modernes), Jean Paul Sartre, trong một bức thư ngỏ cùng Camus đã nói : « *Đối với chúng tôi, anh là sự phối hợp vẹn toàn của một con người, một hướng hành động và một sự nghiệp văn chương. Anh quy kết trong anh bao nhiêu mâu thuẫn, tương khắc của thời đại để rồi anh đã vượt qua với nguồn sống dào dạt của anh* » (2).

Như Sartre đã bình phẩm về mình, như Malraux, nhà văn tiền-phong của thế kỷ đã nêu ra vấn đề thân phận con người để rồi qui về trong những luận cứ siêu hình cao cả, Camus cũng chính là nỗi lòng của thời đại trước và sau đại chiến 1939-1945. Nhưng không như Sartre đã suy tư

(1) Anders Oesterlings — Hàn lâm viện Stockholm. (Thụy-điển)
(2) Jean Paul Sartre — « Lettre à Albert Camus — « Temps Modernes » 1952.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trước một cuộc đời miên viễn, hướng con người trôi dạt vào một cuộc phiêu lưu, không như Malraux đã hóa thân con người cách mạng thành một nghệ phẩm bất diệt trước thời gian, Camus đã từ một nhận định phi lý về đời, qui định con người đứng trước bao nhiêu phi lý đó, để rồi cùng nhau can đảm vượt qua trong một ý thức phản kháng, tìm ra ý nghĩa của đời bằng cách vượt phi lý trong tri thức phản kháng của mình (3)

Qui định con người đứng trước bao nhiêu phi lý của đời, phi lý của đời sống trôi dạt hằng ngày, phi lý của tuổi đời và thời gian vận chuyển con người qua hai chiều sinh diệt, phi lý của vũ trụ và vạn vật thờ ơ, phi lý của cái chết chờ mỗi một chúng ta ở cuối đời, nghĩa là đặt con người tương quan với sự biến dịch của cuộc đời đi từ sinh đến tử qua bao nhiêu sự kiện và biến cố đã dệt nên đời người và đồng thời cũng là một hướng thời gian bi thảm. Đặt con người tương quan với bao nhiêu phi lý đó để con người có dịp đối chiếu mình với cuộc đời, để từ sự đối chiếu đó con người may ra có thức tỉnh.

Thức tỉnh nghĩa là biết đời phi lý và mình vô nghĩa. Nhưng biết để làm gì ? Tuyệt vọng và tự tử ư ? không thể được, vì tự tử là đi từ một nhận thức phi lý về đời để va vào một phi lý khác. (Tự tử là chết mà chết phi lý, lấy phi lý mà đền cho phi lý, không giải quyết vấn đề.) Cho nên « *một dao oan nghiệt* » chưa thể « *dứt dây phong trần* » (4), vì dao oan nghiệt đưa con người chạm vào cái chết phi lý của đời. Thế thì nên hy vọng chăng, hy vọng ở một cuộc đời tươi đẹp, mới mẻ ngày mai để có thể quan niệm rằng rồi đây tất cả mọi vấn đề nêu ra đều có thể được giải quyết được, và vì ngày mai trời lại sáng cho nên có thể chấp nhận hiện hữu vô lý để ngưỡng vọng đến tương lai :

« *Bắt phong trần phải phong trần.*

« *Cho thanh cao mới được phần thanh cao.* » (4)

---

(3) Tác phẩm của Albert Camus : L'Etranger — Le Mythe de Sisyphe — L'homme révolté.

(4) Nguyễn-Du : Đoạn trường tân thanh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đấy là đức Tin tôn giáo, đấy là những ngưỡng vọng siêu hình an ủi chỉ hứa hẹn với con người ở một kiếp đời mai sau, chứ không giải quyết được gì trong thế giới này. Mà tiếc thay, theo Camus, con người không thể chờ đợi đến mai sau, vì « *Những gặp gỡ của tôi chỉ ở trên thế giới này* » Và vì những gặp gỡ của con người chỉ ở trên thế giới này cho nên tự tử và hy vọng không phải là những lời giải đáp thích nghi cho cuộc sống. Nếu tự tử chạm vào phi lý, thì hy vọng chỉ làm loãng phi lý ra, làm cho con người mất ý thức về hiện hữu, và mất ý thức về hiện hữu, con người sẽ sống buông xuôi dễ dãi, mặc cho giòng đời lôi cuốn, mặc cho thân mình trôi dạt và sẽ rơi vào trong phi lý của cuộc sống hằng ngày. Cho nên hy vọng nối chân theo cùng tự tử trong một đêm dày tuyệt vọng.

Con người thức tỉnh không thể dấn thân vào tự tử và hy vọng. Con người thức tỉnh là con người có ý thức về mình và về cuộc đời. Đấy là con người biết « *giật mình* » và dù « không » *thương mình xót xa* » đi nữa, thì chính cũng thấy mình đang sống trong một hoàn cảnh giới hạn như thế nào, và dù hoàn cảnh giới hạn ấy có chống đối lại ý thức muốn sống của mình, mình cũng nên biết rằng nó có, đang có, vì mình hiện đang sống trong đó. Ý thức chúng ta, tri thức chúng ta nhận định như thế, như Thúy Kiều biết mình :

« *Giờ sao tan tác như hoa giữa đường*
« *Mặt sao dày gió dạn sương*
« *Thân sao bướm chán ong chường bấy thân,* » (4)

để rồi từ khước cũng bằng tri thức trong một thái độ phản kháng :

« *Vui là vui gượng kẻo là*
« *Ai tri âm đó mặn mà với ai* » ? (4)

Với nghĩa ấy, và theo Camus, điều kiện của sự thức tỉnh chính là mối tương giao bi thiết giữa ta và cuộc sống, trong nhận định thường xuyên giữa đời phi lý và ta vô nghĩa. Phải luôn có nhận định đó, và cái gì giúp ta nhận định thế, nếu không phải là tri thức phản kháng của ta đã bật ra

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

từ một cuộc đời mà ta nhận thấy rằng bi đát và từ một số kiếp mà ta thấy rằng chìm nổi vô ích trong thân phận làm người. Phản kháng vì thế chính là sự đối chiếu thường xuyên giữa người và số kiếp đen tối, và vì thế phản kháng là thái độ của con người luôn đặt lại vấn đề cuộc đời trong từng phút từng giây, cho nên nếu mọi người chúng ta đều là những kẻ thức tỉnh, thì cuộc đời là một trường phản kháng, và con người là hiện thân của phản kháng giữa đời. Vì mỗi một lần chúng ta thức tỉnh là mỗi lần chúng ta bất mãn, là mỗi lần chúng ta chống đối. Và vì mỗi lần thức tỉnh là chúng ta chống đối, cho nên mọi phản kháng của con người chỉ là *một ý thức về cuộc đời.* Vì thế theo Camus, ý thức về đời và phản kháng là hai hạng từ đi song hành với nhau, chứ không phải tương giao sau trước. Và sự song hành ấy của ý thức và phản kháng theo Camus chính là bản chất của con người, chính là TRI THỨC của con người hay nói một cách khác, tri thức của con người là một *Tri thức phản kháng.* Vì tri thức con người là một tri thức phản kháng cho nên con người không tịnh mà động. Con người không phải là cái này hay cái kia, không phải là một thực tại bất biến, liên hệ với một tư tưởng này hay với một tư tưởng kia, sống chết với một chế độ này hay một chế độ kia, mà con người là một cái « *Dịch* » thường xuyên, một cố gắng khôn cùng để đi về một tự-do mà không bao giờ chúng ta có thể đạt đến toàn vẹn. Vì toàn vẹn là dừng lại, là thôi phản kháng, mà tri thức không bao giờ chấp nhận cái thôi phản kháng ấy cho nên trong cuộc đời và trên cuộc đời, bao giờ còn có con người là bấy giờ còn có cái Dịch phản kháng ấy của tri thức nhân loại.

Còn nhân loại, còn con người, còn phản kháng. Vì thế phản kháng là một lịch trình. Camus phân biệt hai biến trình của lịch trình phản kháng :

1) Biến trình của tri thức phản kháng thể hiện trong văn chương và qui định thành những giòng tư tưởng kết dệt trong một ý thức siêu hình. Trong biến trình này Camus đã đi từ những thái độ phủ nhận tuyệt đối (Sade, Dostoievski) đến những thái độ khẳng định tuyệt đối. (Stirner, Nietzsche) Với biến trình này « *Con người đứng dậy chống đối với thân phận làm người và toàn cả sự sáng tạo vũ trụ.* » (5)

---

(5) Albert Camus. L'homme révolté trang 39.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

2) Biến trình thứ hai là sự phản kháng được cụ thể hóa bằng biến cố, bằng hành động của đời, đi từ tư tưởng trong biến trình tri thức đến sự kiện của cuộc sống. Đó là phản kháng lịch sử hay là Cách-Mệnh.

Nhưng cả hai biến trình đều đưa lại bi thảm. Vì nếu trong ý thức siêu hình con người sát hại tinh thần, thì trong phản kháng lịch sử con người sát hại vật thể. Tâm và Vật đều bị phản kháng sát hại, và con người trở nên những kẻ sát nhân— Phản kháng trong lịch sử là một phản kháng vô độ, vì thế không đem lại an vui cho cuộc đời mà chỉ đưa lại thảm sát. Cho nên không thể quan niệm phản kháng là đối lập, tương tranh, đấu tranh, mà chính chỉ là sự thức tỉnh của con người, một sự thức tỉnh thường xuyên để đi tìm nghĩa sống trong một cuộc đời vô nghĩa — Tri thức phản kháng vì vậy như một bản thể đi song hành với những hiện thể người và vì vậy tư tưởng của Camus hoàn toàn đối lập với Sartre trong sự chấp nhận có một bản thể song hành với hiện thể người trong cuộc sống. Tri thức phản kháng là một giá trị, vì làm sao lại có thể luôn luôn phản kháng nếu không có một tri thức bảo tồn ý thức phản kháng lại trong ta ? Từ nhận xét ấy, Camus đi đến một nhận định đối lập với Sartre : « *Có một bản thể nhân loại đối lập với những định đề của triết học hiện đại. Giá trị ấy vốn có trước mọi hành động, và tương khắc, đối lập với những triết học thuần lịch sử trong ấy người ta quan niệm rằng giá trị chỉ có thể chiếm đạt được nhờ động tác.* » (6) Có một bản thể người, và bản thể ấy được thể hiện ra ngoài đời và trong số kiếp con người bằng tri thức phản kháng. Vì vậy phản kháng theo Camus không phải là lối bạo động đầy hận thù và chứa chan hy vọng của một kẻ bất mãn trong hiện tại. Camus đã vượt qua hận thù và hy vọng, để chỉ còn nhìn phản kháng như một tri thức thuần túy, một tri thức kháng nghị thuần túy theo quan niệm của Kant. Vì phản kháng phát xuất từ một lý tưởng sống, từ một ý thức muốn sống của con người trong khi đã chấp nhận cuộc đời, cho nên phản kháng không phải là công việc của một cá thể nào hay của một con người trừu tượng nào, mà phản kháng chính là sự liên đới, tình liên đới giữa mọi con người bằng

---

(6) Albert Camus. L'homme révolté trang 27-28.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xương bằng thịt, tình liên đới giữa tất cả các nạn nhân của cuộc đời không kể sang hèn giai cấp, không kể trí thức hay cần lao, vì tất cả chúng ta đều là những kẻ đã bi đát sống và sẽ phi lý chết.

Cho nên phản kháng sẽ làm nổi bật ý thức muốn sống của chúng ta, vì « *Tôi phản kháng, nghĩa là chúng ta cùng sống.* » (7) (Je me révolte, donc nous sommes). Chúng ta liên đới cùng nhau trong bi đát sống và phi lý chết, và ý thức phản kháng của chúng ta chính là ý thức muốn sống với cuộc đời, một ý thức muốn sống có thể vượt qua bi đát và phi lý đó, một ý thức muốn sống có thể hoàn tất trong tình liên đới nhân loại. Cho nên từ con « *Người xa lạ* » (8) cô đơn, phi lý, sống vô nghĩa, chết vô vị, nghĩa là từ bi đát sống và phi lý chết, Camus đã hướng con người đến lối chấp nhận một nghĩa đời trong cuộc sống. Chấp nhận một nghĩa đời trong cuộc sống, nghĩa là đã phản kháng lại cái vô nghĩa và vô lý của đời, và một khi đã phản kháng, thì không phải phản kháng riêng ta, mà phản kháng của tôi nghĩa là đề cao ý sống của tất cả.

Cho nên Camus đã đi từ chủ thể đến tha nhân, trong một liên hệ tình cảm và « *Bệnh dịch hạch* » (9) chính là liên hệ tình cảm đó để tạo lập một nghĩa đời. Vì thế « *Bệnh dịch hạch* » chính là nơi gặp gỡ giữa các con người trong cuộc đời, một sự gặp gỡ trong sự chịu đựng tai ách của thân phận làm người, một sự gặp gỡ mà mọi số kiếp riêng rẽ, mọi số kiếp đối lập đều được hòa tan trong một tình người không biên giới, một tình người chỉ có thể hiểu được trong mối thông cảm sâu xa giữa mọi tâm hồn cùng hướng về sự sống trong một hoàn cảnh nhất định. « *Bệnh dịch hạch* » là một vượt bực của con người tri thức để đạt đến con người tình cảm, con người thật của chúng ta ở giữa cuộc đời, con người với bao nhiêu ràng buộc cùng kẻ khác, cùng tha nhân, mà chỉ có tình thương mới bảo tồn sự ràng buộc đó.

---

(7) Albert Camus. L'homme révolté trang 36.

(8) L'étranger. Tác phẩm của A.Camus.

(9) La peste. — nt —

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tha nhân hiện hữu cùng ta, « *Sisyphe không còn cô đơn mà chính đang chiến đấu cùng anh em đồng loại để cùng nâng tảng đá.* » (10) Sisyphe đang phản kháng nghĩa là anh em đồng loại đang cùng sống với Sisyphe và lẽ tất nhiên tảng đá như cuộc đời, sẽ không bao giờ nhắc lên cho nỗi, luôn luôn trong cuộc sống chúng ta còn phải khổ đau, còn phải chịu đựng, còn phải chiến tranh, còn phải sống cùng những bầy chuột Dịch hạch luôn đến tàn phá chúng ta, nhưng tất cả mọi con người chúng ta đã cùng chiến đấu và vì đã cùng chiến đấu nên đã cùng thấy niềm vui và hạnh phúc chung của chiến đấu, và niềm vui cùng hạnh-phúc ấy đã được ý thức qua tình liên đới cùng ý thức muốn sống của tất cả mỗi một chúng ta.

Chúng ta muốn sống, chúng ta cùng sống, và vì chúng ta muốn sống và luôn cùng sống cho nên chúng ta liên đới cùng nhau trong khổ đau cũng như trong hạnh phúc giữa đời. Liên đới với nhau trong khổ đau, chúng ta đã cùng nhau vượt khổ đau, tại sao con người lại không liên đới cùng nhau để đạt đến niềm vui thanh bình và hạnh-phúc chung ấy của nhân loại ? Vì niềm vui hay hạnh-phúc, chỉ có thể phát xuất từ một thực trạng khổ đau sau khi đã vượt khổ đau, thì nếu đã cùng nhau chịu khổ đau, cùng nhau vượt khổ đau, sao lại nỡ không cùng nhau vui hạnh- phúc ? Cùng nhau vui hạnh-phúc nghĩa là đạt đến một xã-hội thánh thiện, một lý trật tự nhân quần mà tất cả mọi người đều cùng vui như nhau, vì tâm hồn của tất cả mọi người đều cùng khát vọng như thể như nhau.

Cho nên « *Bệnh dịch hạch* » trước hết là một thực trạng khổ đau. Khổ đau về vật chất với sự hành hạ của bệnh tình làm cho con người quằn-quại trong những dằn vặt của thể chất, những cơn sốt liên miên, những miệng ọc máu, phơi bày tất cả những cảnh trạng bi thiết của kiếp làm người.

Đau khổ về tinh thần : tất cả những người dân thành phố Oran đều bị bệnh dịch hạch tàn phá và sống xa lạ với nhau, biến thành những Meursault của « *Người xa lạ* », vợ chồng, con cái, anh em, chị em, sống bi đát

---

(10) P.H.Simon. A.Camus et l'homme.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

xa nhau, sợ nhau, trốn nhau, và một chút tình thương còn lại trong tâm cũng dần dần tàn lụn. Thực trạng khổ đau ấy không chỉ là một thực trạng khổ đau của thành phố Oran bị « *Bệnh dịch hạch* » (11), mà cao hơn, đi xa hơn, Oran đã vượt quá giới hạn Oran, cũng như Bệnh Dịch Hạch của Oran là Bệnh của thời đại. Đây là Bệnh giam cầm của đời sống chính trị hiện đại đã làm cho con người không những bị tiêu mòn thể chất mà còn suy diệt cả tâm linh cho đến một chút tình cũng mất. Bệnh Dịch Hạch vì vậy đã đi từ Oran đến những trại an trí của Đức Quốc Xã, đến những trại chỉnh huấn tập trung lao động ở Tây-bá-lợi-á, đến những sự giam cầm thể chất và tâm linh của con người trong những ý thức hệ đơn phương và phát xít, đến những sự sa đọa con người trong máy móc và kỹ thuật.

Cái đau đớn trong Bệnh Dịch Hạch chính là thực trạng bi đát của cảnh con người mất tâm mà Jean Cayrol đã nói trong tập « *Tôi sẽ sống tình yêu kẻ khác.* ». (12) : « Chết quá rùng rợn, chết như thế chắc không thể nào trở về được cùng chúa; cho nên phải sống thêm để trở về với cuộc đời, vì cuộc đời, dù có tội lỗi, cũng vẫn ít tội lỗi hơn là chết thế ! ». (12)

Camus không tin có Chúa, nhưng vì Bệnh Dịch Hạch không chỉ là bệnh dịch hạch, mà bịnh dịch hạch chính là cuộc đời hiện tại với khổ xác và diệt tâm, một cuộc đời bị phong tỏa, nên dù con người có muốn hay không muốn cũng chẳng ích chi. Điều mà con người cần biết là ý thức sự hiện hữu của mình trong phong tỏa đó như Rambert trong bệnh dịch hạch : « *Tôi biết rằng tôi đang ở đây, dù tôi muốn hay là không muốn.* » (11) Rambert đang đối chiếu mình với hoàn cảnh, mà trong hoàn cảnh không chỉ có mình, trong hoàn cảnh còn có kẻ khác, còn có tha nhân, mà nếu con người chỉ nghĩ đến mình mà thôi thì thật là một điều xấu hổ « *il peut y avoir de la honte à être heureux tout seul* ». (11) Nghĩ đến kẻ khác trong một cảnh đời mà mình đang cùng chịu đựng, nghĩ đến kẻ khác trong một trường đau khổ chung đây là liên hệ đau thương, đây là tình nhân loại, và ý thức về cảnh ngộ sẽ làm nổi bật tình nhân loại giữa lòng người, một tình nhân loại trong một hướng đời liên hệ yêu thương mà không cần ai chỉ bảo, không bao hàm Thượng Đế.

---

(11) La peste.

(12) « Je vivrai l'amour des autres. »

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trước viễn tượng trấn áp con người nhân loại không còn lấy được một chút tình thương mà các quốc gia phát xít, chuyên chế, độc tài đã thể hiện từ đầu thế kỷ đến nay, Camus đã đứng lên bênh vực con người, con người bằng xương bằng thịt, bênh vực những gì cao cả nhất trong con người ấy, bênh vực ý thức tiết độ yêu thương đứng lên trên những gì vô độ trấn áp và sát hại. Kêu gọi con người nhân loại đứng lên để chống lại mọi đau khổ trên đời bất cứ dưới hình thức nào, « *Bệnh dịch hạch* » là một tiếng vang của tinh thần tha thứ và khiêm tốn trong tình thương thực hữu và hiện hữu để chống lại tấn kịch bi thảm của con người mất tâm đang tưởng rằng mình có quyết sát hại. Caligula (13) đã thét : « *Ta là Ôn Dịch* » (Je suis la Peste) thì giữa sự chống đối bệnh Dịch Hạch và sự chống đối những bạo chúa như Caligula trên cuộc đời này, đều có một liên hệ tương giao, đưa con người lại gặp nhau trong một phản kháng chung trước mọi vấn đề đau khổ, và vì cùng nhau muốn sống trước khổ đau, trước phi lý, nên sự ràng buộc ý thức muốn sống ấy không phải là tri thức phản kháng đã qua rồi và được thể hiện trong hành động, mà chính là tình yêu thương, tình liên đới nhân loại đang thấm nhuần trong mỗi một tâm thức chúng ta.

* * *

Nếu trọn đời Camus, Camus không sống tình tôn giáo, thì tình nhân loại mà Camus đưa ra chính cũng là một định đề cho tất cả mọi căn bản nhân bản Đông, Tây, một giá trị cao cả và thực hữu của mọi tôn giáo, vì thế cho nên dù có đi trên một biển trình tư tưởng khác biệt, triển vọng chung vẫn là ý hướng giải thoát con người khỏi những cảnh trạng bi thảm của đời.

Nhưng thử hỏi rằng Tình Người mà Camus đã nêu ra và trong mỗi một chúng ta đều chan hòa, mà đời chúng ta đều viển đậm, và Quyền Đời mà những ý thức tư tưởng chính trị của thế kỷ XX là đại diện có thể còn có chỗ gặp nhau nữa hay không, hay Tình Người và Quyền Đời phải là một mối tương khắc càng ngày càng bi thảm, sẽ đưa con người đến tận cùng của hủy diệt, như viễn tượng mà chúng ta trông thấy hằng ngày qua cảnh đời hiện tại ?

LÊ TUYÊN

(13) « Caligula » Một bản kịch của A. Camus.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

LE MESSAGE INTERROMPU D'ALBERT CAMUS

P. RIETSCH

« ...(qu') *une oeuvre d'homme n'est rien d'autre que ce long cheminement pour retrouver par les détours de l'art les deux ou trois images simples et grandes sur lesquelles le coeur, une première foisl s'est ouvert. Voilà pourquoi, peut-être, après vingt années de travai, et de production, je continue de vivre avec l'idée que mon oeuvre n'est même pas commencée.* »

Préface à la ré-édition de « l'Envers *et l'*Endroit » 1958 *p.* 33-34

LA scène se passe au consulat de l'Ambassade du Vietnam à Tokyo, le 5 janvier de cette année. Deux ou trois heures à peine auparavant, les journaux du matin, avaient annoncé comme un événement de portée mondiale la mort tragique et brutale, à 46 ans, du plus jeune lauréat du Prix Nobel de Littérature : Albert Camus. Le consul Vietnamien venait de remettre à sa secrétaire japonaise le visa signé en ma faveur d'un séjour de trois mois dans votre pays, lorsque celle-ci, rompant tout à coup le silence qu'elle avait gardé jusque là, prononça en français, les simples mots que voici : « Albert Camus est mort ! ». Phrase banale, en apparence, mais dite en français par une Japonaise en présence d'un Vietnamien et d'un Français, dans un bâtiment du corps diplomatique, cette phrase, par sa simplicité même, m'a paru prendre une signification lourde de sens et mériter de vous être rapportée comme entrée en matière des quelques réflexions que je propose à votre méditation, ce soir, réflexions que je me plais à grouper autour du titre que voici : « Le message interrompu d'Albert Camus ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nombre de critiques, en effet, se sont retrouvés à qualifier cette mort de l'adjectif même dont Albert Camus s'était assez souvent servi, mais dans lequel il faut se garder de l'enfermer tout entier : « absurde ». Aucun de ces critiques, que je sache, n'a songé à relire l'importante préface que, vingt ans après sa publication restreinte chez l'éditeur Charlot à Alger, il avait cru de son devoir d'ajouter à la réédition de sa première œuvre de jeunesse : « l'Envers et l'Endroit ». Préoccupés de remonter jusqu'aux sources d'une œuvre qui s'étend sur une vingtaine d'années, critiques et professeurs feraient bien, me semble-t-il, d'attacher plus d'importance à la source même où Albert Camus a pris soin de se situer, personnellement, simplement.

« Chaque artiste, écrit-il, garde ainsi, au fond de lui, une source unique qui alimente pendant sa vie ce qu'il est et ce qu'il dit. Pour moi, je sais que ma source est dans l'Envers et l'Endroit, dans ce monde de pauvreté et de lumière où j'ai longtemps vécu et dont le souvenir me préserve des deux dangers contraires qui menacent tout artiste, le ressentiment et la satisfaction ». (p.13).

Notons dans ce texte, comme d'ailleurs à presque toutes les pages de la préface dont il est tiré, l'emploi fréquent du mot « artiste ». Il étonne presque sous la plume d'un écrivain par ailleurs si modeste, toujours en garde contre lui-même et armé d'ironie. Il a fallu que le reproche de s'être réfugié dans l'art pour échapper aux tâches de l'action et de l'histoire aient blessé, chez lui, une fibre très profonde, trop profonde, pour qu'il se soit cru forcé de sortir de sa réserve coutumière et de parler avec une franchise que je qualifierai de typiquement « algérienne », voire avec une fierté espagnole, toujours sensible au point d'honneur.

Ses adversaires se sont donc gaussés de sa retraite après l'Homme Révolté : ils la croient peu glorieuse, lâche. Albert Camus leur répond :

> « Pour corriger une indifférence naturelle, je fus placé à mi-distance de la misère et du soleil. La misère m'empêcha de croire que tout est bien sous le soleil et dans l'histoire; le soleil m'apprit que l'histoire n'est pas tout. Changer la vie, oui, mais non le monde dont je faisais

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ma divinité. C'est ainsi sans doute que j'abordai cette carrière inconfortable où je suis, m'engageant avec innocence sur un fil d'équilibre où j'avance péniblement, sans être sûr d'atteindre le but. Autrement dit, je devins un *artiste*, s'il est vrai qu'il n'est pas d'art sans refus ni sans consentement ». (p.14).

« Consentement » : voilà le grand mot lâché et qui faisait écrire à un critique inconnu et isolé, deux ans après l'Homme Révolté, l'année même de « l'Été » (en 1953):

« Quelle direction prendra maintenant la pensée de Camus ? Nous n'en savons rien. Jean Lacroix pensait que son prochain livre s'intitulerait : De la révolte au consentement ».

Les choses cependant n'allaient pas se passer aussi simplement. Albert Camus n'a point écrit depuis l'Homme Révolté de nouveau traité d'allure philosophique dans le genre du Mythe de Sisyphe. Retourné en arrière, il y a découvert un embranchement qui lui avait échappé. Chemin non moins ardu peut-être que celui qui mène au sommet de la montagne de Sisyphe, et qui s'appelle : la morale. L'absurde, après tout, n'est qu'un sentiment. Assumé sur le plan de l'intelligence, il postule malgré tout la condamnation au nom d'une rationalité implicitement admise ou voulue. Le rejet du suicide conduisait à une impasse philosophique, à une volonté de vivre ni plus rationnelle ni moins absurde que le destin de Sisyphe. Quant à la solidarité découverte dans le fait même de la Révolte, elle n'était pas une conclusion logique, mais une prémisse existentielle. « je me révolte, donc nous sommes » signifie « C'est parce que nous sommes solidaires que je me révolte dès que l'un d'entre nous est menacé dans sa dignité d'homme». Albert Camus n'a donc pas eu à évoluer vers un humanisme. Humaniste - non pas au sens des lettrés, mais en un sens encore plus profond que celui des philosophes du 18e siècle : humanitaire — Albert Camus l'avait toujours été et entendait le rester plus que jamais en face de ce monstre à broyer des vies humaines, Moloch moderne que Sartre et d'autres ont baptisé « l'Histoire ». C'est bien là qu'il faut situer le point de rupture qui a déclenché le célèbre duel Sartre-Camus. Il faut donner raison à Camus de n'avoir point voulu laisser ramener l'histoire à la seule action dans le présent sur l'avenir, sans aucune considération morale tirée des leçons du passé.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Albert Camus semblait, semblait seulement, avoir fait volte-face — machine arrière — il n'en était rien. Ce qui est bien plus étonnant, c'est le nouveau son de cloche que Jean-Paul Sartre vient de faire entendre, au lendemain même de la mort de son ancien ami. Avec la dignité qu'impose le respect de la mort et le grand silence qui la suit, Sartre a eu le mérite d'avouer, enfin et à son tour, que les annéees de non-engagement qu'il avait si amèrement reprochées à Camus, étaient elles-mêmes et contenaient une leçon pour nous tous. Un scrupule légitime retenait Camus d'élever sa voix au sujet de la question d'Algérie : l'existence du fait moral. En d'autres termes, -et-n'est-ce-pas là un désaveu du point de départ de Sartre : l'homme peut douter s'il est condamné purement et simplement à la liberté. La liberté absolue n'est admissible ni dans l'un ni dans l'autre camp des adversaires qui s'affrontent, puisque « le fait moral » les lie tous les deux. Après tout, Albert Camus ne disait pas autre chose. Il reste cependant, et c'est sur cette note que je voudrais conclure mon trop court exposé, que l'attitude d'Albert Camus s'infléchissait dans les derniers temps qui ont précédé sa mort, vers un respect mêlé de curiosité attentive pour le christianisme.

Curiosité, ai-je dit, respect sans qu'on puisse parler d'un commencement même de foi. J'ai déjà fait remarquer l'an dernier, et ici-même, que le personnage central de la Chute portait un nom qui nous donne à réfléchir : « Jean-Baptiste », comme le Précurseur du Christ, prêcheur de pénitence, -tel est son prénom. « Clamence » : nom de famille formé, semble-t-il, à partir de l'apposition qui figure dans l'Evangile latin à côté du prénom de Jean-Baptiste : « clamans... in deserto ». Bien mieux, le récit de la Chute-bien plus un récit socratique qu'un roman me parait bâti sur le paradoxe chrétien bien connu : « celui qui s'abaisse sera élevé ». Jean-Baptiste Clamence-remarquons en passant que c'est aussi un avocat — se justifie en proclamant sur tous les toits et en clamant à tous les vents — qu'il est coupable du péché d'omission. Il n'a pas eu le courage de sauver la jeune fille qui s'était jetée à l'eau. « Que celui d'entre vous, semble-t-il nous dire, celui qui est sans péché me jette la première pierre ! » : attitude bien évangélique !

Je relève également dans le nom du personnage qui figure dans « L'Exil et le Royaume », -le peintre Jonas, -une résonnance biblique : comme Jean-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Baptiste, ce prophète avait reçu mission de prêcher la pénitence aux hommes ; mais n'en ayant pas le courage, il s'enfuit vers la mer (vous connaissez la suite de l'histoire). Ce n'est pas dans le ventre d'une baleine que le peintre Jonas appelle Dieu à son secours ; il s'est-avec plus de vraisemblance — installé dans une soupente, sachant bien que sa solitude n'exclut pas la solidarité avec les hommes. Les amis venus chez lui en visiteurs silencieux, étonnés de son mutisme, avouent seulement que son œuvre, dans l'état d'inachèvement où ils la trouvent — ne permet pas encore d'en fixer les traits fondamentaux : deux mots la caractérisent « solitaire-solidaire ». Faut-il lire « solitaire » ou « solidaire » ? ou encore « solitaire et solidaire » : Jonas-Camus, faut-il dire a son secret. Le message n'est pas encore délivré. Jonas, sous forme de récit, ne fait qu'illustrer la déclaration finale de la Préface à la réédition de l'Envers d et l'Endroit :

> « Si... je ne parviens pas un jour à récrire l'Envers et l'Endroit » je ne serai jamais parvenu à rien, voilà ma conviction obscure... Rien ne m'empêche en tout cas de rêver que j'y réussirai, d'imaginer que je mettrai encore au centre de cette œuvre l'admirable silence d'une mère et l'effort d'un homme (son fils) pour retrouver une justice ou un amour qui équilibre ce silence... Oui, rien n'empêche de rêver (cela) puisque du moins je sais cela... qu'une œuvre d'homme n'est rien d'autre que ce long cheminement pour retrouver par les détours de l'art les deux ou trois images simples et grandes sur lesquelles le cœur, une première fois, s'est ouvert. Voilà pourquoi, peut-être, après vingt années de production, je continue de vivre avec l'idée que mon œuvre n'est même pas commencée ». (p.33-34).

Il ne faudrait rien ajouter à ces lignes émouvantes. Permettez-moi seulement de vous lire quelques extraits du récit intitulé « Entre oui et non »

Entre Oui et Non. 59-77.

Oui, c'est peut-être cela le bonheur, le sentiment apitoyé de notre malheur. p.61.

Je pense à un enfant qui vécut dans un *quarter pauvre.* Ce quartier, cette maison ! Il n'y avait qu'un étage et les escaliers n'étaient pas éclairés. Maintenant encore, après de longues années, il pourrait y retourner en

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

pleine nuit. Il sait qu'il grimperait l'escalier à toute vitesse sans trébucher une seule fois. Son corps même est imprégné de cette maison. Ses jambes conservent en elles la mesure exacte de la hauteur des marches. Sa main, l'horreur instinctive, jamais vaincue, de la rampe d'escalier. Et c'était à cause des cafards. (p.62)... Le soir d'été, les ouvriers se mettent au balcon. Chez lui, il n'y avait qu'une toute petite fenêtre. On descendait alors des chaises sur le devant de la maison et on goûtait le soir... Mais surtout, entre les grands ficus, il y avait le ciel. Il y a une solitude dans la pauvreté, mais une solitude qui rend son prix à chaque chose... (Mais) au bas de l'échelle, le ciel reprend tout son sens : une grâce sans prix. . (p.63)

La mère de l'enfant restait aussi silencieuse. En certaines circonstances, on lui posait une question : « A quoi tu penses ?» « A rien », répondait-elle. Et c'est *vrai*. Tout est là, donc *rien*. Sa vie, ses intérêts, ses enfants se bornent à être là, d'une présence trop naturelle pour être sentie. Elle était infirme, pensait difficilement. Elle avait une mère rude et dominatrice qui sacrifiait tout à un amour-propre de bête susceptible et qui avait longtemps dominé l'esprit faible de sa fille. Emancipée par le mariage, celle-ci est docilement revenue, son mari mort. Il était mort au champ d'honneur, comme on dit. En bonne place, on peut voir dans un cadre doré la croix de guerre et la médaille militaire. L'hôpital a encore envoyé à la veuve un petit éclat d'obus retrouvé dans les chairs. La veuve l'a gardé. Il y a longtemps qu'elle n'a plus de chagrin. Elle a oublié son mari, mais parle encore du père de ses enfants... (p.64).

Parce que ce sont ses enfants, elle les aime bien. Elle les aime d'un égal amour qui ne s'est jamais révélé à eux...

Mais il (l'enfant) a mal à pleurer devant ce silence animal. Il a pitié de sa mère, est-ce l'aimer ? Elle ne l'a jamais caressé, puisqu'elle ne saurait. Il reste alors de longues minutes à la regarder.

Plus tard, bien plus tard, il devait se souvenir de cette odeur mêlée de sueur et de vinaigre, de ce moment où il avait senti les liens qui l'attachaient à sa mère. Comme si elle était *l'immense pitié de son coeur, répandue autour de lui*, devenue corporelle, et jouant avec application, sans souci de l'imposture, le rôle d'une vieille femme pauvre à l'émouvante destinée...(69)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Si ce soir, c'est l'image d'une certaine enfance qui revient vers moi, comment ne pas accueillir la leçon d'amour et de pauvreté que je puis en tirer ? Puisque cette heure est comme un intervalle entre oui et non, je laisse pour d'autres l'espoir ou le dégoût de vivre. Oui, recueillir seulement la transparence et la simplicité des paradis perdus : dans une image. Et c'est ainsi qu'il n'y a pas longtemps, dans une maison d'un vieux quartier, un fils est allé voir sa mère. Ils sont assis face à face, en silence. Mais leurs regards se rencontrent : « Alors maman ». — « Alors, voilà.» — « Tu t'ennuies ? Je ne parle pas beucoup ? » — « Oh ! tu n'as jamais beaucoup parlé. »...

C'est vrai, il ne lui a jamais parlé. Mais quel besoin, en vérité ? A se taire, la situation s'éclaircit. Il est son fils, elle est sa mère. Elle peut lui dire : Tu sais.

Elle est assise au pied du divan, les pieds joints, les mains jointes sur ses genoux. Lui, sur sa chaise, la regarde à peine et fume sans arrêt. Un silence.

« Tu ne devrais pas tant fumer. » — « C'est vrai. »...

Un tramway passe. Une auto.

« C'est vrai que je ressemble à mon père ? » — «Oh, ton père tout craché. Bien sûr, tu ne l'as pas connu. Tu avais six mois quand il est mort. Mais si tu avais une petite moustache ! ».

C'est sans conviction qu'il a parlé de son père. Aucun souvenir, aucune émotion. Sans doute, un homme comme tant d'autres. D'ailleurs il était parti très enthousiaste. A la Marne, le crâne ouvert. Aveugle et agonisant pendant une semaine : inscrit sur le monument aux morts de sa commune.

« Au fond, dit-elle, ça vaut mieux. Il serait revenu aveugle et fou.

Alors, le pauvre... »

« C'est vrai. » (pp.75.-76)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Des pages que je viens de vous lire, Camus a écrit : « il y a plus de véritable amour dans ces pages maladroites que dans toutes celles qui ont suivi » (Préface p.13) Camus est mort «avec l'idée que (son) œuvre n'est même pas commencée.» Nous connaissons du moins l'intention qui l'amime et nous ne finirons pas de prêter l'oreille à son « message interrompu ».

P. Rietsch 25-2-1960 Hué

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Người khách trọ

ALBERT CAMUS

Đây là một đoản-thiên : Người khách trọ « trích trong Lưu đầy và Quê hương » (L'Exil et le Royaume), tập truyện ngắn sau cùng của Albert Camus.

Ông Giáo Daru dạy học ở miền núi cao-nguyên vắng-vẻ. Rồi một hôm người bạn Cảnh-binh già, Balduci, dẫn một người Ả-Rập từ một làng xa đến để giao cho ông giáo công-tác phải đưa người sát-nhân đó đến một địa-điểm khác. Nhưng Daru không chịu. Sau khi Balducci đi khỏi, Daru canh giữ người Ả-Rập đó một đêm và sáng hôm sau, cho ăn uống rồi dẫn người Ả-Rập lên đường. Daru chỉ hai phía, phía đông đi về Tinguit, sẽ là nhà tù và phía nam, sẽ là hướng về quê nhà. Sau khi từ biệt, Daru buồn rầu nhìn thấy người Ả-Rập đi về phía đông.

Câu chuyện chỉ có thế, nhưng chúng ta có thể tìm thấy những đề-tài quen thuộc của Camus.

1) Sát-nhân và sự công-chính. Daru thèm khát công-chính phẫn-uất trước một hành-động sát-nhân, nhưng lại không thể giao lại cho người cảnh-sát vì công-chính. Biết đâu sự trừng-phạt lại chẳng là một hành-động sát-nhân gây thêm một nạn-nhân nữa. Người Ả-Rập đã giết vì lý-do gì ? không ai biết rõ ràng ; tuy theo luật-pháp hắn phải chịu tội ; nhưng luật-pháp là gì ? có sự công-chính ở đời không ?

2) Tình liên đới nhân-loại trong cảnh tù đầy ; vượt lên trên mọi hành-động chức-tước địa-vị, vô tội có tội, con người đều gặp nhau và thông-cảm, liên đới vì cùng chung một số phận.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3) Xa lạ và ngộ-nhận. Người Ả-Rập không nói gì về lý-do giết người trong khi đối-thoại với Daru. Hắn có tội hay vô tội, tỏ vẻ hối hận hay sợ hãi, không biết được vì hắn đã chọn sự im lặng; phải chăng hắn nghĩ rằng lời nói là vô ích, không thể làm cho người khác hiểu mình và sau cùng hắn chọn nhà tù, phải chăng vì hắn cho rằng lưu đầy chính là quê hương của mình.

Còn Daru cũng là một người xa lạ. Balducci không hiểu được chàng tại sao không thi hành công-tác dẫn người tù. Và trước mặt những người đồng bọn với tên tù, Daru lại là một người sát-nhân, vì thế mới có những giòng chữ viết trên bảng khi Daru trở về. Cho nên giữa người với người, chỉ là những ngộ-nhận và sau cùng mỗi người trở về cảnh cô-đơn của kẻ lưu đầy.

L.T.S.

ÔNG giáo nhìn hai người tiến lên phía ông ta. Một người ngồi trên ngựa, một người đi chân. Họ chưa đến quãng đường giốc chạy thẳng lên tận nhà trường, xây trên sườn đồi. Họ tiến lên vất vả, chậm chạp, trên tuyết và giữa các mỏm đá, trong cảnh mênh mông của vùng cao nguyên hoang vắng. Chốc chốc người ta thấy rõ con ngựa bị trượt chân. Tuy chưa nghe rõ tiếng, nhưng người ta nhìn thấy làn hơi từ mồm ngựa bay ra. Ít ra một trong hai người cũng đã quen thuộc vùng này. Họ đi theo con đường mòn mà mấy ngày vừa qua một lớp tuyết trắng và bẩn đã phủ kín. Ông giáo tính thầm họ không thể lên đến đồi trước nửa tiếng đồng hồ. Trời lạnh nên ông trở vào trường kiếm chiếc áo len.

Ông đi ngang qua lớp học vắng vẻ, lạnh lùng. Trên bảng đen, bốn con sông của nước Pháp, vẽ bằng phấn bốn màu khác nhau, chảy về cửa bể từ ba ngày nay. Sau tám tháng đại hạn, không có một hột mưa chuyển thời, đột nhiên vào giữa tháng mười tuyết xuống dầy đặc, nên trong số hai mươi học sinh ở các làng rải rác trên cao nguyên không một ai đến nữa. Phải chờ đến khi trời tốt. Daru chỉ còn sưởi gian phòng duy nhất ông ở, cạnh lớp học, cũng có cửa nhìn về phía Đông vùng cao nguyên. Một cánh cửa sổ khác lại trổ về hướng Nam, như các cửa sổ trong lớp. Về phía ấy,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhà trường chỉ cách chỗ cao nguyên bắt đầu nghiêng xuống hướng Nam chừng vài cây số. Những lúc trời quang đãng, người ta có thể nhìn thấy màu tím của rặng núi khởi đầu bãi sa mạc.

Hơi ấm người, Daru quay ra phía cửa sổ mà lúc nãy ông đã nhìn thấy hai người lần đầu tiên. Bây giờ thì không thấy họ nữa. Chắc họ đã bắt đầu leo lên con đường giốc. Trời bớt sầm : trong đêm vừa qua tuyết đã thôi rơi. Buổi mai bắt đầu với một ánh sáng bẩn đục, chỉ hơi trong dần mỗi khi mây càng lên cao. Đã hai giờ chiều mà người ta có cảm tưởng như mới bình minh. Nhưng dù sao vẫn còn hơn suốt ba ngày nay tuyết rơi dầy dặc trong không gian mù mịt, với những cơn gió lốc thỉnh thoảng đến lay chuyển đôi cánh cửa lớp học. Daru phải ở lì mãi hàng giờ trong phòng và chỉ đi ra dưới mái hiên để chăm sóc bầy gà hay lấy thêm than sưởi. Cũng may nhờ có chiếc xe đò từ Tadjid, làng gần nhất ở phía Bắc, đã tiếp tế đủ lương thực, hai ngày trước cơn bão tuyết. Phải chờ hai ngày nữa xe ấy mới trở lại.

Vả lại những bao lúa mì chất đầy phòng mà chính phủ đã giao lại để phân phát cho những học sinh mà gia đình đã bị thiệt hại vì hạn hán, ông giáo có đủ vật thực để cầm cự nếu bị bao vây. Thật ra thì tất cả gia đình chúng đều bị thiệt hại vì tất cả đều nghèo khổ. Hằng ngày Daru phân phát phần lúa cho chúng. Ông biết rõ là trong những ngày hoạn nạn này gia đình chúng thiếu thốn nhiều. Có lẽ chiều nay cha hay anh chúng nó sẽ đến và Daru có thể giúp thêm cho họ một ít lúa mì. Phải làm sao cho họ sống đến mùa sau, chỉ có thế thôi. Mấy chiếc tàu chở lúa mì từ Pháp đã đến rồi, chuyện khó nhất bây giờ khỏi phải lo. Nhưng khó mà quên được cảnh khốn khổ ấy, với lũ ma người rách mướt đi lang thang dưới mặt trời, cả vùng cao nguyên cháy xém tháng này qua tháng khác, đất đai teo tóp dần dần, như nung nấu, và đá sỏi tan thành bụi dưới bước chân đi. Cừu chết hàng ngàn con, và thỉnh thoảng đây đó người cũng chết, lắm lúc chả ai biết đến.

Tuy Daru chỉ sống như một nhà tu sĩ trong một trường học xa vắng, an phận với hoàn cảnh tầm thường với cuộc đời khắc khổ nhưng trước cảnh đau thương ấy, Daru lại cảm thấy mình như một vị chúa tể, giữa các bức tường vôi, với cái đi-văng chật hẹp, những tủ kệ gỗ trắng, cái giếng, và sổ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lương thực tiếp tế hàng tuần. Rồi tự nhiên, tuyết xuống thình lình, chả có gì báo trước, chả có qua một hột mưa để kịp nghỉ ngơi. Vùng này như thế, đời sống lúc nào cũng khắc khổ, dù không có người cũng thế, vả lại ở đây người cũng chả thay đổi được gì. Nhưng Daru đã sinh trưởng tại đây. Và bất cứ ở đâu, Daru cũng có cảm tưởng như người vong bản.

* * *

Ông giáo đi ra và bước đến mô đất trước trường. Hai người bây giờ đã đến lưng chừng đồi. Ông giáo nhìn ra người ngồi trên ngựa là Badlucci, viên cảnh binh già mà ông quen biết từ lâu. Balducci cầm sợi giây thừng dẫn một tên Ả-rập đi theo sau, hai tay bị trói, mặt cúi gầm. Viên cảnh binh ra dấu chào Daru nhưng ông giáo không đáp lại, mãi nhìn tên Ả-rập. Hắn vận một chiếc áo djellalenbah xanh đã bạc mầu, chân đi dép, mang tất len thô, đầu quấn một chiếc khăn ngắn và chật. Hai người đến gần. Balducci cho ngựa đi chậm lại để tên Ả-rập khỏi bị vướng, và cả hai từ từ tiến lại.

Vừa đến gần, Balducci nói lớn :

— « Từ El Ameur đến đây chỉ ba cây số mà phải đi mất hết một giờ ! ».

Daru vẫn không trả lời. Trông ông giáo có vẻ thấp và vuông vức trong chiếc áo len dầy trịch. Ông đứng nhìn hai người bước lên. Tên Ả-rập không hề ngẩng đầu lên. Khi họ vừa đến mô đất, Daru nói : « Xin chào. Mời vào trong sưởi cho ấm ». Balducci xuống ngựa một cách mệt nhọc, tay vẫn giữ chặt giây thừng. Lão vểnh râu nhìn ông giáo cười. Đôi mắt lão nhỏ và sắm, sâu hoắm dưới cái trán ngăm đen, và cái miệng đầy vết nhăn làm cho lão có vẻ chăm chỉ cần thận. Daru cầm giây cương dẫn ngựa xuống mái hiên rồi quay lại phía hai người lúc ấy đã vào trong trường. Ông giáo đưa họ vào phòng, và bảo : « Để tôi đi sưởi lớp học. Mình sang bên ấy dễ chịu hơn ». Khi Daru trở lại thì Balducci đã nằm trên đi-văng. Lão đã mở giây cho tên Ả-rập và hắn ngồi xổm bên cạnh lò sưởi. Tay hắn vẫn bị trói, cái mũ hất ra đằng sau, hắn nhìn ra cửa sổ. Thoạt tiên Daru chỉ nhìn thấy đôi môi dày trịch, láng và gần như xám đen; nhưng mũi hắn lại thẳng, đôi mắt sắm, và băn khoăn xao xuyến. Cái mũ để lộ một cái trán bướng bỉnh, và dưới lớp da cháy xém hơi nhạt đi vì lạnh, gương mặt hắn có vẻ vừa lo âu vừa bướng bỉnh làm cho Daru phải chú ý. Vừa lúc

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ấy, tên Ả-rập quay mặt nhìn thẳng vào mắt Daru. Ông giáo nói : « Mời sang phòng bên cạnh. Để tôi đun một ít trà bạc-hà mà dùng. » — « Cám ơn. Thật là nhọc xác. Chỉ có về hưu là sung sướng thôi ! ». Nói đoạn, Balducci quay sang phía tên tù bảo bằng tiếng Ả-rập : « Đi, mày ». Tên Ả-rập đứng dậy, và chậm chạp bước sang lớp học, đưa hai tay trói ra đàng trước.

Daru đem trà và cầm theo một chiếc ghế. Nhưng Balducci đã chễm chệ ngồi trên bàn học để hàng đầu, còn tên Ả-rập ngồi xổm trên bục thầy giáo, đối diện với lò sưởi để giữa bàn giấy và cửa sổ. Khi đưa cốc trà cho tên tù, thấy tay hắn trói, Daru do dự. « Có lẽ mở trói cho nó cũng được chứ gì » — Balducci trả lời : « Dĩ nhiên. Trói như thế khi đi đường mà thôi ». Lão định đứng dậy. Nhưng Daru đặt cốc xuống thềm, đến bên cạnh tên Ả-rập. Hắn nhìn ông giáo cởi trói với đôi mắt xao động, không nói một tiếng.

Được mở trói, hắn đưa hai cổ tay sưng cọ vào nhau, rồi cầm cốc trà nóng hổi uống nhanh từng hớp.

Daru hỏi : « Vâng. Thế bây giờ bác định đi đâu ?

Balducci ngừng uống, vểnh râu, trả lời : « Đi đến đây chứ đâu ».

— Các ông học trò này kỳ thật ! Định ngủ lại đây à ?

— Không. Bây giờ tôi trở về El Ameur. Còn cậu, cậu phải giải ông bạn này về Tinguit. Người ta chờ nó ở đấy.

Balducci nhìn Daru, mỉm cười thân mật.

Ông giáo bảo : « Bác bịa cái gì thế ? Bác đùa với tôi à ».

— Không, cậu. Đấy là lệnh trên.

— Lệnh trên ? Tôi đâu có phải là ... Daru do dự.

Ông không muốn làm phật ý lão Corse. « Vả lại, không phải là nghề của tôi. »

— Cái đó có nghĩa lý gì ! Lúc giặc giã thì phải làm đủ các nghề.

— Thế thì tôi chờ tuyên chiến đã !

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Balducci gật đầu.

« Thôi được. Nhưng người ta đã ra lệnh như thế, thì cậu cũng có liên can đến nữa. Hình như bọn chúng đang rục rịch. Nghe đâu sắp có loạn. Chúng mình cũng như bị động viên rồi đấy ».

Daru vẫn giữ vẻ bướng bỉnh.

Balducci nói tiếp : « Này cậu. Cậu nên hiểu rằng tôi rất mến cậu. Nhưng chúng tôi chỉ có mười hai người ở El Ameur mà phải chia nhau đi tuần khắp cả một tỉnh nhỏ, nên tôi phải về ngay. Họ bảo tôi giao thằng này cho cậu và trở về lập tức. Chúng tôi không thể giữ nó lại trên ấy. Dân làng nó rục rịch muốn đem nó về. Nội ngày mai cậu phải dẫn nó đến Tinguit. Khoẻ mạnh như cậu thì hai mươi cây số chả ăn thua gì. Xong việc rồi thì khoẻ. Cậu sẽ trở lại với bọn học trò và đời sống an nhàn của cậu ».

* * *

Phía sau trường, nghe rõ tiếng ngựa phì hơi và nện móng xuống thềm. Daru nhìn ra cửa sổ. Trời bây giờ đã sáng tỏ hẳn, ánh sáng lan khắp trên cao nguyên đầy tuyết phủ. Rồi đây, một khi tuyết đã tan, mặt trời sẽ trở lại và thiêu đốt một lần nữa các giải đá. Và ngày lại ngày, trời vẫn một màu trút ánh sáng khô khan xuống cảnh mênh mông vắng vẻ không một dấu người.

Daru quay lại phía Balducci, hỏi : « Mà nó đã làm gì thế ? » Lão cảnh binh chưa kịp trả lời, ông giáo hỏi tiếp : « Nó có nói tiếng Pháp không ? ».

— Không. Không nói được một chữ. Người ta truy nã nó từ một tháng nay, nhưng bọn chúng giấu kỹ. Hắn giết người anh họ.

— Nó có chống mình không ?

— Có lẽ không. Nhưng khó mà biết rõ.

— Tại sao nó lại giết ?

— Có lẽ vì chuyện gia đình.. Hình như người này vay lúa người kia. Nhưng chuyện đó cũng chả rõ ràng gì. Chỉ biết là nó chém anh họ nó một nhát dao quắm. Cậu biết chứ, như người ta giết cừu đấy... » Xoẹt !...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Balducci vừa nói vừa giả bộ như đưa giao ngang cổ, làm tên Ả-rập phải chú ý nhìn, vẻ hơi sợ hãi. Tự nhiên Daru cảm thấy tức giận tên Ả-rập, tức giận cả giống người với lòng độc ác khôn nạn, thù oán thâm niên và sự khát máu của họ.

Vừa lúc ấy ấm nước sôi lên trên lò sưởi. Ông giáo pha thêm trà cho Balducci, do dự một tí, rồi cũng pha thêm cho tên Ả-rập. Lần này cũng thế, nó uống một cách ngon lành. Khi tay hắn đưa lên, chiếc áo để lộ một bộ ngực gầy nhưng chắc thịt.

Balducci nói : « Thôi, cám ơn cậu. Bây giờ tôi phải chuồn đã ».

Lão đứng dậy đi về phía tên Ả-rập, vừa lấy chiếc giây thừng trong túi ra.

Daru gắt lên : « Bác định làm gì đấy ? »

Balducci, sửng sốt, đưa sợi giây thừng cho ông giáo xem.

— Không cần.

Lão cảnh binh do dự :

« Tùy ý cậu. Nhưng cậu có súng đấy chứ ? »

— Tôi có súng đi săn.

— Cậu để đâu ?

— Trong rương.

— Cậu nên để gần giường.

— Tại sao ? Tôi chả sợ gì cả.

— Cậu điên à. Nếu bọn chúng nổi dậy thì chả ai được yên thân đâu, chúng mình đều chung một số phận cả đấy.

— Tôi sẽ kháng cự. Tôi có đủ thì giờ để chờ chúng nó.

Balducci bỗng phì cười rồi im ngay, bộ râu sụp xuống che nhanh hàm răng còn trắng tốt.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

« À, cậu có đủ thì giờ nhỉ. Tôi cũng nghĩ như thế đấy. Cậu thì lúc nào cũng khùng khùng như thế. Chính vì vậy mà tôi mến cậu nhiều, thằng con tôi tánh cũng như thế đấy ».

Vừa nói lão vừa rút khẩu súng lục ra để trên bàn.

« Cậu giữ lấy. Từ đây về đến El Ameur tôi chả cần gì đến hai khẩu súng ».

Khẩu súng lục sáng chói trên mặt bàn sơn đen. Khi lão cảnh binh quay lại phía Daru, ông giáo nghe sực cả mùi da và mùi ngựa.

Daru liền bảo : « Này bác. Những chuyện ấy tôi rất ghét, ghét nhất là tên tù của bác. Tôi không giải nó đâu. Vâng, thà đánh giặc, nếu cần. Chứ chuyện ấy thì nhất định không ».

Lão cảnh binh đứng trước mặt Daru, nghiêm nghị nhìn ông giáo và chậm rãi nói : « Cậu đừng dại dột. Chính tôi cũng thế, tôi chả thích gì chuyện ấy. Dù làm việc lâu năm người ta vẫn không quen tay trói một người. Không những thế ,người ta còn hổ thẹn nữa. Nhưng mình không thể để chúng làm tự do như thế được.

— Daru lặp lại : « Tôi nhất định không giải nó đâu ».

— Tôi nhắc lại cho cậu biết. Đấy là lệnh trên.

— Được lắm. Bác cứ về bảo với họ thế : Tôi không giải nó đâu !

Balducci tỏ vẻ nghĩ ngợi. Lão nhìn Daru và tên Ả-rập. Rồi lão quyết định.

« Không — Tôi sẽ không nói gì với họ hết. Nếu cậu muốn bỏ rơi chúng tôi, tùy ý cậu, tôi không tố cáo cậu đâu. Người ta bảo tôi giải tên tù, tôi thi hành mệnh lệnh. Bây giờ cậu ký vào giấy cho tôi.

— Vô ích. Tôi không bao giờ chối là bác đã giao lại nó cho tôi.

— Cậu không nên khó chịu với tôi. Tôi biết là cậu sẽ nói sự thật. Cậu sinh trưởng ở đây. Cậu là người đáng tin. Nhưng dù sao cậu cũng phải ký, lệ thường là thế.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Daru kéo hộc bàn, lấy một bình mực tím, vuông và nhỏ, một cán bút gỗ màu đỏ có ngòi bút « Serjent-major » mà ông giáo thường dùng để viết chữ mẫu cho học trò, rồi ký vào giấy. Lão cảnh binh xếp giấy lại cẩn thận bỏ vào ví, đoạn đi ra phía cửa lớn.

Daru nói : « Để tôi đưa bác đi ».

— Thôi chả cần phải lễ phép như thế. Cậu đã tệ với tôi nhiều.

Balducci nhìn tên Ả-rập. Hắn vẫn đứng im một chỗ, hít mũi ra dáng khổ sở. Lão quay ra phía cửa và nói : « Thôi chào nhé ! ». Cánh cửa đánh sầm sau lưng lão. Balducci hiện ta trước cửa sổ rồi biến mất. Tiếng lão bước như nghẹn trong tryết. Rồi tiếp đến tiếng ngựa động sau tường và bầy gà lao nhao hoảng sợ. Một lát sau, Balducci đi ngang lại trước cửa sổ, tay cầm cương dẫn ngựa theo sau. Lão tiến thẳng đến con đường giốc, không quay đầu nhìn lại, rồi biến mất với con ngựa. Một tiếng đá rơi nhẹ. Daru trở lại phía tên tù. Hắn vẫn không nhúc nhích, nhưng vẫn không thôi nhìn ông giáo. Daru nói bằng tiếng Ả-rập :« Đợi đấy » và đi thẳng vào phòng. Vừa đến ngưỡng cửa, ông giáo đổi ý kiến, trở lại bàn giấy, lấy khẩu súng lục nhét vào túi. Đoạn ông giáo bước vào phòng, không quay đầu nhìn lại.

***

Ông giáo nằm dài một lúc lâu trên đi-văng, nhìn trời tối dần và lắng nghe cảnh yên lặng triền miên. Chính cái im lặng nặng nề mà ông giáo đã cảm thấy trong những ngày đầu tiên khi mới đến vùng này, sau chiến tranh.

Ông giáo xin dạy ở một thành phố nhỏ, phía dưới giải hoành sơn chắn ngang vùng cao nguyên và sa mạc. Ở đây, những rặng núi, xanh và đen về phía Bắc, hồng hay tím về phía Nam đánh dấu ranh giới của mùa hè vĩnh viễn. Nhưng người ta lại bổ dụng ông giáo tại một nơi thuộc vùng Bắc thượng ở ngay hẳn trên cao nguyên.

Buổi ban đầu, cảnh cô liêu yên tịnh đối với ông giáo rất nặng nề, trên giải đất khô khan đầy cả đá. Đôi khi, một vài luống cày hiện ra tưởng như có ai trồng trọt gì, nhưng người ta chỉ đào lên để tìm một viên đá xây nhà.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ở đây người ta chỉ cuốc xới để nhặt sỏi. Có lúc, người ta phải cào một ít lớp đất đọng trong mấy chỗ trũng, để đem về bồi thêm các khoảng vườn đất xấu trong làng. Hết ba phần tư vùng này chỉ toàn là đá sỏi. Các thành phố nổi lên, phồn thịnh một lúc, rồi biến mất. Con người sinh ra, thương mến nhau hay cấu xé lẫn nhau, rồi chết đi.

Trong cảnh hoang vu này, ông giáo cũng như tên tù kia, chả có nghĩa lý gì. Tuy nhiên, Daru biết rõ là ngoài bãi sa mạc này, cả hai đều không ai sống hẳn được.

Khi Daru ngồi dậy, phòng bên vẫn không một tiếng động. Tự nhiên ông giáo ngạc nhiên cảm thấy mình vui vẻ khoan khoái khi nghĩ rằng tên Ả-rập đã tẩu thoát và Daru chỉ còn một mình, không cần phải quyết định gì cả. Nhưng tên tù vẫn còn đấy. Bây giờ hắn lại nằm dài giữa lò sưởi và bàn giấy. Đôi mắt mở to, nó nhìn thẳng lên trần nhà. Và như thế lại càng thấy rõ đôi môi dầy trịch của hắn, làm cho hắn như có vẻ hờn lẫy ai. Daru bảo : « Lại đây ». Tên Ả-rập đứng dậy đi theo ông giáo. Vào đến trong phòng ông giáo chỉ nó chiếc ghế để gần bàn, cạnh cửa sổ. Tên Ả-rập ngồi xuống, mắt vẫn không thôi nhìn Daru.

— « Mày có đói không ? »

— « Dạ đói ».

Daru bày ra hai bộ chén đĩa. Ông lấy bột vào dầu, nhồi một cái bánh dầy trong đĩa, rồi đốt lò gaz nhỏ. Đoạn ông giáo đi ra mái hiên đem vào một ít trứng, phô-mát, chà là và sữa hộp. Khi bánh dầy vừa chín ông giáo đem ra để cạnh cửa sổ cho nguội, rồi lấy nước đun sữa và cuối cùng đánh trứng đổ chả. Vừa lúc ấy, tay Darru chạm vào khẩu súng lục để trong túi bên phải. Ông giáo để chén xuống, đi sang bên lớp học, bỏ khẩu súng vào hộc bàn giấy. Khi ông giáo trở lại phòng thì ngoài trời đã tối hẳn. Ông bật đèn, dọn đồ ăn cho tên Ả-rập và bảo : « Ăn đi ». Hắn cầm một miếng bánh, đưa nhanh lên miệng rồi ngừng lại, hỏi :

— « Còn ông ? »

— « Tao sẽ ăn sau mày ».

Tên Ả-rập hé mở cặp môi dày rồi cắn mạnh vào bánh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ăn xong, tên Ả-rập nhìn ông giáo.

— « Ông là quan toà phải không ?

— « Không, tao chỉ giữ mày đến sáng mai ».

— « Tại sao ông lại cùng ăn với tôi ? »

— « Tại tao đói ».

Tên Ả-rập không nói nữa. Darru đứng dậy đi ra. Ông lấy ngoài hiên đem vào một cái giường xếp, trải ra giữa cái bàn và lò sưởi, để thẳng góc ngay với giường của ông. Đoạn ông giáo lấy trong cái va-li to tướng, dựng trong góc, dùng để làm kệ bỏ hồ sơ, hai cái mền để trên giường xếp. Rồi Darru ngừng lại, chả biết làm gì nữa, ngồi xuống giường. Bây giờ chả có gì phải làm hay soạn sửa nữa. Chỉ còn ngồi nhìn tên Ả-rập. Ông giáo nhìn hắn, cố tưởng-tượng về mặt hắn lúc giận dữ như thế nào. Ông không thể nào hình dung được. Darru chỉ thấy đôi mắt vừa đen sẫm vừa lóng lánh và cái mồm thú vật.

— « Vì sao mày giết hắn ? »

Ông giáo hỏi một cách giận dữ làm tên tù phải ngạc nhiên.

Tên Ả-rập quay nhìn nơi khác.

— « Nó chạy trốn, và tôi rượt theo sau ».

Hắn ngước nhìn Daru với đôi mắt đầy băn khoăn khổ sở.

— « Bây giờ, họ định làm gì tôi ? »

— « Mày sợ à ? »

Nét mặt hắn bỗng rắn lại, hắn quay nhìn chỗ khác.

— « Mày hối hận phải không ? »

Tên Ả-rập nhìn ông giáo, mồm há hốc. Hắn tỏ vẻ chẳng hiểu gì cả. Ông giáo bỗng thấy bực mình, và lúc ấy ông cảm thấy lúng túng ngượng ngập trong bộ xác to lớn của mình, đang bị chẹt giữa hai chiếc giường. Ông giáo gắt lên : « Nằm xuống đấy. Giường của mày đấy ».

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— « Tên Ả-rập vẫn ngồi im. Hắn gọi Daru : « Này ông ! »

Ông giáo nhìn hắn.

— « Ngày mai ông cảnh binh có đến không ? »

— Không biết.

— Ông đi với chúng tôi chứ ?

— Không biết . Mà tại sao ?

Tên tù đứng dậy và nằm dài ngay cả trên chăn, duỗi chân về phía cửa sổ. Bóng đèn điện chiếu thẳng vào mặt nó làm nó phải nhắm ngay mắt lại.

Daru đứng sững trước giường, lặp lại câu hỏi : « Tại sao ? »

Tên Ả-rập mở mắt dưới ánh đèn chói lọi, nhìn ông giáo và cố gắng không nhấp nháy. Hắn bảo : « Đi với chúng tôi đi ».

* * *

Đến nửa đêm, Daru vẫn chưa ngủ. Trước khi lên giường, ông giáo đã cởi bỏ hết áo quần thường ngày ông quen ngủ trần truồng như thế. Nhưng lần này nằm trần trong phòng ông hơi ngần ngại. Ông cảm thấy như không có gì che trở và ông muốn ngồi dậy mặc lại áo quần.

Nhưng ông nhún vai. Ông đã gặp nhiều tên Ả-rập như thế. Nếu cần ; ông sẽ đánh tan xương kẻ địch. Từ giường ông giáo có thể quan sát tên Ả-rập. Hắn nằm ngửa, không cử động, đôi mắt nhắm nghiền dưới ánh đèn chói lọi. Khi Daru tắt đèn, bóng tối thình lình như đông đặc lại. Dần dần đêm tối trở thành linh động trong khung cửa sổ, và nền trời không một ánh trăng sao như đang chuyển vận nhẹ nhàng. Ông giáo nhìn rõ thân hình tên Ả-rập nằm dài trước mặt. Hắn vẫn không cử động nhưng hình như mắt hắn đang mở. Một làn gió nhẹ thoảng quanh trường. Có lẽ mây sẽ tan và mặt trời sẽ trở lại.

Càng về đêm gió càng thổi mạnh. Bầy gà lao nhao một chốc rồi im bặt. Tên Ả-rập trở mình, xây lưng về phía Daru và hình như ông giáo nghe tiếng hắn rên khóc. Ông lắng nghe hơi thở của hắn, mỗi lúc một

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

mạnh và đều dần. Hơi thở như gần hẳn bên tai, ông giáo chỉ mơ màng nhưng không ngủ được. Từ một năm nay, ông giáo đã quen ngủ một mình trong phòng, bây giờ có người lạ ông giáo thấy bực mình khó chịu. Nhưng ông khó chịu cũng vì sự hiện diện ấy làm ông phải cảm thức một thứ tình tương thân mà ông quan niệm rất rõ ràng nhưng trong trường hợp bây giờ ông không thể thừa nhận được : Những người cùng chia một phòng, dù là tù nhân hay binh sĩ, một khi đã cởi bỏ lớp áo bên ngoài, đều cảm thấy, mỗi lần đêm đến, một sự tương quan lạ lùng, như vượt hẳn trên tất cả dị đồng, để cùng nhau gặp gỡ trong thông cảm của giấc mơ và mệt nhọc. Nhưng Daru sực tỉnh, thôi nghĩ vẩn vơ, và cố ngủ.

Nhưng một lát sau, khi tên Ả-rập cử động nhẹ, ông giáo vẫn còn thức. Khi hắn cử động lần thứ hai, ông giáo tỉnh hẳn người, sẵn sàng chờ đợi. Tên Ả-rập chống tay từ từ ngồi dậy, cử chỉ gần như mới ngủ. Hắn ngồi trên giường, chờ đợi, không nhúc nhích, không quay đầu lại phía Daru, như hết sức lắng dò ông giáo. Daru vẫn không cử động : ông vừa sực nhớ là khẩu súng lục vẫn để trong hộc bàn. Có lẽ nên hành động ngay tức khắc. Nhưng ông vẫn tiếp tục quan sát tên tù. Hắn đặt chân xuống thềm, vẫn với một cử chỉ vô cùng nhẹ nhàng, chờ một tí, rồi từ từ đứng dậy. Daru định kêu hắn lại thì tên Ả-rập đã bắt đầu bước đi, nhưng lần này với dáng điệu tự nhiên nhưng vô cùng im lặng. Hắn đi thẳng đến cánh cửa cuối phòng cạnh mái hiên. Hắn cẩn thận nâng then lên rồi đẩy cửa bước ra, không đóng lại. Daru vẫn nằm yên, ông nghĩ thầm : « Chắc hắn trốn. Càng hay, mình khỏe thân ! ». Nhưng ông vẫn lắng tai nghe ngóng. Bầy gà vẫn im lặng. Chắc hắn đã ra phía trước đổi. Lúc bấy giờ, Daru nghe một tiếng nước chảy nhẹ nhưng một lát sau ông giáo mới hiểu là tiếng gì khi tên Ả-rập quay vào, đóng cửa cẩn thận, rồi lặng lẽ lên giường nằm lại. Daru liền quay lưng lại phía tên tù và bắt đầu ngủ. Một lúc sau, đang ngủ ngon, hình như ông giáo nghe có tiếng chân người rảo quanh trường. Nhưng ông giáo tự nhủ thầm : « Chắc mình mơ ngủ ! Mình mơ ngủ ! Rồi ông ngủ thiếp mất.

* * *

Khi Daru tỉnh dậy thì trời đã sáng tỏ. Một làn không khí lạnh và trong sạch từ ngoài lọt qua khe cửa sổ đóng không kỹ. Tên Ả-rập vẫn còn ngủ mê man, nằm co mình trong chăn, mồm há hốc. Nhưng khi Daru

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lay hắn dậy, hắn giật mình đánh thót một cái, nhìn Daru như không nhận ra ông với cặp mắt điên dại và đầy sợ hãi làm ông giáo phải lùi lại một bước. « Đừng sợ. Tôi đây mà. Phải dậy ăn chứ ». Tên Ả-rập lắc đầu và dạ. Gương mặt hắn tuy đã trở nên bình tĩnh, nhưng vẫn còn giữ vẻ lơ đễnh xa xôi.

Cà phê đã pha xong. Cả hai, ngồi trên giường xếp, vừa uống vừa ăn bánh dầy. Ăn xong, Daru dẫn tên Ả-rập xuống mái hiên chỉ vòi nước, chỗ ông thường rửa mặt. Ông giáo trở vào phòng xếp lại mền, giường, và sắp dọn cho ngăn nắp. Đoạn ông đi băng qua lớp học, ra trước mô đất. Mặt trời đã lên cao trên nền trời xanh thẳm. Ánh sáng trong trẻo và dịu dàng nhuộm ngập cả vùng cao nguyên hoang vắng. Trên con đường giốc, nhiều nơi tuyết đã tan. Các mỏm đá sắp hiện ra lại. Ngồi xổm bên mô đất, ông giáo đưa mắt nhìn cảnh mênh mông vắng vẻ. Ông nghĩ đến Balducci. Ông đã làm lão phật ý, đối xử tệ bạc với lão như cổ đuổi lão đi và không muốn cùng lão chia chung trách nhiệm, Ông giáo như còn vẳng nghe tiếng chào từ giã của lão cảnh binh, và không hiểu tại sao, Daru cảm thấy vô cùng trống trải và bé bỏng lạ thường. Vừa lúc ấy, có tiếng tên tù ho ở đàng kia lớp học. Dù không muốn, Daru vẫn phải nghe tiếng ấy, ông bực tức, quăng mạnh một viên sỏi bay rít giữa không trung rồi rơi sâu vào tuyết. Sự giết người ngu ngốc của tên Ả-rập làm ông phẫn uất, nhưng đem giải hắn thì lại trái với lương tâm. Nghĩ đến đây, ông giáo đủ tức điên lên vì tủi nhục. Ông nguyền rủa những người đồng chủng đã giao lại ông tên tù, và cả tên Ả-rập đã có gan giết người mà không biết cách tẩu thoát. Daru đứng dậy, đi quanh trên mô đất, dừng lại, lặng yên, rồi vào trường.

Tên Ả-rập, đang cúi xuống thềm xi-măng dưới mái hiên, đưa hai ngón tay chùi răng. Daru nhìn hắn, bảo : « Thôi vào ». Đoạn, ông giáo bước vào phòng tên tù đi theo sau. Daru mang giày đi đường và khoác thêm chiếc áo đi săn ngoài áo len. Ông đứng chờ tên Ả-rập đội mũ và mang dép vào. Hai người cùng đi sang lớp học và ông giáo chỉ lối ra cho tên tù. Daru bảo : « Đi đi ». Nhưng hắn vẫn không cử động. Daru nói thêm : « Tao đi với ». Tên Ả-rập bước ra ngoài. Daru trở vào phòng, gói một gói bánh mì khô, chà là và đường. Khi đi ngang qua lớp học, trước khi trở ra, ông giáo dừng lại một giây trước bàn giấy, rồi bước ra ngoài, khóa trái

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

cửa lại. « Đi về phía kia ». Nói đoạn, ông giáo tiến về phía Đông, tên từ đi theo sau. Nhưng vừa mới xa trường một quãng, hình như ông giáo nghe có tiếng động đàng sau. Ông liền quay trở lại, xem xét chung quanh nhà : không có một bóng người. Tên Ả-rập nhìn, không hiểu ông giáo làm gì. Daru bảo : « Thôi, ta đi ».

* * *

Hai người đi suốt một giờ rồi ngồi nghỉ bên cạnh một mỏm đá vôi. Tuyết tan mỗi lúc một nhanh, mặt trời hút khô ngay các vũng nước, trong chốc lát quét sạch cả cao nguyên, chả bao lâu trở nên khô ráo và rung động như làn không khí. Khi hai người bắt đầu đi lại, tiếng chân họ dội vang trên đường đất. Xa xa trước mặt họ, một con chim chấn đôi không gian và reo lên vui vẻ. Daru hít mạnh áng sáng trong trẻo. Ông giáo cảm thấy một niềm vui phấn khởi trước cảnh bao la quen thuộc, bây giờ gần như vàng hẳn dưới vòm trời xanh thẳm. Hai người đi thêm một giờ nữa, về phía Nam. Họ đến trước một gò đá vụn. Bắt đầu từ đấy, về phía Đông, cao nguyên nghiêng mãi xuống tận một cánh đồng mà từ xa người ta có thể nhìn thấy vài cây khô, và về phía Nam, xuống những mô đá gập nghềnh làm cho phong cảnh đượm màu khắc khổ.

Daru nhìn kỹ hai hướng đi, chỉ thấy chân trời xa tắp, không một bóng người. Ông giáo quay lại phía tên Ả-rập, hắn nhìn ông không hiểu. Daru trao cho hắn một gói đồ và nói : « Cầm lấy. Trong gói có chà là, bánh và đường. Mày có thể đủ ăn hai ngày. Và đây, cầm thêm một nghìn quan ». Tên Ả-rập nhận lấy gói và tiền nhưng hắn vẫn giữ hai tay ngang ngực, như không biết sẽ làm gì với các món đồ đã nhận được. Ông giáo chỉ phía Đông và bảo : « Hãy nhìn kỹ, đấy là đường đi Tinguit. Đến đấy phải đi mất hai tiếng đồng hồ. Ở Tinguit sẽ có nhà chức trách và công an chờ mày ». Tên Ả-rập nhìn về phía Đông, tay vẫn ôm tiền và gói đồ. Daru nắm tay kéo hắn xoay mạnh về phía Nam. Phía dưới mỏm đá mà hai người đang đứng, người ta đoán thấy một lối đi không rõ lắm. « Đấy là con đường chạy xuyên qua cao nguyên. Cách đây một ngày đường, mày sẽ tìm thấy đồng cỏ và bọn du mục. Chúng sẽ đón mày và che chở cho mày theo tục lệ của chúng ». Tên Ả-rập quay lại nhìn Daru và một vẻ sợ hãi hiện ra trên mặt hắn. Hắn nói : « Này ông ». Daru lắc đầu : « Thôi im đi. Bây giờ, tôi về vậy ». Ông giáo quay lưng đi, bước mạnh về phía nhà

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

trường, nhưng do dự nhìn tên Ả-rập lúc ấy vẫn đứng yên, rồi đi thẳng. Trong vài phút, Daru chỉ nghe tiếng chân mình vang dội trên đường vắng lạnh, ông không quay đầu nhìn lại. Nhưng một lát sau, ông lại nhìn lui. Tên Ả-rập vẫn còn đấy, trên đỉnh đồi, hai tay buông thõng, và nhìn theo ông giáo. Daru cảm thấy nghẹn ngào. Nhưng ông lại lầm bầm bực tức, đưa tay vẫy mạnh, rồi bỏ đi. Ông đi một quãng khá xa rồi dừng lại, đưa mắt nhìn. Trên đồi bây giờ không còn ai cả. Daru do dự. Mặt trời bây giờ đã lên cao và bắt đầu nung nấu cả đầu trán ông ta. Ông giáo quay trở lui, ban đầu hơi lưỡng lự, rồi cương quyết tiến bước. Khi ông đến chỗ gò đá thì mồ hôi ra nhễ nhại. Ông leo lên thật nhanh và dừng lại trên đỉnh, mệt lả người. Những giải đá, phía Nam, nổi bật lên nền trời xanh, nhưng về phía Đông, trên đồng bằng, hơi nóng đã bắt đầu bốc lên. Và trong màn sương mỏng, Daru, lòng xe lại, nhìn thấy tên Ả-rập lủi thủi trên đường đi đến nhà tù.

***

Một lát sau, đứng thừ người trước cửa sổ lớp học, ông giáo mơ màng nhìn ánh sáng trong trẻo từ trên trời cao chiếu tỏa khắp vùng cao nguyên. Sau lưng ông giáo, trên bảng đen, giữa những đường quanh co của sông Pháp, nổi lên một giòng chữ do một bàn tay vụng về viết bằng phấn trắng, mà ông giáo vừa đọc xong : « Mày đã nộp đồng bào của chúng tao. Mày sẽ bị trị tội ».

Daru nhìn trời, nhìn cao nguyên, và xa xa, những giải đất mờ chạy dài đến tận biển. Giữa cảnh vật mênh mông mà Daru yêu qúi vô ngần, ông giáo cảm thấy mình bơ vơ cô độc.

NGUYỄN-ĐỨC KỲ-SƠN

(Bản dịch trích trong ĐƯỜNG-MỚI với sự thỏa-thuận của nhà Xuất-bản và Tác-giả)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NGUỒN-GỐC VĂN-MINH VIỆT-NAM

(tiếp theo và hết)

OLOV JANSÉ

Dưới đây, chúng tôi đăng phần cuối bài khảo luận của Giáo-sư Olov Jansé. Thể theo lời yêu cầu nhiều bạn độc giả, chúng tôi sẽ in thành tập riêng toàn bài khảo luận giá trị này mà chúng tôi đã đăng từ số 12, với tất cả những hình-ảnh cần thiết mà chúng tôi rất tiếc chưa thể in ngay vào trong báo được.

L.T.S.

KIỂM-ĐIỂM NỘI DUNG MỘ-PHẦN LẠCH-TRƯỜNG VÀ NÓI VỀ VĂN-MINH ỐC-EO

BÂY giờ ta sẽ xem xét kỹ hơn nội-dung những phần mộ ở Lạch-Trường. Rồi chúng ta sẽ nói vắn tắt về nền văn-minh Ốc-Eo.

Ta hãy khởi sự xét nội-dung mộ-phần số 3 ở Lạch-Trường, cũng gọi là mộ của nhân-vật quì gối. Mộ-phần nầy đáng chú-ý đặc biệt về nội-dung, vì đó là cái kiến-trúc đầu tiên thuộc loại đó khỏi bị xâm phạm và đã được đào bới có phương-pháp. Trước khi nghiên cứu riêng từng đồ vật một, ta hãy nhìn chung vào nội-dung tổng-quát, vì trong những mộ-phần tất cả đồ vật đều phải có một vị-trí nhất định đối với phương-hướng tuyệt-đối hay tương-đối của mộ-phần.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ta hãy nói cho rõ về điểm này.

Vì rằng bốn phương hướng có một giá trị nhất định đối với quan-niệm âm-dương, nên sự gióng hướng của mộ-phần đóng một vai trò quan trọng và sử-ký có nói rõ về điều đó. Phương Đông và phương Nam thuộc Dương, còn phương Tây và phương Bắc thuộc Âm. Vì thế, theo lẽ thường thì ta phải tìm thấy những mộ-phần gióng hướng Nam-Bắc hoặc Đông-Tây. Nhưng riêng về các mộ phần mà chúng tôi đã quật phát, thì nguyên-tắc ấy dường như không được người ta theo sát, vì việc gióng hướng khác nhau lạ thường từ mộ-phần nầy sang mộ-phần khác. Mới xem qua thì sự-trạng đó hình như chứng tỏ một sự hỗn-độn trong tư-tưởng, nhưng sự hỗn-độn này chỉ là nhìn qua bên ngoài như thế, chớ không có thật.

Hẳn như vậy, cách gióng hướng được xem như là bắt buộc kia, tùy theo trường hợp, có thể thay đổi vì nhiều lý-do về phong-thủy hay lý-do khác. Điều cần nhất là phải tránh cho được tất cả những luồng địa-khí có hại. Loại như cái góc, cái cạnh của một ngôi nhà ở vào nơi bàng cận, đôi khi có thể là một yếu-tố quyết-định sự gióng hướng. Cũng còn nhiều lý-do khác rút ra từ những tính-cách châu-kỳ (thuộc về Can, chi) của cái năm mà trong đó người ta phải xây cất phần-mộ. Vì thế, chẳng hạn như trong năm Tý thì phải gióng hướng Bắc-Nam. Muốn được ổn thỏa mọi sự thì có khi phải kêu gọi đến cả các vị thần chiếm cứ bốn phương. Khi mà vì những lý-do đã đề-cập đến, người ta không thể gióng một mộ-phần theo hướng mong muốn, thì người ta cầu xin các vị thần bốn hướng hãy tạm dời chỗ của họ và ở trong vị-trí mới suốt trong thời kỳ xây cất mộ-phần. Chúng ta có thể phỏng đoán rằng cách điều-hòa đó không phải mới có ngày nay.

Sau cuộc phiếm-luận trên, chúng ta hãy trở về nơi mộ-phần của nhân-vật quí gồi và một lần nữa, đây là hình trắc-diện và bảng đồ của mộ-phần ấy :

Trong trường-hợp đặc-biệt nầy, mộ-phần nầy gióng hướng Nam-Bắc. Bức tường mà chúng ta đã giải thích như là một cách đóng kín ở về phía Nam. Về phía Bắc, có cái chỗ thờ nhỏ và về phía Nam có cái buồng nhỏ đựng đồ vật-dụng, đầy cả những lọ bằng đất nung trắng. Cái chỗ

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thờ trước kia chắc hẳn đã chứa đầy những đồ vật bằng gỗ, và dưới cái vòng cung ngăn cách nó và phòng giữa, chúng tôi đã tìm thấy một số đồng đặc-biệt đáng chú-ý. Cách bài-trí những đồ vật đó đúng theo quan-niệm Âm-dương. Những đồ vật thuộc Dương, nghĩa là đồ gỗ và đồ đồng, được đặt vào hướng Bắc hay Âm để nhờ thế gây ra được một giao-lưu thuận lợi giữa lưỡng tính phân-cực. Cũng theo ý nghĩ đó, những đồ vật thuộc Âm, nghĩa là đồ gốm, đã được sắp đặt vào phòng hướng Nam hay Dương để gây ra một hiệu-quả như trên. Xác vị vong được đặt vào nơi trung tâm điểm giao-lưu của hai cực.

Đồ gốm lúc tìm thấy thì hỗn độn nhưng còn nguyên vẹn. Đó là những đồ vật làm theo kiểu Trung-hoa, nung kỹ, bằng đất trắng và phủ một lớp sơn trắng trắng.

Lúc ban đầu chắc hẳn các đồ vật đó đã được đặt trên những kệ bằng gỗ. Nhưng khi những kệ gỗ đã mục nát, thì nó đã sụp đổ và đã làm cho đồ vật đặt trên rơi xuống.

Như tôi đã nói, đó là đồ gốm bằng đất hẳn có trộn đất sét trắng (Kaolin). Như tôi đã đưa ra ý nghĩ đó, có thể người ta đã cố ý tìm ra thứ đồ gốm trắng để dùng trong việc chôn cất người chết.

Chúng ta biết rằng đồ sứ làm bằng đất sét trắng (Kaolin) đun đến một nhiệt độ rất cao. Người ta tự hỏi phải chăng là công cuộc tìm kiếm một chất trắng, lúc ban đầu chỉ để phục-vụ mục-phiêu tôn-giáo, đã đem lại kết quả là một phát-minh nó đã góp phần vào việc cải thiện vệ-sinh nghề nấu ăn vừa khích thích khiếu mỹ nghệ : nghề làm đồ sứ.

Chúng ta hãy mở vòng ngoặc ở đây để nhắc lại rằng khi tục dùng đồ sứ đã bắt đầu lan tràn thì những đồ sứ dùng để dọn đồ ăn lại được xem như là có một tính cách siêu nhiên, vì nó loại được chất độc ra khỏi thức ăn. Khi ở Tây phương, vào thế-kỷ 18, người ta đã khởi sự thay thế nhất là những đĩa bằng đất đun có lỗ, hay là bằng gỗ, bởi những đĩa bằng sứ, thì người ta đã nhận thấy đã giảm mất được một số khá nhiều bệnh hoạn gây ra bởi sự thối nát những chất đồ ăn dễ bám dính vào những lỗ nhỏ trong đồ gốm hay đồ gỗ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sau câu chuyện đó, ta hãy nghiên cứu những đồ vật cấp táng mà tôi đã duyệt qua. Một vài đồ vật trong số đó cần giải thích được chừng nào hay chừng ấy. Vật quan trọng nhất mà tôi trình bày ở đây đầy ý nghĩa tượng trưng chẳng khác gì một bộ điện. Như người ta thấy, đó là một nhân-vật, — một người Tây phương, — mang ở lưng và ở hai cánh tay, ba cái gọng, mỗi gọng có một cái đèn di chuyển được, *nói cách khác đó là một cái giá đèn hình người.* Lúc ban sơ nhân-vật đó được đặt trên một cái đế bằng một chất hữu cơ, chất gỗ chẳng hạn, và cái đế đó đã không thể tồn tại đến ngày nay. Thật thế, ở dưới nhân-vật đó, chúng tôi để ý có một cái lỗ hủng chắc hẳn đã dùng để cắm giữ cho vững. Như trong chốc lát ta sẽ thấy, chi tiết ấy không phải là không ích lợi về phương-diện tài-liệu.

Hình trên đó đã được tìm thấy ở phía Bắc (âm) . Trong mộ-phần, dưới cái vòng cung ngăn cách chỗ thờ và phòng trung-ương. Nó quay mặt về phía Nam, hướng Dương.

Mặc dù nhân-vật nầy được hình dung đang quì gối, chắc hẳn nó không phải là một người tôi tớ. Phần trước ngực, những vòng đeo vào cánh tay, cái giây thắt lưng, tất cả các thức trang hoàng mang hình hoa sen vẽ kiểu (tượng trưng sự tinh-khiết), và cái vương-miễn, tượng-trưng quân-quyền, trong thế-giới Hy-lạp, chứng tỏ nhân-vật đó có một địa-vị cao trong xã-hội.

Vả lại, ở dưới chân, ở trên lưng và ở trên những gọng đèn, có những người ngồi chồm hổm, những nhạc-công, những người tôi tớ hay người sùng bái, — những người phàm-tục. Tính cách vĩ-đại của nhân-vật quì gối đó, đối với những hình nắn những người phàm-tục, dường như chứng tỏ đây là một vị thần, một vị thần được Ân-hóa, đã từ biên-cương vùng Đông Hy-lạp đến. Những ngành, gọng mang trên lưng chắc hẳn hình dung những nhánh cây lớn hay cây nhỏ, chứng tỏ rằng đó là một vị thần cây cỏi hay đúng hơn là sự nhân-hóa vị thần đó. Sau khi đã làm những cuộc khảo-sát có tính-cách so-sánh khá rộng, tôi tưởng có thể rút ra những kết-luận sau : Ở đây ta thấy người ta hình dung con người chết trong lúc nó được hồi sinh và đóng vai trò của vị thần cây cỏi và rượu nho, mà vị thần nầy, như ta đã thấy, dưới những danh hiệu phức-tạp,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

— đã ngự trị trên tư-tưởng thần-bí của vùng Đông La-Hy. Nói cách khác, ở đây, người ta diễn tả, trong tĩnh-thể của nó, một cái kịch mang tính cách nghi-lễ, trong đó người chết, dưới hình-thức của một vị thần Dionysos Ân-hóa, đang được hồi-sinh sau khi đã đi đến chốn âm-ty. Tôi sẽ trở lại vấn-đề cái kịch có tính-cách nghi-thức trong khi nói đến nguồn-gốc hát bộ của Việt-Nam.

Nếu giả-thuyết chúng tôi được chấp nhận thì kẻ vô-danh được mai táng trên bờ bể Hoàng-Hải đã hai nghìn năm nay có thể có một tiên-nhân người Phù-nam hay một tiên-nhân người Chàm.

Vị-trí hơi nghiêng ra đàng sau gợi ý một cử-động hơn là một sự nghỉ ngơi. Ta hãy nhớ rằng thần Dionysos cũng như vai đối-xứng La-mã của ông ta là Bacchus, thường được người ta hình-dung như thế. Vị-trí đó thường được người ta giải thích là để trình-bày vị thần cây cối với rượu nho trong một tình-trạng say-sưa be-bét. Nhưng lúc nguyên-thủy thì Dionysos cốt để nhân-hóa thể-chất thiêng liêng của cái hạt giống và của cây cối. Chỉ sau này thôi, và vào một thời-kỳ tương-đối khá chậm, vị thần đó mới được liên-kết với cây nho. Trên một cái lọ cổ Hy-lạp, chúng ta thấy vị thần ngồi nghiêng ra đàng sau, đang đánh đàn thụ-cầm và ngước mắt trông vào không-gian. Không có gì gợi ý say rượu mà đúng hơn, là gợi ý thoát-thần nhập-định.

Bức tượng Lạch-trường trước kia chắc hẳn đã gắn vào một cái đế, mà cái đế đó không còn đến ngày nay như tôi đã nói, và vì thế chỉ những phát minh sau nầy mới cho ta biết được hình dáng của cái đế ức-đoán đó. Nhưng do đường lối tương-tợ, chúng tôi tưởng đã tìm được một dấu tích đáng theo dõi và khảo cứu, mặc dù phải cẩn-thận. Sau đây là một vài chứng-cứ mà chúng tôi đưa ra với tất cả sự dè-dặt.

Bức tượng nầy đây đại-để đồng-thời với nhân-vật quì gối hay có lẽ hơi mới hơn một chút, chắc là do một nơi làm tượng ở miền Nam Trung-hoa mà ra. Hai bức tượng có những điểm tương-tợ, nhưng thay vì những cây đèn, thì bức tượng nầy lại mang trên đầu một cái lư hương theo một hình-thức nhắc nhở đến núi lớn với những động-trời. Nhân-vật nầy lại ngồi trên một cái gì giống như một con sư-tử hiền lành nhu-nhược

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nhưng bị đè bẹp sát xuống cho đến nỗi ta có thể tưởng rằng đó hầu như một tấm da sư-tử. Sự kiện nầy đáng chú-ý vì sư-tử là một trong những con thú linh của vị thần cây cối và thần hồi-sinh. Chắc hẳn không phải vì một sự gặp gỡ thuần-túy ngẫu-nhiên mà ta tìm thấy ở Ai-cập trong thời-đại La-Hy một sự liên-kết tương-tợ giữa vị thần Dionysos của Ai-cập mệnh danh là Osiris, với con sư-tử. Thật thế, tại đền thờ Denderah, người ta thấy, trong lối trang-trí trên tường, cuộc diễn tả cái kịch chết đi và sống lại của vị thần cây cối. Ở đây thì ta thấy cảnh hồi-sinh. Vị thần tỉnh dậy, ngồi trên một cái gì như một cái giường hình sư-tử chạm kiểu, có lẽ lúc nguyên thủy là một cái giường trên có trải một tấm da sư-tử. Để có thể bổ ích vào chỗ nào, chúng tôi xin mách rằng một nhà du-lịch Trung-hoa viếng xứ Cam-Bốt vào thế-kỷ 13 kể lại rằng nhà vua, được tôn sùng như một vị vua-thần, luôn luôn ngồi trên một tấm da sư-tử khi xuất hiện trước công chúng. Nhà du-lịch lại nói thêm rằng tấm da đó lúc bấy giờ được xem như là một vật báu của hoàng-gia. Thế thì nhân-vật quì gối tại Lạch-trường lúc ban đầu hẳn đã không được đặt trên một cái giường hình sư-tử hay trên một cái đế giống hình một tấm da sư-tử hay sao ? Vấn-đề còn cần phải khảo-cứu. Chúng ta hãy sang một chi-tiết khác. Những ngành nhánh vị thần mang trên lưng là những bộ-phận di-chuyển được, cái đầu mút của mỗi nhánh tháp vào trong một cái ống tròn do một người nô-bộc cầm giữ. Chúng ta cũng thấy người ta hình dung thần Dionysos mang trên lưng những nhánh cây. Thế nhưng những nhánh nầy là những nhánh tươi được kết theo hình ảnh của vị thần vào dịp những lễ. Ta hãy nói thêm rằng một trong những tiếng hình-dung tự của vị thần Dendrites bằng tiếng Hy-lạp là : « thần cây ».

Nhân-vật quì gối tại Lạch-trường được tìm thấy bên cạnh một bức tượng mà ta không còn nghi ngờ gì nữa, có thể xem là thần Pan, một thần Pan chắc hẳn đã được Ân-hóa, đó là một sự kiện giúp vào thuyết của chúng tôi về tính-cách Ân-Hy của nội-dung mộ-phần số 3 ở Lạch-trường.

Mặc dầu phải đi tìm rất xa cái nguồn gốc tư-tưởng thúc đẩy sự cấu-tạo những đồ-vật đó, ta có thể nói những đồ-vật đó đã xuất hiện từ một trong những nhà chế tạo đã có trong những trung-tâm thuộc kiểu-mẫu Ốc-Eo mà chúng ta chốc lát nữa sẽ nói đến.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Trong những loại đồ-vật khác nhau tìm thấy ở trong các mộ-phần kiểu động-trời, những cây đèn đáng được ta chú-ý. Người ta còn nhớ vai trò quan trọng của ngọn lửa và ánh sáng trong thuyết thần-bí. Hai thứ đó được xem như là một thể-chất thiêng liêng và như là sự phát hiện của tâm-linh. Hẳn thế, khi những cây đèn được đặt quanh và sau cái đầu, như trong trường hợp cái giá đèn hình người ở Lạch-trường, thì đó là vì một lý-do đặc-biệt. Đó để làm một cái hào-quang mà những tia sáng có một lực-lượng thiêng liêng. Cây đèn cao nhất để phía sau đầu có một cái cán cuối cùng có hình đầu con rắn. Tại miền Cận-Đông, con rắn được tôn sùng như một kẻ phù-hộ hột giống và vì thế được liên-kết với thần hột giống Dionysos. Sự liên-kết đó có lẽ đã ảnh-hưởng đến nghệ tiểu-tượng của Phật-giáo. Theo Von Le Cop, một nhà Đông-phương học tên tuổi, thì những pho tượng Phật đầu tiên quan-niệm theo kiểu Ấn-Hy tại vùng Gandhara (ở Ấn) đã được cấu tạo theo nguyên-hình những vị thần Parthenon. Trong các vị thần đó, thần Dionysos được thờ khắp xứ Ấn-độ lại ở trong số các vị thần được tôn sùng nhất. Sự kiện nầy bắt buộc ta phải nhận rằng nhà tạc tượng Phật-giáo cũng đã phải chịu ảnh-hưởng của nghệ-thuật tiểu-tượng Ấn-Hy và lối tượng-trưng liên-kết với sự tôn thờ thần Dionysos.

Trong khi nhớ lại bức tượng trong mộ-phần ở Lạch-trường mà ta đã có thể xem là tượng của một vị thần Dionysos được Ấn-hóa, bức tượng mà trên đầu, như ta còn nhớ, — có một con rắn, phải chăng là ta có lý-do để nhận thấy ở đó một nguyên-thức (prototype) của biết bao nhiêu pho tượng hình dung ông Phật ngồi, liên-kết với hình rắn hổ-mang (naja) đang ngóc đầu lên trên đầu của vị Thầy ? Mặt khác, còn nhiều sự-vật đặc-biệt trong lối thờ-phụng thần Dionysos cũng đã được thái-dụng và biến cải bởi nghệ-thuật Phật-giáo. Chúng tôi đã tìm thấy trong một mộ-phần ở Thanh-hóa một bức tượng nhỏ trên đầu có một ngọn lửa, bức tượng nầy chúng tôi đã nhận là thần hài-đồng Dionysos. Đề tài đó nhắc lại những bức tượng Phật trên đầu có hình dung một ngọn lửa vẽ kiểu và đây là một cái mẫu.

Dionysos và vai trò đối xứng ở La-mã của ông ta là Bacchus, thần cây cối, đều thường khi được hình dung dưới một cái cây. Người ta tự hỏi phải chăng sự liên-kết đó cũng đã ảnh-hưởng đến nghệ-thuật Phật-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

giáo trong trường hợp ông Phật được hình-dung ngồi dưới cây Bồ-Đề, là cây giác-ngộ. Lối hình-dung đó mọi người ở đây đều quen-thuộc, tôi không cần đưa những kiểu-mẫu. Tôi chỉ đưa ra đây xem bức ảnh biểu lộ cái nguyên thức phỏng đoán là Bacchus ngồi dưới một cái cây mà những nhánh ở đầu mút có mang những vòng tròn để cắm đèn.

Chúng ta hãy trở lại chốc lát nơi nhân-vật quì gối.

Cái vật hình chóp (cône) nó mang trên lòng bàn tay mặt cho phép ta nhận biết nó. (Đừng để ý đến cái que đã đặt trên cái chóp, vì que nầy không thuộc vào bức tượng đó). Đó là một sự hình-dung hài-nhi Dionysos. Theo thần thoại Hy-lạp, giống người khổng-lồ (Titans) đã biếu cho hài-nhi Dionysos một vật hình chóp để làm đồ chơi. Người ta không cắt nghĩa tính cách tượng-trưng của cái vật hình chóp, nhưng điều ấy mọi người đều biết. Đó là cái tiêu-biểu cho Đại-nữ-thần Đất — Mẹ (Terre — Mère), cũng là mẹ đẻ của Dionysos.

Vị thần ở đây được hình-dung với tính cách là con của bà mẹ ông ta. Về câu chuyện nầy, ta thấy cần đặt ra đây một câu hỏi nữa. Việc thờ kính vị nữ-thần mẹ của sự sinh-sản kia, hai nghìn năm trước đây cũng được gieo rắc ở Việt-nam hay ít nhất ở Thanh-hóa chăng ? Có thể thế, vì bên cạnh nơi đã đào ra bức tượng, có một đền thờ, tại Phố-cát, gọi là đền cá thiêng, để thờ một vị nữ thần. Đó là một nơi đi lễ bái mà đàn bà muốn cầu con hay đi đến. Đó là một đền thờ dường như để thờ thần sinh-sản, có đã từ rất xưa. Ta hãy mách để so sánh, rằng trong khoảng mấy mươi năm nay, những nhà khảo cổ đã phát lộ một đền thờ tương-tợ tại Hy-lạp, cũng một đền cá thiêng, và đúng hệt, cũng để thờ nữ-thần sinh-sản.

Về câu chuyện nhân-vật quì gối, chúng ta đã thấy rằng ngọn lửa và ánh sáng đã đóng vai trò quan trọng trong những nghi-lễ thần-bí, và chắc hẳn không phải vì một sự ngẫu-nhiên mà chúng tôi đã tìm thấy chẳng biết bao nhiêu là đèn, giá đèn và một đèn lồng trong những mộ-phần ở Thanh-hóa, mà một số đồ vật đó lại dường như đã làm theo những kiểu-mẫu ở Tây-phương. Lại ngay cả một cây đèn làm tại Alexandrie cũng đã được

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

đào lên tại Đông-Dương, đúng đắn hơn là tại Thái-lan. Vật nầy chắc hẳn đã được nhập cảng vào thế-kỷ thứ nhất của kỷ-nguyên và nó mang lại thêm cho ta một bằng chứng về sự trao đổi văn-hóa xa xuôi của thời đó.

Cũng như ngọn lửa và ánh sáng của nó sản-xuất, nhạc điệu và vũ-điệu cũng là những đặc-thái của thần-bí, và những mộ-phần ở Lạch-trường cung cấp cho ta một số bằng chứng vừa bổ ích vừa bất ngờ. Câu chuyện như sau đây :

Nhiều mộ-phần còn nguyên vẹn và có từ đầu kỷ-nguyên lúc đào lên thấy có nhiều nạo-bạt (xập-xõa). Theo ý kiến thông thường trong thời tìm thấy những vật đó, thì người ta cho rằng những nhạc-khí đó mới được biết tại Viễn-đông vào thế-kỷ thứ VI sau J.C, và đã đến do đường phía bắc Trung-hoa. Lúc bấy giờ người ta tưởng rằng những xập-xõa cũng như nhạc-khí khác đều đã được mang đến Viễn-đông bởi những tín-đồ Phật-giáo dưới triều Ngụy (Wei). Từ bắc Trung-hoa, theo người ta tưởng, những nhạc-khí đó được biết dần sau nầy trong khắp Viễn-đông. Những cuộc phát-lộ ở Thanh-hóa, trái lại, đã chứng tỏ rằng chính là do Việt-Nam mà những nhạc-khí ấy được biết dần lan khắp Trung-hoa, và sự kiện đó đã xuất hiện không phải vào thế-kỷ thứ VI mà đã từ đầu kỷ-nguyên .

Và đây không phải là trường hợp duy nhất mà cái trào-lưu truyền-hóa đã chảy từ Nam lên Bắc.

Sự hiện diện những xập-xõa trong những mộ-phần còn có ý-nghĩa vì một lý-do khác. Trước kia xập-xõa được dùng trong những nghi-thức cúng thần Dionysos để gõ nhịp cho vũ-nữ nhảy múa. Phần-tử « bal » trong chữ Cymbale do một động-từ Hy-lạp nghĩa là nhảy, múa và đúng hẳn với những chữ Pháp : « Sauterie » (nhảy) và « bal » (múa nhảy). Nhưng xập-xõa đâu có phải là những nhạc-khí duy nhất đã được từ vùng Đông La-Hy du-nhập vào Việt-Nam vào thuở ấy. Còn có những ống sáo nữa. Hiển nhiên, ống sáo đã phải làm bằng gỗ và vì thế chúng ta không thể mong gì tìm được dấu tích những vật đó trong các mộ-phần. Nhưng chúng ta biết rằng ống sáo đã có và hơn nữa nó cũng đã hòa theo tiếng xập-xõa. Thật thế, dưới chân nhân-vật quì gối trong mộ-phần số 3, chúng tôi thấy,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

như ta còn nhớ, bốn bức tượng nhỏ, trong số đó có hai đang đánh xập-xõa và hai thổi sáo. Chúng ta hãy nói thêm rằng không phải đó là những bằng-chứng duy nhất về sự có thứ nhạc jazz để cúng tế vào thuở ấy. Nhiều cây đèn cũng hình dung những tượng nhỏ khác cùng một loại nhạc-công như thế. Dường như lúc bấy giờ đã có một liên-lạc huyền-bí giữa ngọn lửa và ánh sáng, giữa nhạc-điệu và vũ-điệu thuộc loại nghi-lễ cúng thần.

Như ta còn nhớ, những nhạc-công ấy đội mũ chóp nhọn nhắc nhở thứ mũ xứ Phrygie. Mà chính là ở Phrygie (Tiểu Á) mà việc thờ kính thần Dionysos đã phát triển từ thời-đại xưa nhất. Cũng chính ở vùng ấy mà theo truyền-thuyết cái xập-xõa và cái ống sáo đã được sáng chế, và sự thật thì xứ ấy đã cung cấp cho thế-giới đời bấy giờ những nhạc-công kiêm nghề nhảy múa.

Các nhà sử-học cho ta biết rằng khi vua Alexandre đi ngang qua xứ Ba-tư để tiến sang Ấn-độ, thì một nhóm người hát kịch ấy đang ở đó để chờ dịp sang Viễn-đông. Sự hiện-diện của những người đồng-nghiệp của họ ở Miến-điện năm 120 sau J.C. đã được Sử-ký xác nhận. Những tượng nhỏ tìm thấy ở Thanh-Hóa chứng tỏ rằng họ những nghệ-sĩ đó lúc bấy giờ cũng có ở đây. Như trong nhiều trường-hợp về cái vật che đầu, cái mũ chóp nhọn hay mũ xứ Phrygie đã là một dấu-hiệu vinh-dự của một nghề-nghiệp, một địa-vị xã-hội hay đẳng-cấp. Người ta tự hỏi vai hề ca-nhạc cổ-điển với cái mũ chóp nhọn và bộ y-phục thanh-nhã chỉnh-tề của nó phải chăng là cái sống sót cuối cùng, cái hoa cuối cùng của mùa văn-hóa Dionysos. Ta hãy nhắc lại rằng vai hề cổ-điển, trước kia có nhiệm-vụ mua vui cho các vị thần hơn là cho người phàm, lúc bấy giờ luôn luôn mặc đồ trắng. Mũ trắng, áo dài trắng với quần lụa trắng, tất và giày trắng. Và điều đáng chú ý nhất là mặt tô phấn bằng gạo trắng.

Nếu cái xập-xõa và cái ống sáo là nguồn gốc Tây-phương, thì ta cũng có thể phỏng đoán rằng đó cũng là trường-hợp của cái « Khène », một nhạc-khí rất thông-dụng ở trong các giống dân miền núi Việt-Nam. Nhạc-khí nầy có thể xem như một thứ phát-triển địa-phương của cái ống sáo của thần Pan. Về câu chuyện này tôi xin trình bày một trong những cây đèn đồng tìm thấy ở Thanh-Hóa, nơi cây đèn đó ta thấy, trên cái nắp, một người khỏa-thân dường như đang múa nhảy một chân. Trên lưng,

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

nó mang một nhân-vật khác, mà nhân-vật nầy lại đang chơi thứ nhạc-khí Khène, và đầu đội mũ Phrygie. Trên cái ông chắc hẳn trước kia xâu cái tim đèn vào, người ta thấy một người tác nhạc và một người đang thờ cúng. Để so-sánh, tôi trình-bày một cây đèn khác, mà đèn nầy tìm được ở Pompéï tại Ý-đại-lợi. Đây cũng thế, cái nắp được trang-hoàng bằng một hình người khoả thân, đội mũ Phrygie và cũng đang nhảy một chân. Ta hãy thêm rằng chính trong những dịp lễ thần Dionysos mà những người hát kịch kia xuất hiện trước công-chúng, vừa múa nhảy một chân.

Vì những mộ phần ở Lạch-trường và nội-dung của chúng nó chứng tỏ một lối thờ cúng giống như lối thờ-cúng thần Dionysos, một lối thờ-cúng có kèm theo vũ-điệu và nhạc-điệu, chúng ta có thể tự hỏi phải chăng nghệ-thuật hát bộ của Việt-Nam trong hình-thức xưa nhất của nó đã phát xuất từ những nghi-thức thờ-cúng đó. Tất cả những ai đã nghiên-cứu về nghệ-thuật đó dường như đều đồng-ý về một điểm là nguồn-gốc của nghệ-thuật đó mờ-mịt trong đêm tối của thời gian. Có lẽ những ngôi mộ ở Thanh-Hoá kia góp phần để giải-thích cái bí-mật đó. Ta hãy nhớ rằng, cũng như con bướm đã do con nhộng mà ra, chính từ trong những nghi-thức thờ-cúng thần Dionysos mà nghề kịch của Hy-lạp đã phát-sinh, bi-kịch cũng như hài-kịch.

Trước khi chấm dứt, chúng tôi xin nói đến cái trại nông xây cất kiên-cố, theo kiểu thu nhỏ lại, trong số những đồ vật chúng tôi đã tìm thấy. Đây là một trong nhiều cái khác. Chúng tôi đã tìm được đến vài chục cái như thế. Ta hãy thêm rằng những thứ kiến-trúc đó không bao giờ tìm thấy ở Trung-hoa và chúng ta có vẽ là một sản-phẩm của kỹ-nghệ địa-phương. Sự hiện-diện những nông trại kiên-cố kiểu thu nhỏ trong các ngôi mộ đặt nhiều vấn-đề căn-bản về nguồn-gốc văn-minh Việt-Nam.

Kiểu kiến-trúc bằng đất sét ép đó thật khác hẳn với kiểu nhà sàng lợp tranh của văn-minh Đông-Sơn. Cái trại nông kiên-cố là bằng chứng rằng vào thời đại đó, nghề canh-nông đã phát-triển lắm và chúng ta có thể cho rằng nghề trồng lúa, nghĩa là trồng hột, lúc bấy giờ đã trở thành căn-bản của nền kinh-tế thôn quê. Mặt khác, chính trong một cảnh-giới như thế mà ta mới hy-vọng thấy gieo rắc tư-tưởng thần-bí mà điều căn-bản là

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

sự tôn-thờ cái thể-chất thiêng-liêng của hột giống. Những bức tường cao và những tháp canh trên những lối đi vào chứng tỏ rằng những nghiệp-chủ lúc bấy giờ có những tài-sản đáng công bảo-vệ. Phải chăng ta có thể quan-niệm rằng chính những trại-nông kiên cố kia đã đẻ ra cái làng nước (Village—état), rất tiêu-biểu cho cảnh sinh-hoạt điển-địa ở Việt-Nam, — cái làng-nước mà mới trước chiến-tranh đây, người ta còn thấy được bảo vệ bởi những hàng rào dày đặc những cây xương-rồng và cây tre nhắc nhở ý muốn tự-trị tha-thiết của những làng đó. Nếu thuyết chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi có thể kết luận rằng những sự thờ-cúng gia-tộc, tổ-tiên đã phát-triển vào thời-kỳ văn-minh Lạch-Trường.

Bây giờ ta hãy sang giai-đoạn thứ ba của văn-minh Việt-Nam, là văn-minh Ốc-Eo. Chắc hẳn là chính trong kỹ-nghệ của văn-minh nầy mà ta phải tìm những nguyên mẫu của biết bao nhiêu cổ-vật đã tìm thấy trong các ngôi mộ kiểu động-trời.

Ốc-Eo ở vào vùng Transbassac, không xa Saigon, xưa kia là một thị-trấn mà tàn-tích đã tìm được vào lúc chấm dứt trận thế giới chiến-tranh vừa rồi. Thành-phố xưa chắc hẳn đã có một tính cách tạp-hợp và đã gồm có hai giống dân-cư chính là người Ấn-độ và người Ân—Scythes. Một tổ-chức cộng-đồng dường như đã được thiết lập ở đây vào thế-kỷ thứ I hay thứ II của kỷ-nguyên. Nó đã bị huỷ-diệt vào khoảng 500 sau J. C. Thành-phố rộng 240 mẫu tây chắc hẳn được thành-lập nhờ sự mở con đường hàng hải tại vùng Á-châu chịu ảnh-hưởng gió mùa, vào đầu kỷ-nguyên. Con đường này đi từ Vịnh Ba-tư đến Ấn-độ và từ đó tiếp tục đến bán-đảo Đông-dương.

Trong số những dân-cư Ốc-Eo, theo ông Malleret, không những đã có dân Ấn-độ và dân Ân Scythes, mà còn có những người làm thợ đã từ xa hơn đến và quen thuộc với nghệ-thuật vùng Đông La-Hy. Thành-phố đã có những liên-lạc thương mãi trực tiếp hay gián-tiếp với vùng Cận-Đông và có lẽ ngay cả với đế-quốc La-mã. Thật thế, công việc quật phát ở Ốc-Eo đã phát lộ ra, ngoài những món khác, những hàng ngàn hột để xâu chuỗi của La-mã hay giả đồ La-mã, hai cái mê-đay vàng La-mã, mà một trong số đó đã được tạo trong đời vua Antonin, ông Vua Mộ-đạo (Antonin le Pieux), còn cái kia vào đời vua Marc—Aurèle, đã trị-vì trong

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thế-kỷ thứ hai của kỷ-nguyên. Người ta đã tìm thấy hàng trăm viên ngọc chạm trổ mà một số đã được làm tại Cận-Đông. Theo sử-ký của Trung-Hoa thì có những triệu-chứng cho ta tin rằng chung quanh Saigon có những thị-trấn khác như Ốc-Eo còn chờ đợi cuộc quật phát của nhà khảo-cổ.

Không kể có thể nguy hại về sức khoẻ và cả sinh mạng nữa, ông Malleret và một vài cộng-tác viên người Việt-Nam đã ở nhiều tháng tại Ốc-Eo, sau trận chiến-tranh, để thực hiện những cuộc quật phát có phương pháp. Chính nhờ công khó đó, và chúng tôi xin tỏ lòng cảm phục ở đây, mà chúng ta ngày nay biết được một trong những cuộc phát-lộ đáng chú-ý nhất ở Việt-Nam, mà tính-cách quan-trọng còn vượt khỏi biên-giới của của vùng Đông-Nam Á nữa. Những ai quan-tâm đến những kết quả những cuộc quật-phát mà tôi vừa nói đó có thể tìm thấy những chi-tiết đầy đủ trong những bản phúc-trình do ông Malleret mới xuất-bản ở Paris.

Trước khi chấm dứt, chúng tôi lại cũng xin kể một sự-kiện thuộc về Khảo-cổ-học ít ai hay biết và đáng được nêu lên về nền văn-minh Ốc-Eo.

Cách đây đã nhiều năm, một nhà sưu-tập cổ-vật người Pháp có mua được một tượng đồng tìm thấy ở Trà-Vinh, phía Nam Saigon. Cái tượng ấy đã đem tặng cho Bảo-tàng viện Guimet ở Paris. Cho đến năm ngoái, cái tượng đó đã được trình-bày trong gian phòng Khmer với nhan đề : « Người múa nhảy khoả-thân Khmer, thế-kỷ thứ 10 ».

Thế nhưng mới đây, giáo-sư Charles Picard ở Paris nhận thấy rằng thật ra đó là một công-trình nghệ-thuật Hy-lạp về thế-kỷ thứ I của kỷ-nguyên và đã xuất-cảng đến xứ nầy vào thuở đó. Còn bức tượng tôi đưa ra xem đây được nhận là vị thần Hy-lạp Poseidon (tức là thần Neptune của người La-mã), thần phù hộ cho người thuỷ-thủ. Trong tay mặt, ông nắm cái chĩa ba mà mọi người đều biết.

Bây giờ ta hãy tóm tắt những điều nhận xét của chúng ta.

Như ta đã thấy, nền văn-minh Việt-nam mang cái đặc-tính tân-kỳ của nó nhưng đã phát-triển vì những ảnh-hưởng khác nhau. Không có ý rút lại tối thiểu cái phần đóng góp của Trung-hoa, chúng ta cần nhắc

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

lại rằng nhiều điểm tương-đồng về mặt văn-hoá giữa Việt-Nam và nước Bắc-cận có khi có thể giải thích là vì cả hai dân-tộc đã cùng múc vào một nguồn chung, mà nguồn ấy phải tìm thấy ở nơi xa, tại Ấn-độ và vùng Đông La-Hy, Những cuộc chuyển-di dân Tocharéens hay Hắc-Hải và con đường hàng-hải của vùng Á-châu có gió mùa đã đóng một vài trò trong đó. Đôi khi cái trào-lưu truyền-hoá đã chảy từ Bắc xuống Nam, nhưng cũng lắm lần nó đã chảy từ Nam lên Bắc.

Chính trong hoàn-cảnh đó mà tại đất Việt-Nam một cái di-sản quốc-gia vĩ-đại đã được tạo-thành. Để làm cho người ta được biết nó hơn, quí giá nó hơn, để làm cho rạng-rỡ thêm khoa khảo-cổ, một viên ngọc quí trong vòng các môn khoa-học của loài người, thì còn nhiều công việc phải làm. Con đường phải noi theo đã được vạch ra nhờ sự tìm kiếm nhẫn-nại và có nhiều kết quả đã thực-hiện nơi đây từ hơn năm mươi năm dưới sự bảo trợ của những vị thần thủ-hộ chiếm cứ hai vùng phân cực của chúng ta : Đông-phương và Tây-phương.

CAO-HỮU-HOÀNH dịch

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐỊA-CẦU VẬT-LÝ-HỌC

PHẠM-VĂN-NGỌC

Chúng ta hiện sống vào thời-đại chinh phục không-gian mọi người đều chú ý đến việc thám hiểm các hành-tinh khác. Nhưng không phải vì thế mà hành-tinh hiện chúng ta đang sống trên ấy đã được hiểu biết một cách tột cùng. Còn rất nhiều vấn-đề làm người ta thắc-mắc, từ việc định đoạt hình-thể đến sự cấu-tạo của lòng trái đất và những hiện tượng thiên nhiên.

Khi xưa sự hiểu biết còn rất thô-sơ mộc-mạc, người ta chỉ có thể suy đoán từ những việc nhận xét chung quanh mình không quá tầm con mắt.

Chẳng hạn Homère cho trái đất là một cái đĩa tròn chống đỡ bởi những cột trụ nằm trên vai thần Atlas. Cùng một lúc, Esiode lại tưởng tượng rằng cái đĩa ấy nằm lưng chừng giữa thiên-đàng và địa-ngục. Đứng trước những hiện-tượng thiên-nhiên hãi-hùng, trí óc dị-đoan con người tha hồ thêu dệt những câu chuyện thần-thoại : mỗi hiện-tượng đều do một ông thần gây nên, vì thế mà ta có vô số thần như thần mưa, thần gió, thần sấm sét, v.v..

Lần lần trí óc con người mở-mang ra, tìm thấy nguyên do của những hiện tượng và lần lần các ông thần cũng biến đi.

Đến ngày nay, cùng với sự tiến triển mạnh-mẽ của khoa-học, sự hiểu-biết về quả địa-cầu đã đến một bậc khá cao. Tuy vậy vẫn còn nhiều vấn-đề chưa được hoàn-toàn giải quyết. Thí dụ : người ta đưa ra nhiều giả-thuyết về sự cấu tạo trong lòng trái đất, nhưng vẫn chưa biết giả-thuyết nào đúng với sự thật ; người ta chỉ có thể nhận thấy sự biến đổi của địa-cầu từ-khí-trường, chứ chưa tìm ra tông-tích từ-khí-trường. Vì thế khoa ĐỊA-CẦU

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

VẬT-LÝ-HỌC, một khoa-học có tuổi tương-đối rất trẻ, hiến cho các nhà khảo-cứu nhiều vấn-đề thú-vị và đang được bành-trướng mạnh-mẽ trong các nước văn-minh.

Không cần phải định-nghĩa, chúng ta cũng hiểu ngay là khoa địa-cầu vật-lý-học chuyên nghiên-cứu những hiện-tượng vật-lý của quả địa-cầu. Danh-từ « quả địa cầu » mà chúng ta dùng ở đây, không những tượng-trưng trái đất, mà lại chỉ cả lớp không-khí bao quanh nó.

Tuy khoa địa-cầu vật-lý-học có tính cách riêng biệt, người ta vẫn thường lẫn-lộn nó với các khoa-học khác như Thiên-văn-học *, Địa-chất-học * và Địa-lý-học *. Điều đó không lạ lắm vì các khoa-học nầy cũng nghiên-cứu đến quả địa-cầu, nhưng sự nghiên-cứu nhắm vào những mục-đích khác hẳn. Vậy, tôi nghĩ cũng nên định rõ địa-vị của khoa địa-cầu vật-lý-học trong thế-giới mênh-mông của khoa-học. Muốn thế chúng ta hãy dùng giản-đồ * có hình bốn mặt (xem hình 1.1), bốn góc tương-ứng với bốn khoa-học chính : Vật-lý-học, Hoá-học, Địa-chất-học, và Sinh-vật-học *. Theo giản-đồ, chúng ta thấy rằng khoa địa-cầu vật-lý-học nằm trên cạnh nối liền hai khoa vật-lý-học và Địa-chất-học, vì thế một nhà địa-cầu vật-lý-học hoàn-toàn cần phải có một kiến-thức rộng rãi về hai khoa nầy. Muốn giới hạn một cách nhất định lãnh vực của khoa địa-cầu vật-lý học rất khó, vì thực ra, tất cả những vấn-đề gì có liên quan đến quả địa-cầu đều được các nhà địa-cầu vật-lý-học học chú ý đến.

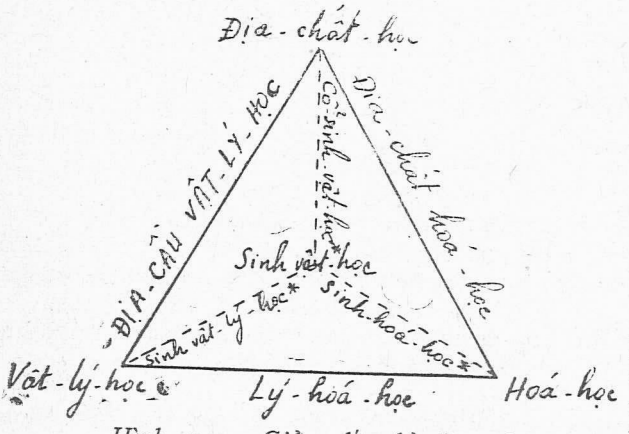

Hình 1.1. Giản-đồ chỉ địa-vị của khoa Địa-cầu Vật-lý-học.

Thí dụ Hội Địa-cầu Vật-lý-học Mỹ (The American Geophysical Union) chia khoa địa-cầu vật-lý-học làm tám phần chính :

1) Khí-tượng-học * : khoa-học không-khí;

2) Thủy-tính-học * : khoa-học chủng loại và tính chất các thứ nước ở dưới đất v. v...

Những danh-từ có dấu * được dịch ra tiếng Pháp sau bài.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3) Hải-dương-học * : khoa-học các biển và đại-dương;

4) Địa-chấn-học * : khoa-học động-đất và những sự rung rinh của đất;

5) Hỏa-sơn-học * : khoa-học núi lửa và những hiện-tượng liên hệ;

6) Địa-cầu từ-khí-học * : khoa-học từ-khí và điện-khí của quả địa-cầu;

7) Trắc-địa-học * : khoa-học hình-thể trái đất và hấp-dẫn-trường * ;

8) Địa-cầu biến-hoá-học*: khoa-học những sự biến-chuyển của đá như sự cấu-tạo núi non;

Người ta cũng thường sắp bốn khoa sau đây trong địa-cầu vật-lý-học :

— Băng-hà-học * : khoa-học nước đông lại, được coi như là một ngành của Thuỷ-tính-học;

— Địa-cầu trắc-định ôn-độ-học * : khoa-học sức nóng của trái đất; hoả-sơn-học có thể xem như một chi-nhánh của khoa nầy;

— Địa-cầu sáng-thể-luận * : khoa-học nguồn gốc trái đất;

— Địa-chất niên-biểu * : khoa chuyên đo tuổi những biến cố trong lịch-sử trái đất mà tôi đã được dịp bàn đến trong bài « Tuổi tuyệt-đối của đá và của trái đất » đăng trong Đại-Học số 10.

Trong sự phân-loại Hội Địa-cầu Vật-lý-học Mỹ còn kể cả hai khoa :

— Địa-chất hóa-học * : khoa-học tính-chất hóa-vật của đất và đá. Đáng lẽ thì khoa địa-chất hóa-học phải có một địa-vị tương-đương với khoa địa-cầu vật-lý-học như ta thấy trong giản-đồ, hình 1.1. Nhưng càng ngày khoa địa-cầu vật-lý-học càng được bành-trướng, trội hẳn khoa địa-chất hóa-học.

— Nham-thạch-học * : khoa học nguồn gốc và sự thay đổi của đá; đúng ra khoa này là một chi-nhánh của khoa khóang-vật-học *.

Xem đây chúng ta đủ rõ không thể nào bàn tường tận tất cả các khoa trong địa-cầu Vật-lý-học.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sự thực, để có thể chuẩn bị việc khảo cứu dễ-dàng hơn, người ta thường tách ra những khoa nào có tính cách hoàn toàn chuyên-môn như : Khí-tượng-học, Thuỷ-tính-học, Hải-dương-học, Hoả-sơn-học, Địa-cầu biến-hóa-học,v.v....

Còn lại những khoa sau đây, mỗi khoa tuỳ một hiện-tượng vật-lý :

1) Trắc-địa-học
2) Địa-chấn-học
3) Địa-cầu từ-khí học
4) Địa-cầu điện-khí-học
5) Không-khí điện-khí-học
6) Không-khí điện-giải-học. *

Bốn khoa đầu liên quan đến những hiện-tượng xảy ra trong trái đất, hai khoa sau liên-quan đến lớp không khí bao bọc chung quanh.

Tôi xin nhắc lại, những hiện-tượng được các nhà địa-cầu vật-lý-học chú ý đến là những hiện-tượng thiên-nhiên. Vì thế các đài quan-sát cần phải được lập ở những nơi chọn lọc kỹ càng để tránh xa những hiện-tượng tương-đương nhân-tạo. Thí dụ đài quan sát địa-chấn cần nơi yên tịnh lánh xa những đường xá rần-rộ và máy móc chạy ầm-ỹ có thể làm rung rinh đất; đài quan-sát địa-cầu từ-khí và địa-cầu điện-khí phải tránh những đường điện-thế cao, cách xa ít nhất là 80 cây số; đài quan-sát không khí điện-giải cần phải được cất trên một mặt đất rộng, bằng phẳng vì người ta dùng những cột ăng-ten rất cao dựng xa nhau để tung lên trời và thu lại những luồng sóng vô-tuyến-điện.

Sau đây tôi sẽ bàn cặn kẽ qua mỗi khoa theo thứ-tự kể trên : điều mà chúng ta cần phải biết trước tiên là hình thể đúng-đắng của quả địa-cầu tìm được nhờ khoa Trắc-địa-học; tiếp đến khoa Địa-chấn-học giúp ta đi sâu vào lòng trái đất để suy đoán bản chất của nó sau khi cho ta chi-tiết rõ-rệt về vỏ trái đất; Địa-cầu từ-khí và Địa-cầu điện-khí rất có liên quan mật thiết với nhau vì hai khoa nầy đều theo dõi những hiện-tượng biến động có thể gây nên bởi những dòng điện rất cao trên không khí; sau rốt chúng ta sẽ lên khỏi mặt đất để xem xét những hiện tượng xảy ra trong không khí.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

PHẦN THỨ NHẤT

TRẮC - ĐỊA - HỌC

Điều được loài người chú ý đến trước nhất lẽ tất nhiên là việc định-đoạt hình-thể của địa-cầu. Cái địa tưởng tượng bởi Homère và Esiode không thể tồn-tại lâu dài vì có những thủy-thủ gan dạ đã dám thử lần mò tìm xem có thể đi đến bìa của đĩa không, nhưng đi mãi cũng vẫn thấy trời bể mênh-mông.

Lần lần gom góp những sự nhận xét, người ta phải nhận giả-thuyết là trái đất có hình tròn. Dường như chính Pythagore (4 thế-kỷ trước Chúa giáng-sinh) đã cho ra ý kiến này đầu tiên. Vào năm 250 trước Chúa giáng-sinh, Eratosthène lần thứ nhất tính ra bề dài của vòng tròn trái đất là 40.500.000 thước. Bắt đầu từ đây nảy sanh khoa Trắc-địa-học. Dân Hy-lạp xưa rất trọng dụng khoa này và thường dùng nó trong việc đo-lường địa-bộ.

Chúng ta có thể định-nghĩa khoa trắc-địa-học như sau đây : trắc-địa-học là một khoa chuyên học hình-thể và khuôn khổ của quả địa-cầu. Tuy là một khoa-học lâu đời như thiên-văn và địa-lý, trắc-địa-học chỉ được xem như là một khoa-học bắt đầu từ thế-kỷ thứ 17. Ngay khi ấy người ta đã tìm ra hai phương-pháp khác hẳn nhau để theo một mục đích : một phương-pháp dùng toán-học gọi là Trắc-địa-hình-học * và một phương-pháp dùng vật-lý-học gọi là Trắc-địa-động-lực-học *.

Trắc-địa-động-lực-học càng ngày càng đi xa hơn mục-đích đầu tiên của khoa trắc-địa-học nghĩa là việc đo khuôn khổ trái đất : người ta có thể dùng nó để tìm hiểu cách cấu tạo của vỏ trái đất và áp-dụng nó để tìm mỏ. Vì thế nó được các nhà địa-cầu vật-lý-học để ý nghiên-cứu đến nhiều hơn và trở thành một khoa học hoàn-toàn chuyên-môn lấy tên là Nghiệm-trọng-học *.

Về phần trắc-địa-hình-học nó vẫn còn tiếp tục theo đường cũ và lần tách khỏi địa-cầu vật-lý-học để giữ lấy phạm-vi khảo-cứu chuyên-môn của nó. Vì thế tôi chỉ xin nói qua những kết quả tìm được bởi trắc-địa-hình-học.

1. TRẮC-ĐỊA-HÌNH-HỌC

A. *Phương pháp dùng những đường cung* (Méthode des arcs)

Sau Eratosthène, có Posidonius, Ptolémée và Fernel tìm cách đo đường bán-kính trái đất. Phương pháp được dùng rất đơn giản (xem hình 1.2.). Ta cứ đo bề dài của đường cung $\overset{\frown}{AB}$ theo một đường kinh-tuyến * rồi dùng phép tính thiên văn-học đo vĩ-độ * của hai điểm A và B để tính ra giác $\measuredangle$. Biết được $\overset{\frown}{AB}$ và $\measuredangle$, ta sẽ tìm ra ngay đường bán-kính OA hay OB.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đo bề dài $\overset{\frown}{AB}$ là một vấn-đề rất khó-khăn vì mặt đất có chỗ trồi chỗ hủng đem lại nhiều sự sai lầm. Hơn nữa không dễ gì tìm được một đường thẳng rất dài nối liền hai điểm nằm trên đường kinh-tuyến mà khỏi gặp những trở-ngại như nhà cửa, rừng rậm v.v... Nhưng đến năm 1615, Snellius, người nước Hà-lan, nghĩ ra một lối đo lường tinh-mật, dùng phép lượng-giác * để đo bề dài AB : phương-pháp ấy vẫn còn dùng đến ngày nay và được gọi là Tam-giác-đạc * (xem hình 1. 3.). Thí dụ ta muốn đo bề dài một đường trên XY. Người ta lập thành một chuỗi hình tam-giác nối liền nhau, bằng cách dựng những cột hiệu A, B, C, D,... dọc theo đường XY, làm sao cho ở bất cứ một cột hiệu nào, cột C chẳng hạn, người ta có thể thấy hai cột hiệu nằm trước A và B, và hai cột hiệu nằm sau D và E. Người ta chọn một cạnh của hình tam-giác, AB chẳng hạn,

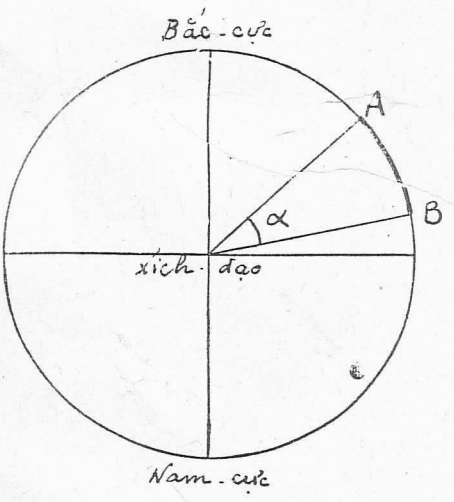

Hình 1. 2. Phương - pháp đo đường bán-kính của trái đất.

làm đường căn-cứ ở nơi nào có mặt đất bằng phẳng và trống trải để có thể đo bề dài nó một cách đúng đắn. Tiếp đến người ta đo những giác của tất cả các hình tam-giác và những giác của những cạnh với đường XY. Xong người ta cứ việc dùng phép lượng-giác để tính ra bề dài của các cạnh và những hình chiếu * của nó trên đường XY, và cộng lại bề dài của những hình chiếu để tìm ra bề dài của XY.

Snellius đã dùng phương pháp nầy để đo một đường cung đi từ Alkmaar phía Bắc, đến Bergen op Zoom phía Nam. Hiệu-số vĩ-độ của hai điểm đầu đường cung cho giác α là 1°11,5 và bề dài của đường cung được đo là 55.010 toi * (1 toi = 1,949 thước).

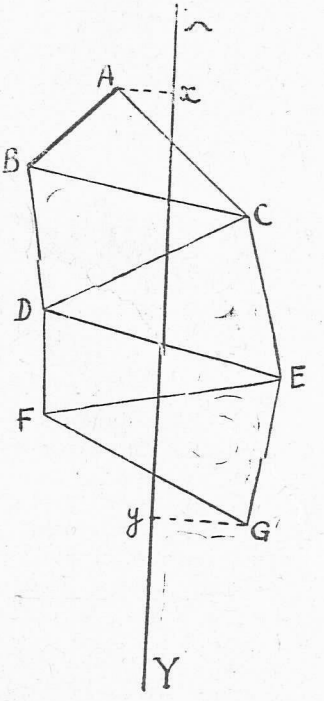

Hình 1. 3. Phương-pháp tam - giác - đạc

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đến năm 1672, nhà thiên-văn-học Pháp Richer, khi được đưa sang Cayenne ở Guyannes để khảo-sát về thiên-văn, nhận thấy rằng quả lắc tinh-mật * của ông đem theo không cho một giây như khi ở Bá-lê. Muốn quả lắc tiếp-tục cho một giây, ông phải thâu cụt nó lại, như thế nghĩa là nghiệm-trọng-lực * ở vùng xích-đạo nhỏ hơn ở Bá-lê. Để giải-nghĩa sự thay đổi nầy, Newton và Huyghens cho rằng quả địa-cầu không phải có hình hoàn toàn tròn như người ta tưởng. Hai nhà thông-thái ấy giả-thử rằng khi xưa trái đất ở vào trạng-thái lỏng, nên khi xoay chung quanh địa-trục, lấy hình bầu-dục xoay tròn * có hai đầu dẹp theo chiu địa-trục. (xem hình 1. 4. a). Nhưng khi giả-thuyết nầy được đưa ra, có một số nhà thông-thái khác, đứng đầu là Cassini, không chịu nhìn nhận, trái lại cho rằng trái đất có hình bầu-dục xoay tròn với hai đầu dài theo chiu địa-trục. (xem hình 1. 4. b). Vì thế vào đầu thế-kỷ 18 giới khoa-học bị bồng-bột bởi sự tranh luận giữa phe Newton và phe Cassini. Để giải-quyết vấn-đề này, Hàn-lâm-viện Khoa-học Ba-lê có tổ-chức hai cuộc viễn-du mục-đích đo khuôn-khổ quả địa-cầu.

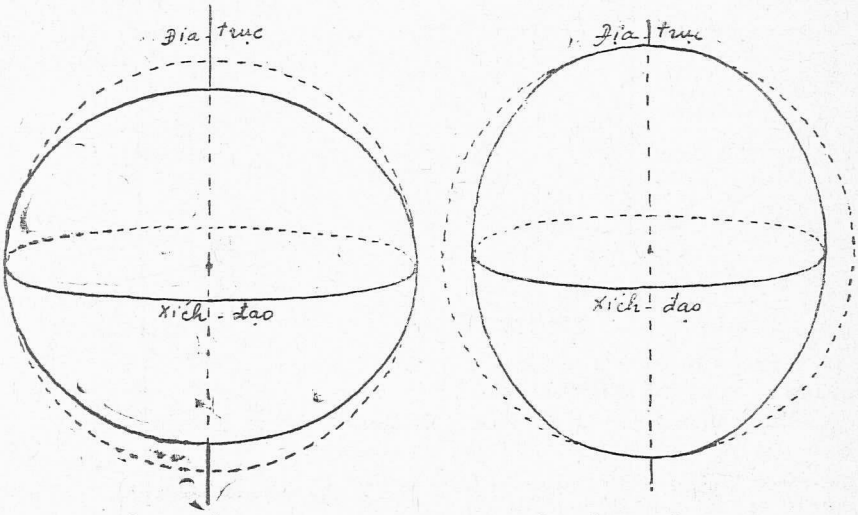

a. Hình quả địa-cầu theo Newton. *b. Hình quả địa-cầu theo Cassini.*

Khi mà người ta cho rằng trái đất có hình bầu dục tròn xoay, tất nhiên là người ta không cần có một đường bán-kính không thay đổi như trong trường hợp một hình tròn. Ở đây, người ta có những hai số chưa biết : ấy là hai phân nửa trục * của hình bầu-dục * nằm theo đường kinh-tuyến. Dù sao phương pháp đo lường của Snellius vẫn còn có thể áp-dụng. Có điều khác hẳn là hai đường thủy-trực * ở hai điểm tột cùng của những đường cung khác nhau, sẽ không gặp ở một trung-tâm-điểm như trong trường hợp hình tròn ; tuy vậy hai đường thủy-trực ấy vẫn làm thành một giác cho bởi hiệu-số vĩ-độ của hai điểm tột cùng. Ta nhận thấy ngay rằng, nếu ta muốn tìm ra hai phân nữa trục của hình bầu dục, ta chỉ cần đo hai đường cung khác nhau theo đường kinh-tuyến.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu ta gọi a là phân nữa trục lớn, b là phân nữa trục nhỏ (xem hình 1.5.) ta có thể tính ra dễ-dàng đường bán-kính chính-khúc * ở một điểm M.

$$R = \frac{a^2 \quad b^2}{W^3}$$

R : Đường bán kính chính khúc

(1) $W = a(1 - \beta \sin^2 v)$

$$\beta = \frac{a - b}{a}$$

v : vĩ độ của điểm M

Chúng ta hãy lấy thí dụ một đường cung $\overset{\frown}{AB}$ có điểm M ở giữa và có một bề dài là L. Hai đường thủy-trực ở điểm A và điểm B gặp nhau ở điểm C và làm thành một giác φ. Nếu đường cung $\overset{\frown}{AB}$ không dài lắm, ta có thể coi nó như là một đường cung của vòng tròn có đường bán kính CM. CM cũng là đường bán-kính chính-khúc của hình bầu-dục ở điểm M : CM = R.

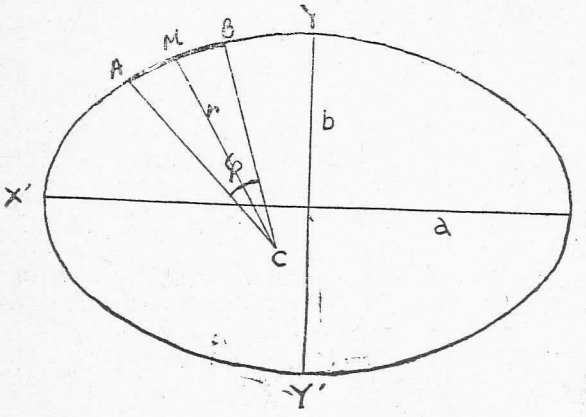

Hình 1.5.

Nếu ta chia bề dài L của AB cho giác φ, ta sẽ có một số $\lambda = L/\varphi$ tượng trưng bề dài đường cung 1 độ nếu φ được tiêu-biểu bằng độ. Ta thấy ngay rằng số λ sẽ tỷ-lệ với đường bán-kính R.

Trong hình 1. 5. , nếu ta đi từ X đến Y, đường bán-kính chính-khúc R sẽ tăng lên, ở X nó sẽ cực-tiểu và ở Y nó sẽ cực-đại.

Chính đó là điều mà Hàn-lâm-viện khoa-học Bá-lê muốn tìm ra nên mới tổ-chức hai cuộc viễn-du khoa-học lịch-sử : một ở Laponie (1736-1737) trên vòng Bắc-cực, do bốn nhà thông-thái của Hàn-lâm-viện điều-khiển, Maupertuis, Camus, Clairaut và Lemonnier ; một ở Pérou (1735-1744) gần vùng xích-đạo do ba nhà thông-thái khác của Hàn-lâm-viện điều-khiển, Godin, Bouguer và La Condamine.

Trong lúc ấy tại đất Pháp, Cassini de Thury và La Caille cũng đo bề dài một đường cung để tính ra số λ ở một nơi nằm giữa địa-cực và xích-đạo.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sau khi đem so sánh ba kết quả tìm được ở Laponie, ở Pháp và ở Pérou, người ta thấy ngay rằng số λ ở Laponie lớn hơn hết, và số λ Pérou nhỏ hơn hết. Như thế nghĩa là địa-trục sẽ là trục YY' trong hình 1. 5. và chỉ rõ giả-thuyết của Newton đúng với sự thật. Từ đây cuộc tranh luận giữa hai phe Newton và Cassini chấm dứt.

Nhưng mục-đích chính của các nhà trắc-địa-hình-học là làm sao biết được khuôn khổ hình bầu dục tròn xoay của quả địa-cầu, nghĩa là tìm đo hai phần nữa trục a và b hoặc số $\beta = a-b/a$. Muốn thế ta cần phải có nhiều đường cung được đo khắp mặt đất. Người ta cũng có thể dùng những kết-quả của những đường cung nằm theo vĩ-tuyến và phương pháp đo lường cũng giống như trong trường hợp những đường cung nằm theo kinh-tuyến.

Số đường cung được đo càng ngày càng tăng thêm, nhưng tất những cả kết-quả không có giá trị đồng nhau : tùy mỗi tác giả, tùy kết quả họ dùng để tính toán, nhiều hình bầu-dục được công bố ra, người ta kể có trên 15 hình từ năm 1819 đến năm 1880.

Tôi xin lược kể dưới đây vài kết quả :

Năm 1799, « La Commission Générale des Poids et Mesures » ở Pháp nhìn nhận hình bầu-dục có :

$a = 6.375.738,7$ thước ; $\beta = 1/334$
và căn-cứ trên hình bầu-dục nầy để cho định-nghĩa chính-thức của một thước : 1 thước = 1 phần mười triệu của một phần tư đường kinh-tuyến.

Năm 1810, Địa-đồ Tham-mưu-bộ Pháp dùng bầu-dục của Delambre có : $a = 6.376.985$ thước ; $\beta = 1/306,64$

Năm 1841, Bessel tính ra một hình bầu-dục mới rất được dùng ở Đức : $a = 6.377.397,15$ thước ; $\beta = 1/299,15$

Năm 1866, Clarke tìm ra : $a = 6.378.207$ thước ; $\beta = 1/295$

Năm 1880, Clarke tìm ra một hình bầu-dục khác được sở Địa-lý quân-đội Pháp dùng thay thế hình bầu-dục Delambre : $a = 6.378.249$ thước ; $\beta = 1/293,46$.

Chúng ta còn có thể kể :
bầu-dục Helmert (1915) : $\beta : 1/296,7$
bầu-dục Bowie (1917) : $\beta : 1/297,4...$

Tìm định-đoạt hình-thể và khuôn-khổ quả địa-cầu không phải chỉ có mục-đích thoả-mãn tính hiếu kỳ khoa-học thôi, nó còn có nhiều áp dụng thực tế trong các ngành khác như Địa-hình-học*, phép vẽ bản-đồ, Thủy-lộ-học*, v.v....

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Việc nhận trái đất có hình bầu-dục tròn xoay chỉ là một sự tưởng-tượng của trí-óc để dễ bề tính-toán. Trái đất sẽ có hình bầu-dục tròn xoay nếu ta ở xa dòm đến, từ trên mặt trăng chẳng hạn. Chứ thật ra hình thể trái đất rắc rối hơn nhiều. Từ những kết quả tìm được bởi phương-pháp dùng những đường cung nói trên, người ta chỉ có thể tính ra một hình thể đơn giản về mặt toán-học, là hình bầu-dục tròn xoay. Người ta cũng thường gọi nó là hình bầu dục tròn xoay quy-chiếu* vì người ta căn-cứ trên hình nầy để tìm ra một hình khác giống hình thực-sự của quả địa-cầu hơn : hình ấy được gọi là Địa-diện*.

B. *ĐỊA-DIỆN.*

Một chất-điểm* nằm trên mặt đất và dính liền với mặt đất, bị trấn-áp bởi ba sức :

1) sức hút của trái-đất* ;

2) sức ly-trục* ;

3) sức hút vi-phân* của những thiên-thể* khác.

Sức thứ ba là nguyên do của hiện tượng thủy-triều. Hai sức đầu hợp lại cho một sức khác rất được biết gọi là Nghiệm-trọng-lực *. Phương-hướng của Nghiệm-trọng-lực ở một điểm là đường thùy-trực ở điểm đó cho bởi dây dọi*. Nghiệm-trọng-lực được biểu-diễn bằng một véc tơ $\vec{g}$ phụ-thuộc những toạ-độ* của một điểm nằm trong một hệ thống toạ-độ* nối liền với trái đất. Véc-tơ $\vec{g}$ là đạo-hàm* của một thế* nghĩa là những phần hợp thành gx, gx, gz là những đạo-hàm bậc nhất của một hàm-số* biết trước V :

$$\left.\begin{aligned} gx &= -\frac{dV}{dx} \\ gy &= -\frac{dV}{dy} \\ gx &= -\frac{dV}{dz} \end{aligned}\right\} \quad \vec{g} = -\overrightarrow{\text{grad}}.V \qquad \text{grad} = \text{gờ - rát - điên*}$$

Người ta gọi mặt đồng-thế* , một mặt trên ấy người ta có :

$$V(x, y, z,) = A \qquad A \text{ là một hằng-số}$$

Ở mỗi điểm trên mặt ấy, nghiệm-trọng-lực thẳng góc với mặt. Một mặt phẳng tiếp-xúc * với mặt đồng thế là một mặt phẳng nằm ngang, vì thế mặt đồng-thế cũng được gọi là mặt thăng bằng* nghĩa là mặt thoáng*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

của một chất lỏng nằm yên, thí dụ như mặt trung bình của đại-dương.

Trở lại vấn-đề địa-diện, chúng ta có thể định-nghĩa nó như sau đây : địa-diện là một mặt thăng bằng của nghiệm-trọng-lực có thể coi như là mặt trung-bình của đại-dương.

Địa-điện cũng được gọi là mặt số không*, vì theo quy-ước, người ta cho độ cao của địa-điện là số không. Địa-điện rất gần giống mặt thực-tế của trái đất, nhưng không thể biểu-diễn bởi một phương trình toán học đơn giản. Người ta chỉ có thể tìm ra nó một cách tiệm tiến, căn cứ trên một hình bầu-dục tròn xoay quy-chiếu mà chúng ta đã nói trên.

Nhưng, như chúng ta đã thấy, những hình bầu-dục cho bởi nhiều tác-giả rất khác nhau. Vậy ta phải làm sao tìm hiểu nguyên do sự sai lạc ấy, và xem có phương-pháp nào khác có thể cho một hình bầu-dục đúng-đắn hơn. Vấn đề ấy sẽ không được giải quyết nếu người ta không tìm ra được một hiện tượng gọi là : sự đi lệch của đường thùy-trực.

C) *Sự đi lệch của đường thùy trực.*

Thí dụ một điểm O trên mặt đất (xem hình 1.6.). Nơi điểm ấy có hai mặt khác nhau : mặt G của địa-diện và mặt E của hình bầu-dục xoay tròn quy-chiếu. Đường thẳng góc OZ với mặt E đi ngang O gọi là đường thùy - trực địa - lý * ; đường thẳng góc OZ' với mặt G và đi ngang O gọi là đường thùy-trực thiên - văn. Hai đường OZ và OZ' làm thành một giác ε gọi là giác đi lệch của đường thùy-trực. Để cho tiện, từ nay chúng ta hãy gọi là giác đi lệch.

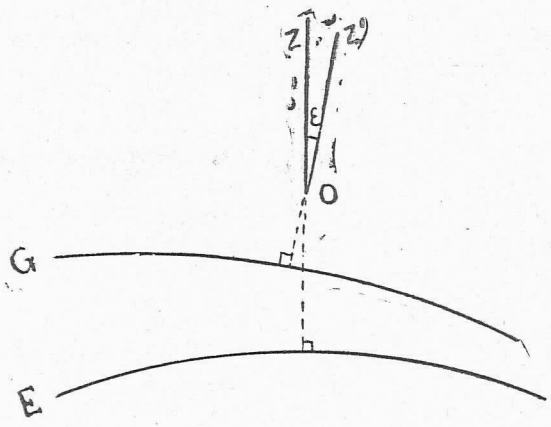

Hình 1. 6.

Lẽ tất nhiên phương hướng của mặt phẳng ZOZ' rất thay đổi, và nếu muốn định rõ giác đi lệch , ta cần phải tìm hình chiếu của ε trên hai mặt phẳng nhất định. chúng ta hãy gọi :

ξ = hình chiếu của ε trên mặt phẳng của kinh-tuyến địa-lý đi ngang điểm O;

η = hình chiếu của ε trên mặt phẳng đứng thẳng (nghĩa là đi ngang đường thùy-trực thiên-văn OZ') thẳng góc với mặt phẳng kinh-tuyến địa-lý; với quy-ước sau đây :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

$\xi > 0$ nếu OZ' nằm phía Bắc OZ;
$\eta > 0$ nếu OZ' nằm phía Đông OZ.

Chúng ta có thể tính ξ và η theo kinh-độ* và vĩ độ* địa lý và thiên văn của điểm O, là những số có thể đo được. Vậy chúng ta hãy thử định nghĩa những số nầy.

Chúng ta thấy ngay rằng giác đi lệch ε thay đổi tùy hình bầu dục tròn xoay quy-chiếu được dùng. Vậy chúng ta hãy chọn một hình bầu-dục có trục nhỏ song song với địa-trục PP' (xem hình 1.7.) và nơi điểm S mà chúng ta gọi là điểm căn-cứ, hai hình địa-diện và bầu-dục lẫn-lộn nhau nghĩa là đường thùy-trực ST sẽ vừa là đường thùy-trực địa-lý, vừa là đường thùy-trực thiên-văn. Như thế, ở điểm căn-cứ S, giác đi lệch sẽ là số không.

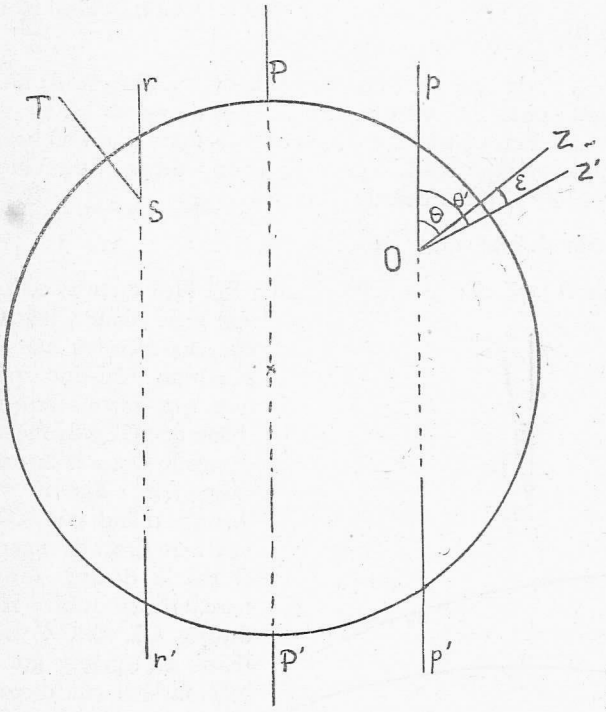

Ở hai điểm S và O chúng ta hãy vẽ hai đường song song với địa-trục là rr' và pp'.

Kinh-độ địa-lý M của điểm O sẽ là giác làm thành bởi hai mặt pOZ và rST. Vĩ-độ địa-lý L của điểm O sẽ là :

$$L = \pi/2 - p\,O\,Z = \pi/2 - \theta$$

Chúng ta có thể định-nghĩa một cách tương-đương kinh-độ và vĩ-độ thiên-văn của điểm O và cứ thay thế Z bằng Z'. chẳng hạn vĩ-độ thiên-văn của điểm O sẽ là : $L' = \pi/2 - \theta'$.

Chúng ta hãy vẽ một hình tròn có trung-tâm điểm ở O và đường bán kính đơn-vị (xem hình 1.8.). Hình tròn ấy gặp đường song song với địa-trục ở điểm p, gặp đường thuỳ-trực địa-lý ở điểm Z và gặp đường thuỳ-trực thiên-văn ở điểm Z'.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nếu chúng ta trập mặt*phẳng pOZ' lên mặt phẳng pOZ, điểm Z' sẽ lại điểm Z''. Chúng ta nhận thấy ngay rằng :

$$\xi = ZZ'$$
$$\varphi = ZZ''$$
$$\eta = Z'Z''$$

Chúng ta có thể tính hai hình chiếu φ và η một cách dễ dàng :

$$\varphi = \overline{\theta} - \theta'$$

Biết rằng :

$$\theta = \pi/2 - L$$
$$\theta' = \pi/2 - L'$$

$$\boxed{\varphi = L' - L} \quad (2)$$

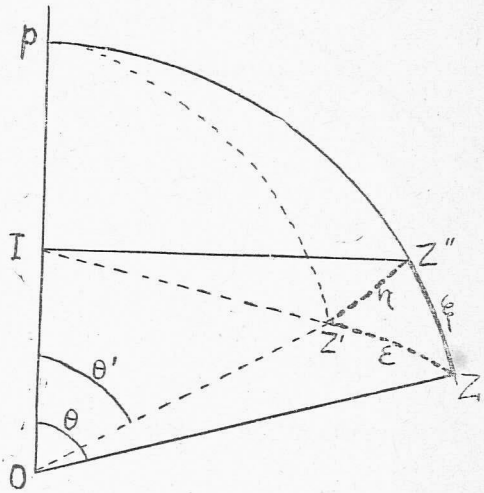

Hình 1. 8

Ta hãy vẽ hai đường thẳng góc với Op đi ngang Z' và Z''. Hai đường ấy gặp nhau ở điểm I trên Op. Ta có :

$$\eta = IZ' \times \widehat{Z'IZ''}$$
$$= \sin\theta' \ (M' - M)$$

$$\boxed{\eta = \cos L' \ (M' - M)} \quad (3)$$

Chúng ta có thể tự hỏi vì nguyên-do nào mà hình bầu-dục tròn xoay tìm được bởi phương-pháp dùng những đường cung không giống với hình địa-diện ?

Trên đây chúng ta có định-nghĩa địa-diện như một mặt thăng bằng. Ở đại đương, mặt thăng bằng ấy có thể tượng trưng bằng mặt nước trung-bình. Nhưng ở đại-lục hình địa-diện thay đổi tuỳ sự phân phát các khối-lượng.

Chẳng hạn dưới một hòn núi, mặt địa-diện cong lên trên như ta thấy trong hình 1.9., vì thế đường thuỳ-trực thiên-văn OZ' mới đi lệch hẳn đường thuỳ-trực địa-lý OZ.

Những dụng cụ đo lường được dùng trong phương-pháp đo những đường cung kinh-tuyến hay vĩ-tuyến chỉ có thể căn-cứ trên những đường

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

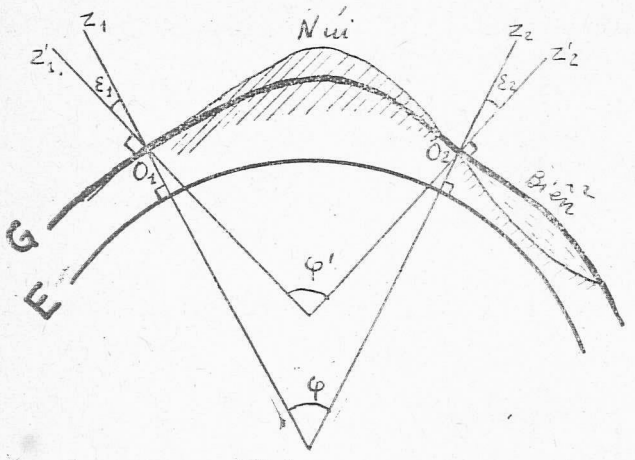

Hình 1. 9

thuỳ-trực; thiên-văn và cho ta giác φ' Nhưng đáng lý là một đường cung của hình bầu-dục đo trên mặt đất phải tuỳ một giác nhỏ hơn là giác φ Như thế người ta đã làm sai lầm một giác :

$$\varphi' - \varphi = \varepsilon_1 - \varepsilon_2$$

Vì lẽ đó làm sự đo lường ở những nơi khác nhau trên mặt đất không cho kết quả giống nhau.

Nhưng nhờ biết nguyên do của sự đi lệch của đường thuỳ-trực, người ta có thể hiệu-chính kết quả thế nào để tìm ra một hình bầu-dục tròn xoay gần giống hình địa-điện. Muốn thế người ta dùng một phương-pháp gọi là phương-pháp diện-tích.

D) *Phương-pháp diện-tích,* (Méthode des aires) *và hình bầu-dục tròn xoay Quốc-tế*

Phương-pháp này do nhà trắc-địa-học Mỹ Hayford nghĩ ra vào năm 1901, khi ấy ông giữ chức « Inspector of Geodetic Work and chief of the Computing Division » của « Coast and Geodetic Survey ».

Mục-đích của Hayford là làm sao hiệu chính lại những tọa-độ của những điểm cùng một mạng tam-giác-đạc, để thay đổi hai số a và β của hình bầu-dục tròn xoay quy-chiếu được dùng, đến khi nào giác đi lệch trở thành cực tiểu.

Muốn hiệu-chính những tọa-độ, người ta phải biết sự phân phát của những khối lượng trong diện-tích đo-lường, và dùng luật mẹo của sự đẳng-tính mà chúng ta sẽ có dịp bàn đến trong phần Nghiệm-trọng-học.

Hayford áp dụng phương-pháp nầy ở Bắc-Mỹ, dùng hình bầu-dục đầu tiên của Clarke làm căn bản, chọn điểm căn-cứ ở trung-tâm-điểm của Meades Ranch (Kansas). Theo kết-quả được công bố, ở 507 điểm khác nhau, giác đi lệch trung-bình sụt từ 32", 64 đến 3",04. Hayford tìm ra hình bầu-dục có :

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

$$a = 6.378.388 \text{ thước}$$

$$\beta = 1 / 297$$

Hình bầu-dục Hayford được chấp-thuận làm hình bầu-dục quy-chiếu quốc-tế » bởi Hội-đồng của Hội Trắc-địa-học và Địa-cầu vật-lý-học quốc-tế (Union Géodésique et Géophysique Internationale : U.G.G.I.) ở Madrid năm 1924.

Dưới đây vài lời kêu gọi của ban chấp-hành bộ Trắc-địa-học U. G. G. I.

« Hình bầu-dục tròn xoay quốc-tế nên được dùng :
1) Trong những nước mới áp-dụng trắc-địa-học và khởi sự dùng « tam giác-đạc, như thế việc tính tóan có thể làm lại dễ-dàng;
« 2) Trong nước đã áp-dụng trắc-địa-học từ lâu, nhưng vì một lẽ « gì, muốn sửa chữa lại công việc đã làm;
« 3) Mỗi khi người ta muốn đo giác đi lệch của đường thùy-trực. Như « thế người ta mới có thể hy-vọng sự tam-giác-đạc những lãnh-thổ « mênh-mông còn lại mà Trắc-địa-học cần phải đảm-đương, sẽ được « tính toán căn-cứ trên một hình bầu-dục duy nhất, và nhiều xứ làm « lại tam-giác-đạc trong một hệ-thống. Dù cho sự đồng tính chưa « được hoàn toàn, người ta sẽ đi được một bước khá dài trong việc « hợp nhất các hệ-thống, điều mà các nhà trắc-địa-học rất ao-ước, « như vậy việc bàn cãi hay quyết định những vấn-đề quan-hệ sẽ được « dễ-dàng hơn.

Tóm lại từ nay ta có thể sử dụng một hình bầu-dục gần giống như hình địa-diện, và căn-cứ trên hình bầu-dục ấy, ta có thể tìm ra hình địa-diện.

E— *Sự biến-thể tương-đối của địa diện*

Thí dụ ta muốn tìm quãng đường BB' ở điểm B từ địa-diện đến hình bầu-dục quy-chiếu (xem hình 1.10.). Ta lấy điểm S làm điểm căn-cứ, nghĩa là nơi đó địa-diện và hình bầu-dục quy-chiếu nằm chồng lên nhau.

Trước hết ta phải xem SB và SB' là hai đường thẳng, muốn vậy điểm B không được xa điểm S quá để có sự phỏng chừng ấy được chính đáng. Ta sẽ tìm thấy ngay :

$$BB' = SB \times \xi$$

ξ : giác đi lệch của đường thùy-trực ở điểm B Cứ theo cách tiến-hành ấy, ta sẽ tìm ra quãng đường từ địa-diện đến

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

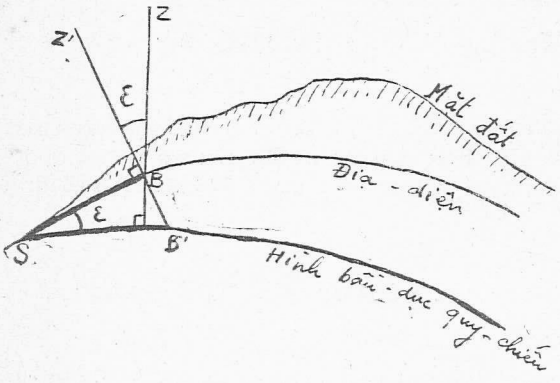

hình bầu-dục ở nhiều điểm và sẽ rõ sự biến thể tương-đối của địa-diện. Lẽ tất nhiên ta phải biết kinh-độ và vĩ-độ thiên-văn và địa-lý của những điểm ấy để có thể tính ra giác đi lệch ε. Những điểm ấy được gọi là điểm láp-la-xiên (Laplacien). Ở Hoa-kỳ, Hayford tính ra quãng đường trung-bình từ địa-diện đến hình bầu-dục tròn xoay quy-chiếu quốc-tế là 38 thước.

Đến đây, chúng ta có thể tự hào là đã biết rõ hình thể hoàn toàn của trái đất không ? Chắc chắn là không.

Người ta có công nhận một hình bầu-dục tròn xoay quốc-tế chỉ để cho công việc tính toán được dễ dàng, chứ không có lý-do gì hình bầu-dục ấy có thể hoàn toàn giống hình của địa-cầu.

Nhưng chúng ta đã thấy, hình bầu-dục do Hayford tìm ra chỉ căn-cứ trên những kết-quả đo lường ở địa-lục Bắc-Mỹ. Rất có thể là hình bầu-dục Hayford rất giống hình mặt đất ở địa-lục nầy. Nhưng ở những nơi khác, chúng ta chưa có những bằng chứng thực-tế thứ nhất là trên những đại-dương.

Chúng ta nhận thấy ngay rằng khoa Trắc-địa-hình-học gặp những trở ngại không thể nào qua được. Nó chỉ có thể cho ta hình trái đất từ « mảnh », và việc nối liền các mảnh ấy không có gì nhất định.

Trái lại chúng ta sẽ thấy rằng khoa Nghiệm-trọng-học có thể dựng lại những vấn-đề mà Trắc-địa-hình-học bỏ rơi, và đem lại một giải-quyết hoàn toàn đầy đủ.

PHẠM-VĂN-NGỌC

Kỳ sau : NGHIỆM-TRỌNG-HỌC

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NHỮNG DANH-TỪ DÙNG TRONG BÀI NÀY

Băng-hà-học :	Glaciologie
Bán-kính chính-khúc :	Rayon ce courbure
Chất-điểm :	Point matériel
Cổ-sinh-vật-học :	Paléontologie
Dây-dọi :	Fil à plomb
Đẳng-tỉnh (sự) :	Isostasie
Đạo-hàm :	Dérivée; đạo-hàm bậc nhất : Dérivée première
Địa-diện :	Géoide
Địa-hình-học :	Topographie
Địa-cầu biến-hoá-học :	Géodynamique
Địa-cầu sáng-thể-luận :	Géocosmogonie
Địa-cầu trắc-định ôn-độ-học :	Géothermométrie
Địa-cầu từ-khí :	Géomagnétisme
Địa-cầu vậy-lý-học :	Géophysique
Địa-chấn-học :	Séismologie
Địa-chất hóa-học :	Géochimie
Địa-chất-học :	Géologie
Địa-chất niên-biểu :	Géochronologie
Địa-lý-học :	Géographie
Giản-đồ :	Diagramme
Giản-đồ có bốn mặt :	Diagramme tétraédrique
Gơ-rát-điên :	Gradient
Hải-dương-học :	Océanographie
Hàm-số :	Fonction
Hấp-dẫn-trường :	Champ de gravitation
Hệ-thống-tọa-độ :	Système de coordonnées

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hình bầu-dục :	Ellipse
Hình bầu-dục tròn xoay :	Ellipsoide de révolution
Hình bầu-dục tròn xoay quy-chiếu :	Ellipsoide de référence
Hình chiếu :	Projection
Hỏa-sơn-học :	Volcanologie
Khí-tượng-học :	Météorologie
Khoáng-vật-học :	Minéralogie
Không-khí điện-giải :	Ionosphère
Kinh-tuyến :	Méridien
Kinh-độ :	Longitude
Lượng-giác :	Trigonométrie
Mạng tam-giác-đạc :	Réseau de triangulation
Mặt đồng-thế :	Surface équipotentielle
Mặt phẳng tiếp-xúc :	Plan tangent
Mặt thăng-bằng :	Surface de niveau
Mặt thoáng :	Surface libre
Mặt số không :	Surface de zéro
Nghiệm-trọng-học :	Gravimétrie
Nghiệm-trọng-lực :	Pesanteur
Nham-thạch-học :	Pétrographie
Phần hợp-thành :	Composante
Phần nửa-trục :	Demi axe
Quy-chiếu :	Référence
Quả lắc tinh-mật :	Pendule de précision
Sinh-vật hóa-học :	Biochimie
Sinh-vật-học :	Biologie
Sinh-vật lý-học :	Biophysique
Sức hút của trái đất :	Attraction terrestre
Sức hút vi-phân :	Attraction différentielle

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sức ly-trục :	Force axifuge
Tam-giác-đạc :	Triangulation
Thế :	Potentiel
Thiên-thể :	Astre
Thiên-văn-học :	Astronomie
Thũy-lộ-học :	Hydrographie
Thũy-tính-học :	Hydrologie
Thùy-trực :	Verticale
Thùy-trực địa-lý :	Verticale géographique
Thùy-trực thiên-văn :	Verticale astronomique
Tọa-độ :	Coordonnées
Toi :	Toise
Trắc-địa-học :	Géodésie
Trắc-địa-hình-học :	Géodésie géométrique
Trắc-địa-động-lực-học :	Géodésie dynamique
Trập :	Rabattre
Vĩ-độ :	Latitude

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

KHẢO-LUẬN
PHÊ-BÌNH

HỌC THUYẾT KHỔNG-TỬ

của

NGUYỄN-VĂN-THỌ

Ôn cố nhi tri tân
(Luận Ngữ Vi Chính
N. 11 trang 20)

SỐNG ở cuối thế-kỷ 25 mà bàn một chuyện quá cổ, quá xưa, xưa từ 20 thế-kỷ, xưa từ đời Chu Mạt, từ cuối đời Hồng-Bàng thoạt tiên ngỡ là lạc hậu lỗi thời. Nhưng nếu xét rằng chân-lý không cò thời-gian tuổi-tác và con người tuy đã tiến nhiều phương diện lý-trí, nhưng chưa tiến bao lăm về phương diện tâm tình, đức-độ, nếu xét rằng chúng ta không thể nào khinh khi được kho tàng tư-tưởng quí báu của tiền nhân, không thể nào xua được dĩ-vãng ra khỏi hiện tại, thì khảo luận về Học-thuyết Không-Tử là một điều vẫn rất hợp thời.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hơn nữa khảo-sát lại một học-thuật tượng trưng cho cả một tinh-thần dân-tộc Đông-Phương, nghiên-cứu lại tư-tưởng của một vị thánh-nhân mà như Edouard Chavannes viết trong Ba-Lê Tạp-Chí năm 1903, đã chi-phối lịch-sử học thuật Á-Đông trong mấy ngàn năm, đã nhào nặn con tim khối óc biết bao thế-hệ, đã chứng kiến bao cuộc suy vong tàn tạ của nhiều vương-triều, của nhiều học-thuyết, đã được suy tôn ở Trung-Hoa, Triều-Tiên, Việt-Nam, Nhật-Bản, nghiên-cứu một học-thuyết có thể đem lại cho ta những thú-vị mới mẻ, những quan-điểm mới mẻ, những kiến thức mới mẻ, nếu ta lĩnh-hội cho đứng-đắn, thì đó là một việc rất hữu ích.

Chúng ta sẽ lần lượt khảo-sát từng vấn-đề :

1 — *Bối cảnh địa-dư.*

2 — *Bối cảnh lịch-sử.*

3 — *Tiểu-sử Đức Khổng.*

4 — *Học-thuyết Khổng-Tử.*

5 — *Sự biến thiên của Khổng-Giáo qua các thời đại.*

6 — *Phê bình, Tổng luận.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

BỐI-CẢNH ĐỊA-DƯ

Như sông Gange và sông Indus đã ngưng đọng nền văn-minh Ấn-độ, như sông Tigre và sông Euphrate đã chứng kiến một thời kỳ huy-hoàng trong lịch-sử nước Babylonie, sông Hoàng-Hà và Dương-Tử cũng đã đem lại văn-minh thịnh-vượng cho Trung-Hoa.

Sông Hoàng-Hà uy-nghi dưới ngòi bút của Lý-Thái-Bạch :

— Quân Bất kiến Hoàng-Hà chi thủy, thiên thượng lai, bôn lưu đáo hải bất phục hồi :

君 不 見 黃 河 之 水，天 上 來；
奔 流 到 海 不 復 回。

« Anh chẳng thấy Hoàng-Hà nước nọ
Tự trên trời chảy đổ ra khơi,
Ra khơi thôi thế là thôi,
Về nguồn trở lại có đời nào đâu.

(Đường Thi 97)

Sông Hoàng-Hà dũng-mãnh đã tràn ngập Trung-Quốc và làm cho Vua Thuấn, Vua Vủ đã mất bao nhiêu công trị thủy. (1)

Sông Hoàng-Hà linh diệu đã đem bao nhiêu đất đỏ phì-nhiêu từ các vùng cao-nguyên hiểm trở xuống để lập một quãng bể bao la từ Sơn-Tây ra tới bờ bể ngày nay, đem người Trung-Hoa từ các cao-nguyên xuống và bình-nguyên nó đã thành trung-tâm Trung-Quốc, kết tụ lại tất cả những huy-hoàng tráng-lệ tinh-thần, vật chất Trung-Hoa (2).

---

(1) Hồng Thủy năm 2298 : Sông Hoàng-Hà, sông Hoài, sông Dương-Tử cùng lụt, nước ngập khắp bình nguyên (Cf. Textes historiques Wieger trg 33).

(2) A une époque relativement récente-du moins dans le sens que les géologues donnent à cet adjectif-cette plaine était un bras de mer dont les vagues venaient battre contre la falaise de Chan-Si, tandis que l'actuelle presqu'île de Chan-Tong était une île. « Pendant des siècles le Houang Ho a déposé sur cette terre des masses énormes de limon qu'il avait arrachées plus à l'Ouest, au plateau de terre jaune, créant ainsi de toutes pièces un sol alluvial d'une merveilleuse fertilité (Cf. Histoire de la Chine René Grousset page 7).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Sông Dương-Tử và phụ lưu là sông Hán cũng không kém phần mênh mang :

Kinh Thi đã ca tụng :

— Hán chi quãng hĩ 漢之廣矣
Bất khả vĩnh ti 不可永思
— Giang chi vĩnh hĩ 江之永矣
Bất khả phương ti. 不可方思

— Mênh mông sông Hán, sông Giang
Lặn sang chẳng được, bè sang khó lòng

(Kinh Thi Tản-Đà 43)

Rồi đến giải núi Tận-Lĩnh cao ngất trời chia Trung-Hoa làm 2 phần Nam, Bắc mà đám mây vắt trên đỉnh cao xa như ấp-ủ tất cả những tình lưu-luyến cố-hương :

— Đoái trông muôn dặm tử phần
Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa.

Nguyễn-Du

— Bốn ngọn núi lịch-sử Thái-Sơn, Hằng-Sơn, Hoa-Sơn, Hành-Sơn là chỗ vua tập họp các chư-hầu, mỗi núi dành cho Chư-Hầu một phương.

(泰山，恒山，華山，衡山)

Nhìn địa-dư chúng ta nhận thấy 2 phần phân biệt :

1) — Một phần là cao-nguyên rừng núi, nơi xưng hùng bá của những nước Tần, Tấn, Tề, Sở, đất phát sinh ra các chiến-sĩ hùng cường, nguyện da ngựa bọc thây nơi chiến địa.

2) — Một phần là bình-nguyên qui-tụ văn-minh tinh-thần Trung-Hoa, nhưng chỉ có những nước nhỏ : Lỗ, Vệ, Trần, Tống, Sái v.v...

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Và dĩ-nhiên là các nước hùng cứ Bắc Nam đều dồn mắt vào các nước trong Bình-Nguyên hai con sông Hoàng-Hà và Dương-Tử, cho nên bình-nguyên sông Hoàng-Hà và Dương-Tử cũng đã chứng kiến bao cảnh tàn phá : Nó « không những được cầy bằng cầy mà còn bị cầy bằng vó ngựa, không những được gieo bằng hạt lúa lại còn bị gieo bằng đầu người, và hai giòng sông Hoàng-Hà, Dương-Tử đã được tô-điểm bằng những nàng con gái góa bụa, đã nở đầy hoa trẻ mồ côi, những lớp sóng sông Hoàng-Hà và sông Dương-Tử đã dưng lên đầy những nước mắt của người cha già mẹ yếu; » (1) còn đối với những người chinh-phụ mong chồng thì :

Nước sông trôi hết xuân dần
Trăng sông cũng lại xế lần sang Tây (2)

và đối với Đức Khổng thì Bình-Nguyên Trung-Hoa cũng đã từng ghi dấu gót phong sương.

---

(1) Cf. Văn-hóa Á châu số 19 năm thứ 2 1959 trang 68.

(2) Giang thủy lưu xuân khứ dục tân
Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà (Đường Thi Trần-Trọng-Kim 91)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ĐỒ BIỂU LỊCH - SỬ

ĐỜI	V U A	ĐÓNG ĐÔ		
TIỀN SỬ	PHỤC-HI-THẦN NÔNG	TRẦN (Hoài) KHÚC PHỤ		
CẬN SỬ 2486	HOÀNG-ĐẾ	TRÁC LỘC		
SỬ 2357 — 2255 2255 — 2205	THỜI PHONG-KIẾN NGHIÊU THUẤN	BÌNH DƯƠNG		
HẠ 17 Vua 439 Năm 2205 — 1766	ĐẠI-VŨ 2205 — 2197 ĐẾ-KIỆT 1818 — 1766	AN ẤP		
THƯỜNG ÂN 28 Vua 644 Năm 1766 — 1122	THÀNH THANG 1766 — 1753 TRỤ 1154 — 1122	BẠC		

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CHU 38 Vua 873 Năm (1122 - 249)	VĂN-VƯƠNG (Thuy Phong) VÕ-VƯƠNG 1122-1115 BÌNH-VƯƠNG 770-719 LINH-VƯƠNG 571 - 544	PHONG CẢO LẠC-DƯƠNG	XUÂN - THU 721 - 481	KHỔNG-TỬ 551 - 479	Lỗ ẩn Công 722 Hoàn Công 711 Trang Công 693 Mẫn Công 661 Hi Công 659 Văn Công 626 Tuyên Công 608 Thành Công 590 Nhượng Công 572 Chiêu Công 541 Định Công 509 Ai Công 494
			CHIẾN QUỐC 481 - 249	MẠNH-TỬ 372-289	

BỊ-CHÚ.— (1) Niên lịch đây là theo Thông giám Cương mục.
(Từ năm 827 trước Tây-Lịch về trước, Sử Tàu còn có ghi, theo niên lịch lịch ghi trong Trúc thư kỷ niên).

(2) Chỉ ghi Vua đầu Vua cuối đời, hay Vua nào can hệ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

BỐI-CẢNH LỊCH-SỬ

Thời Chu Mạt là thời đế-vương mạt vận, thời phong-kiến vô kỷ-cương.

Còn đâu thời oanh-liệt Vua Nhiêu, vua Thuấn, tuy cũng phong-kiến nhưng uy-quyền đế-vương còn tràn ngập thiên hạ; mỗi năm lại rầm rộ đi tuần thú thiên hạ, tới 4 ngọn núi lịch-sử họp Chư Hầu bốn phương.

Còn đâu cảnh huy-hoàng trật tự thời Văn-vương, Võ-vương, hùng cứ ở Kiểu-Kinh giữa những sông sâu núi thẳm, để làm thế ỷ dốc, rồi lập thêm một đô ở Lạc-Dương triều-kiến Chư-Hầu, sai Bá Cầm son Châu-Công sang trọng nhậm nước Lỗ để trấn áp miền duyên hải, như vươn hai cánh tay khổng lồ ôm cả bình-nguyên Trung-Quốc vào trong.

Than ôi ! thời oanh-liệt nay còn đâu. Nay chỉ còn là thời Khuyển Nhung tàn phá đế kinh để Vua tôi nhà Châu lạc lõng dời đô về Lạc-Dương. Nay chỉ còn là thời các Vua Chư Hầu lũng đoạn xưng Hùng xưng Bá, mưu mô chém giết, giành giật chính quyền, là thời cá lớn nuốt cá bé, là thời dân nam man bắc dịch tung vó ngựa đi chinh phạt Trung-Nguyên.

Kinh Thi đã mô tả thời kỳ đó bằng những lời thơ thấm thiết :

Chiến tranh như mưa bấc tuyết sa đem tê tái và hoang-mang lại lòng người :

Vù vù gió bấc ghê thay
Phay phay mưa tuyết, tuyết bay đầy trời,
Ai ơi, ai có yêu ai
Giắt nhau ta kiếm một nơi về cùng,
Còn gì là cái thung dung,
Sự đời đã giục bên lòng xiết bao (1)

---

(1) Bắc phong kỳ dê, vũ tuyết kỳ phi. Huệ nhi hiểu ngã, huề thủ đồng qui. Kỳ hư kỳ từ, ký cức chi thư. (Kinh Thi Tản-Đà 132).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Bầu không khí chiến tranh bao trùm khắp nơi :

— Trống đánh thùy-thuỳnh
Gươm giáo tập tành
Những ai đắp đất xây thành
Xa nhà xa nước riêng mình sang Nam.

(Kinh-Thi Tần-Đà 94) (1)

Làm cho con dân đau lòng sinh-ly tử-biệt :

— Tử sinh cách trở đôi nơi
Cùng em anh đã nặng lời từ xưa
Đôi ta những nguyện cùng già
Cầm tay thủa ấy bây giờ chưa quên

(Kinh-Thi Tần-Đà 96)

Nhưng :

— Cùng nhau thôi đã cách xa
Sống đâu còn đến thân ta hỡi mình !
Thề xưa còn đó rành rành
Nay thôi anh đã phụ tình cùng em.

(Kinh-Thi Tần-Đà 96) (2)

Những vua nước nhỏ, nước nhà tan-tác cùng bọn vong-thần vật-vưởng nước người,

---

(1) Kích cổ kỳ đường, dũng dược dụng binh. Thổ quốc thành Tào. Ngã độc nam hành.

(2) Tử sinh, khế khoát, dữ tử thành thuyết.
Chấp tử chi thủ, dữ tử giai lão

Hu ta khoát hề, bất ngã hoạt hề, hu ta tuân hề, bất ngã thân hề.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Đến nỗi :

— Áo cừu đã rách tả tơi
Bánh xe nào phải không dời sang Đông
Ai ơi chẳng giúp nhau cùng
Tủi thân hèn mọn đau lòng lưu-ly
Ai ơi, ai chỉ cười khì

(ib. 119-120) (1)

Dân thì khổ sở, nghèo túng : Cái nghèo túng đó được mô tả trong bài « Xuất tự Bắc môn » :

— Từ trong cửa Bắc bước ra
Lòng lo trăm nỗi cho ta ngậm ngùi
Phận sao nghèo khó suốt đời
Nỗi ta ta biết ai người biết ta.
Đành thôi còn nói chi mà !
Giời kia bảo vậy biết là làm sao

(Kinh-Thi Tản-Đà 129-130)

Thêm vào đó :

— Việc Vua trút mãi cho mình
Lại còn cái nỗi gia-đình càng thêm
Ra thời công việc như nêm
Vào thời kẻ trách người dèm một ta
Đành thôi còn nói chi mà
Giời kia bảo vậy biết là làm sao. (2)

---

(1) Hồ cừu mông nhung phỉ xa bất đông. Thúc hề bá hề, mỹ sở dữ đồng. Tỏa hề vỹ hề, lưu ly chi tử. Thúc hề bá hề, rứu như xung nhĩ.

(2) Xuất tự bắc môn, ưu tâm ân ân, chung lũ thả bần mạc tri ngã gian. Dĩ yên tai. Thiên thực vi chi, vị chi hà tai.

Vương sự thích ngã, chính sự nhất tỳ ích ngã. Ngã nhập tự ngoại, thất nhân giao biên trích ngã. Dĩ yên tai. Thiên thực vi chi, vị chị hà tai.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

TIỂU SỬ ĐỨC KHỔNG

Giữa lúc thiên-hạ quay cuồng trong khói lửa, con người thả lỏng lòng tham, đem kinh-hoàng reo rắc khắp nơi thì Đức Khổng ra đời, đem lại cho dân Trung-Hoa ý-nghĩa mới mẻ về cuộc đời và một viễn-tượng Hòa-bình xây dựng trên nền móng « Cải thiện nhân tâm » « trật tự » « Hòa hợp ».

Ngài sinh năm 551 trước Thiên Chúa Giáng Sinh, năm 21 đời Linh-Vương nhà Chu, năm 22 đời Tương-Công nước Lỗ, vào khoảng cuối đời Hồng-Bàng, đồng thời với các tiên-tri Ezéchiel, Daniel bên Do-Thái, triết-gia Zoroastre bên Ba-Tư, Pythagore và Solon bên Hy-Lạp, Đức Phật bên Ấn-Độ, Lão-Tử bên Trung-Hoa.

Ngài sinh tại làng Xương-Bình, Huyện Khúc-Phụ nước Lỗ.

Họ Khổng tên Khâu, tự Trọng Ni, người đời sau xưng Khổng Tử hay Khổng Phu Tử.

Cuộc đời Ngài đã được mô tả đầy đủ trong Sử-Ký Tư-Mã-Thiên. Đây xin tóm thành 4 thời kỳ :

1)— Thời kỳ thơ ấu và tráng niên từ 1 đến 30 tuổi : thời kỳ côi cút, nghèo nàn ham làm ham học.

2)— Thời kỳ Trưởng Thành : Từ 30 đến 50. Thời kỳ lập chí học đạo, sang Châu, sang Tề khảo-sát phong-tục, lễ-nhạc, nghiên cứu sách vở tiền nhân.

3)— Thời kỳ Giảng Giáo bằng phương-pháp chính-trị

Từ 50 đến 60 tuổi
Hoặc chấp chánh tại Lỗ
Hoặc đi chu-du trong thiên hạ.

4)— Thời kỳ Giảng Giáo bằng phương-pháp giáo-dục môn đệ :

— Từ 68 đến 73.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hai thời-kỳ sau là thời-kỳ quan-trọng ta sẽ lược khảo.

Ngài viết : « Ngũ thập tri thiên mệnh » tức là 50 tuổi mới biết rõ về con người, về định-mệnh con người, mới tìm ra chân lý, ra đạo; nên từ đó ta thấy ngài trở nên hoạt-động phi-thường.

Cũng có lúc làm quan nước Lỗ, từ chức Trung-Đô-Tể cho đến chức Nhiếp-Tướng-Sự, hết lòng đem đạo-giáo dạy dân : cảnh thái-thịnh, hòa-bình, trật-tự, bầu không-khí đạo-giáo đã bao trùm nước Lỗ. Nhưng sau Vua Lỗ mắc kế mỹ-nhân của Án-Anh nước Tề đâm say đắm nữ sắc, ngài liền bỏ đi du-thuyết các nước; lúc đó đã 56 tuổi.

Ngài mỏi chân đi lại nhiều nước trong khắp vùng bình-nguyên Hoàng-Hà—Dương-Tử, Bắc thì lên tới sông Hoàng-Hà giáp địa-phận nước Tần, Nam thì tiến đến nước Sái, nước Sở mà không vua nào chịu dùng. Trên con đường rao truyền đạo-lý đã gặp bao gian-khổ :

— Bị vây ở đất Khuông (1)
— Thầy trò lạc nhau ở đất Trịnh
— Bị mưu sát ở đất Tống (2)
— Bị cản trở ở đất Bồ
— Bị bao vây đến tuyệt lương-thực ở giữa nước Trần, nước Sái. (3)

Nếm biết bao mùi vị đắng cay của thất bại :

— Vua chúa lừng khừng không ai chịu nghe
— Quần thần dèm pha mưu hại
— Các ẩn sĩ chê bai. (4)

---

(1) LN. Tử-Hãn IX N· 5 trang 134 (Các dẫn chứng Tứ Thư đều trích bộ Tứ Thư Đoàn-Trung-Còn)
Tiên Tần XI N· 22 trang 172

(2) LN. Thuật Nhi VII N· 22 trang 108

(3) Luận Ngữ Vệ-Linh-Công XV N· 1 trang 238

(4) LN. Hiến Vấn XIV N· 41 và 42 trang 232
LN. Vi Tử N· 5 trang 286 et ss.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Thật là « Bình sinh phong-vũ lăng tằng thậm », đời phong-sương luống trải mấy gió mưa.

Nhưng gian lao là trường rèn luyện chí khí : ta có thể bình-luận quãng đời phong-trần của Đức Khổng bằng lời văn của Mạnh-Tử :

« Trời kia sắp sửa giao cho ai nhiệm-vụ lớn tất trước làm cho khổ chí, nhọc gân cốt, đói thể xác, cùng túng cái thân; động làm gì thì làm cho trái loạn ý mình muốn. Trời khiến thế là để khích động cái tâm, kiên-nhẫn cái tính, bổ khuyết những chỗ còn sơ xuất (1)

Năm ngài 68 tuổi, Quý Khang-Tử nước Lỗ thay mặt Vua Ai-Công cho mời ngài về.

Ngài về cố-quốc sau 15 năm phiêu-bạt : Thật là :

« Ta từ viễn xứ trở về
Chân trời vẫn dáng mây thề năm xưa
Giòng sông nước vẫn lờ đờ
Con đò năm trước bây giờ thay mui
Gió qua sóng vỗ tay cười
Sao lay động, nguyệt chìm xuôi theo giòng
Trăng chưa vàng giấc mộng lòng
Nước xanh chưa hẹn thành công với đời
Đã lâu trăng lạ nước người
Ngàn thiêng nước độc, phương trời một ta
Bụi đường ô áo hào hoa.
Mây lìa xa tóc, mầu da hôn hoàng ...

(Nhật Sơn Vũ-Quang-Hân)

---

(1) Cố thiên tương giáng đại nhiệm ư thị nhân dã, tất tiên khổ kỳ tâm chí, lao kỳ cân cốt, ngã kỳ thể phu, không pháp kỳ thân, hành phật loạn kỳ sở vi. Sở dĩ đông tâm nhẫn tính tăng ích kỳ sở bất năng). (Cáo Tử Chương Cú Hạ, Mạnh Tử 213).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Ngài đã già ... Ngài về Lỗ không phải để dự quốc-chính nữa mà là để truyền đạo bằng cách dạy học và đồng thời khảo-sát, san định kinh điển. Ngài hoạt-động vô chừng :

1)— Khảo sát lễ nghi của 3 thời đại Hạ, Thương, Chu

2)— Khảo sát lý-thuyết về nhạc và chia nhạc ra làm 2 loại :

— Nhã (Hymne sacré)
— Tụng (Musique classique)

3)— San định Kinh Thi

4)— Khảo-sát chính-trị và đề xướng thuyết Vương Đạo

5)— Khảo cứu Kinh Dịch

Dạy Thi, Thư, Lễ,Nhạc cho 3.000 học trò, chú trọng về vấn-đề Văn, Hạnh, Trung, Tín. (1)

Năm 71 tuổi viết kinh Xuân-Thu là cuốn Sử-Ký đầu tiên có niên hiệu mạch lạc từ đời Lỗ-Ẩn-Công đến Lỗ-Ai-Công gồm 240 năm (từ 721 đến 481 trước Tây Lịch).

Năm 479 trước Tây Lịch, một hôm ngài dậy sớm đi tiêu dao trước cửa tay chống gậy mà hát :

« Thái-Sơn kỳ đổi hồ, lương mộc kỳ hoại hồ, triết nhân kỳ nuy hồ »
泰山其頹乎，梁木其壞乎？哲人其萎乎！

« Ôi nonThái bạt ngàn, lương mộc nát tan, triết nhân suy tàn ! »

Hát xong ngài vào ngồi giữa cửa; Tử-Cống đến; ngài kể chuyện chiêm bao sắp chết. Được mấy hôm thì mất thọ 73 tuổi. Mộ ngài hiện nay ở Khổng Lâm thuộc huyện Khúc-Phụ Sơn-Đông.

———

(1) Tử dĩ tứ giáo : Văn, iHạnh, Trung, Tín (LN. Thuật Nhi VII N . 24 trg.110)

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tư-Mã-Thiên sau khi thuật sự tích Đức Khổng có phê-bình :

« Tôi đọc sách họ Khổng, tưởng tượng như trông thấy cách làm người của thầy. Sang Lỗ xem nhà thờ Trọng Ni, nào xe, nào áo, nào đồ thờ, các học trò thời thường đến đó tập lễ. Tôi bồi hồi ở lại không dứt ra về được. Trong đời, Vua chúa cho đến người tài giỏi kể nhiều lắm; sống thì vẻ vang, nhưng chết rồi thì hết.

Thầy Khổng áo vải truyền hơn 10 đời mà học giả vẫn tôn trọng. Tự Thiên-Tử đến Vương-Hầu ở Trung-Quốc này, nói đến sáu kinh, đều phải lấy thầy làm chuẩn đích. Thật là bậc Chí Thánh vậy.

(Khổng Tử thế gia th. XVIII Sử Ký Tư-Mã-thiên).

Câu trên tuy là cảm tưởng nhưng cũng là tổng luận về thân thế sự nghiệp Đức Khổng. Nếu cần thêm về nguyện vọng Đức Khổng, thiết tưởng chỉ nên dẫn chứng câu của Nhiễm Hữu, môn đệ Ngài :

« Đạo Ngài để truyền bá cho quần chúng trăm họ ... Nếu muốn đạo ấy thực hiện mà dùng Ngài, Ngài sẽ tận tâm hành đạo không màng lợi phong ấp ngàn xã (1)

Đạo đó là đạo gì mà làm cho Ngài mê say, quên cả danh lợi, ta hãy thử xét xem.

NGUYỄN-VĂN-THỌ

✳

(1) Dụng chi hữu danh, bá chi bách tính...
Cầu chi chí ư thử đạo, tuy lụy thiên xã, phu tử bất lợi dã
(Sử ký Khổng-Tử thế gia)
(Bử ký tân Trung-Học văn khố 94).

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Những phương-pháp thực-nghiệm để nghiên-cứu âm-lời

của NGUYỄN BẠT-TỤY

« Môn học-âm-lời, một ngành trong khoa học-ngữ, trong vòng một thế-« kỷ nay, đã đi được những bước tiến dài nhờ những phương-pháp thực-« nghiệm một ngày một tinh-xảo. Để giới-thiệu một môn học hãy còn xa « lạ đối với đa-số chúng ta, mặc dầu rất quan-trọng cho sự tìm hiểu ngôn-« ngữ ta, tôi mạo-muội đưa ra đây một ít tài-liệu để gây cho bạn đọc một « ý-niệm khái-quát, trước khi trình-bày những nghiệm-xét riêng của tôi « về âm-thanh Việt-nam. Những nghiệm-xét này, tôi đã có dịp nói đến « một cách sơ-lược trong quyển Ngôn-ngữ-học Việt-nam, *và sẽ phân « tách tỉ-mỉ trong quyển* Học-âm-lời Việt-nam (*quyển I* : Học-âm-lời « tinh-phát). [1] *do Viện Đại-học Huế sắp xuất-bản một ngày gần đây.*

I

Trong chúng ta, ai cũng biết rằng muốn nói phải nhờ đến miệng, với các bộ-phận của nó, như môi, lưỡi, và tiếng-nói có được là do hơi-thở trong phổi đưa ra, qua cuống-họng rồi đến miệng. Nhưng số người hiểu được rằng hơi-thở đã biến đổi thành hơi-nói bằng cách nào thì hãy còn ít, nên ở bài này tôi chú-trọng vào đợt đầu của sự phát-âm là sự tạo âm ở cuống-họng. Tôi chia ra ba phần nghiên-cứu : các bộ-phận của cuống-họng, các động-tác của cuống-họng, và sự sản-xuất âm-lời.

---

1. Bản tiếng pháp, quyển *Phonologie Vietnamienne* (*Tome* 1) cũng sẽ do một cơ-quan văn-hóa ở Pháp ấn-hành nay mai.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

A — CÁC BỘ-PHẬN CỦA CUỐNG-HỌNG.

Phương-pháp thực-nghiệm tốt nhất cho sự tìm hiểu các bộ-phận của cuống-họng là giải-phẫu. Nhờ giải-phẫu, ta biết rằng cuống-họng là một thứ hộp bằng sụn tiếp liền vào họng-thở và có những động-tác giống như những động-tác của một nhạc-khí có lưỡi-gà. Nếu nhạc-khí này, vốn gồm có những ống gài lưỡi-gà, phát ra các « âm-nhạc » khi rung-động, cuống-họng cũng có một hệ-thống sụn, cơ và màng có khả-năng rung-bật mà phát ra ra các « âm-lời ». Tất cả những bộ-phận của hệ-thống ấy đều do một hệ-thống thần-kinh điều-khiển.

1— Trong số các *sụn*, không kể hai cái sụn nhỏ không quan-trọng, dính vào đầu trên mỗi sụn-yên và gọi là *sụn-sừng*, vì có hình như cái sừng, ta có năm cái sụn chính : một sụn-nhẫn, hai sụn-yên, một sụn-mộc và một nắp-họng.

a) Cái *sụn-nhẫn*, trông giống như một cái nhẫn lớn mà mặt phẳng quay về phía xương-sống. Nó mắc vào vòng thứ-nhất của họng-thở bằng một cái màng và dùng làm điểm-tựa cho các sụn-yên.

b) *Sụn-yên*, hai cái sụn nhỏ cao gồ lên như hình cái yên, có mặt dưới ăn khớp với thành trên của sụn-nhẫn. Ở phía trước và phía sau các mặt-khớp, phần dưới mỗi sụn-yên được nối dài bằng hai sụn-lồi, một cái gọi là *sụn-lồi trong*, còn gọi là *sụn-lồi âm*, một cái là *sụn-lồi ngoài*, còn gọi là *sụn-lồi-cơ*. Khi hai sụn-yên xáp lại gần nhau, nó để chừa một lỗ nhỏ gọi là *lỗ-sụn* cũng là một thứ lỗ-họng, bên cạnh lỗ-họng chính có tên là *lỗ-màng* (x.2.a).

c. Cái *sụn-mộc* là một tấm sụn lớn gập đôi, trông giống như hình một cái mộc, để che đỡ cho các phần khác của cuống họng. Như vậy sống sụn-mộc thì quay về phía trước mà lồi ra thành trái-cổ mà ta thấy rõ ở cổ những người đàn ông gầy. Sụn-mộc ăn khớp với sụn-nhẫn bằng hai cái *sừng*, gọi là *sừng dưới*, đối với hai *sừng trên* của nó, và nối vào sụn-nhẫn bằng cái *màng-nhẫn-mộc*.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

d. *Nắp-họng*, một miếng sụn mỏng ở phía dưới cuống-lưỡi, thì mắc vào sụn-mộc bởi một cái lưỡi nhỏ, và vào sụn-yên bởi hai sợi gân lớn và mỏng. Nó không đóng một vai trò nào trong sự phát-âm, nhưng hạ xuống như một cái nắp, khi ta ăn, để giữ cho đồ-ăn trôi xuống họng-ăn mà khỏi lọt vào họng-thở. Lúc bình-thường, nắp-họng bao giờ cũng nâng lên.

Hình 1 cho ta thấy bốn cái sụn trên ăn-khớp với nhau ra sao, còn cái nắp-họng sẽ thấy ở hình 2.

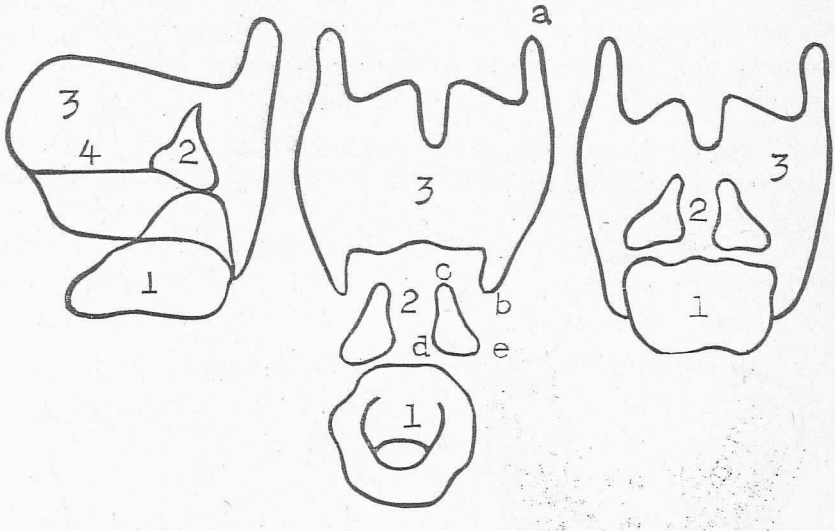

Mặt bên Mặt trước Mặt sau

HÌNH 1

Đồ-lược vị-trí các sụn của cuống-họng.

1. *Sụn-nhẫn.* 2. *Sụn-yên.* 3. *Sụn-mộc.* 4. *Màng-âm*
a) Sừng trên, b) Sừng dưới c) Sụn-sừng d) Sụn-lồi trong e) Sụn lồi ngoài.

2 — Trong số các *cơ*, ta kể được những màng-âm, những màng-âm giả và một số cơ chính.

a) *Màng-âm*, còn gọi là *cơ-mộc-yên dưới*, có hai cái mắc ngang từ góc lõm lại của sụn-mộc mà dính vào sụn-lồi trong của mỗi sụn-yên. Mỗi màng-âm cấu thành bởi một nếp màng-nhầy, một sợi trun (tức sợi mộc-

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

yên) và một chùm thớ-thịt. Khoảng giữa hai màng-âm là một cái khe gọi là *LỖ-HỌNG*, hay rõ hơn, *LỖ-MÀNG*, vì trong cuống-họng, giữa hai sụn-yên, còn có một lỗ khác cũng là lỗ-họng, có tên là *lỗ-sụn* (x.1.b).

b) *Màng-âm giả*, còn gọi là *cơ-mộc-yên trên*, cũng có hai cái. Nó được ngăn khỏi hai màng-âm trên kia bởi các *khang-màng-âm* và không cần-thiết cho sự phát-âm.

c) Mười một chùm cơ, trong số 15 cái, kiểm-soát những cử-động của các phần trong cuống-họng. Trừ *cơ-giữa-yên*, chỉ có một vì nối hai sụn-yên với nhau và gồm có một phần nghiêng và một phần ngang, mười cơ kia có từng cặp : *cơ-mộc-yên trong* và *ngoài* nối sụn-mộc với sụn-yên, *cơ-nhẫn-yên bên* và *sau* nối sụn-nhẫn với sụn-yên.

Trong hình 2 dưới đây, nhờ gương-soi-họng, ta thấy cả màng-âm giả và màng-âm thật, vì cạnh màng-âm thật ở dưới ló ra ngoài cạnh màng-âm giả ở phía trên.

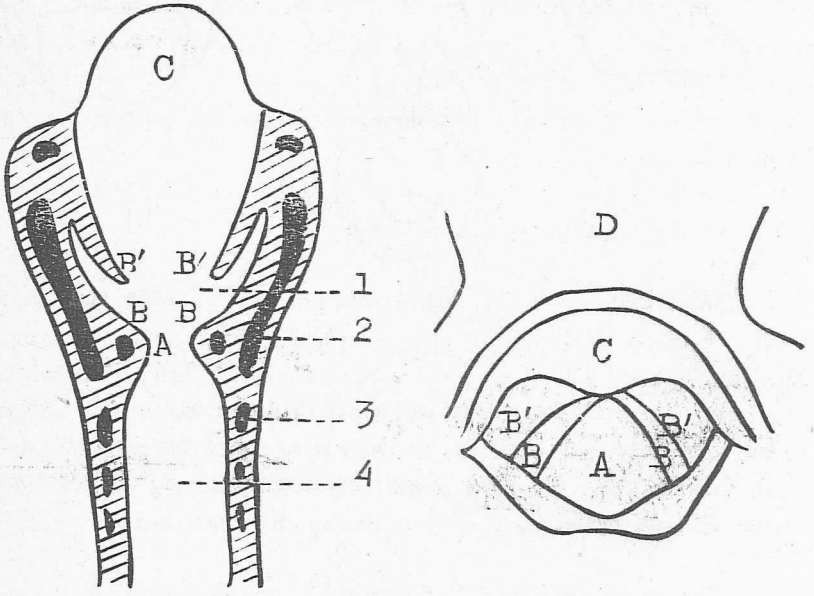

Đồ cắt dọc HÌNH 2 *Hình từ trên nhìn xuống*

Đồ-lược cuống-họng

1) Khang-màng-âm. 2) Sụn-mộc. 3) Sụn-nhẫn. 4) Họng-thở
A. Lỗ-họng. BB. Màng-âm (dưới). B'B'. Màng-âm-giả (trên).
C. Nắp-họng. D. Lưỡi.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

3 — *Thần-kinh* ở cuống-họng chia ra làm hai loại : thần-kinh trên và thần-kinh dưới.

a) Mỗi sợi *thần-kinh cuống-họng trên* chia ra làm hai nhánh : một nhánh *trong* xuyên qua màng-mộc-lưỡi mà ăn tỏa vào các màng-nhầy ở miền trên-màng-âm của cuống-họng; một nhánh ngoài ăn vào cơ-nhẫn-mộc và màng-nhầy ở miền dưới-màng-âm.

b) Các sợi *thần-kinh cuống-họng dưới*, thường gọi là *thần-kinh phản-hồi*, cũng chia ra làm nhiều nhánh ăn vào tất cả các cơ ở cuống-họng, trừ cơ-nhẫn-mộc.

B — CÁC ĐỘNG-TÁC CỦA CUỐNG-HỌNG.

Ở vào chặng đầu của sự tạo ra tiếng-nói, cuống-họng giữ một vai-trò rất quan-trọng. Nó thật là một bộ-máy tinh-vi mà các động-tác có liên-quan chặt-chẽ với những bộ-phận phát-âm khác, cũng như với hệ-thống não. Ta có thể lần-lượt nói về sự hoạt-động của cuống-họng, sự sản-xuất âm-lời và sự nhận xét tính-kêu.

1 — Sự hoạt-động của cuống-họng.

Cuống-họng hoạt-động suốt trong lúc phát-âm, và muốn theo-dõi hoạt-động ấy ta có thể dùng một cái *gương-soi-họng*. Đó là một cái gương tròn nhỏ, đường kính chừng hai phân, mắc vào một cái cán dài chênh-chếch theo một góc 120°. Khi ta luồn gương ấy vào miệng, để cho mặt sau gương áp vào màng-của càng sâu càng tốt, và mặt trước có thể rọi một ánh-sáng mạnh vào trong họng, ta thấy rõ phía trong cuống-họng với các bộ-phận của nó, vì các hình-ảnh sẽ được tấm gương chiếu ra. (hình 3)

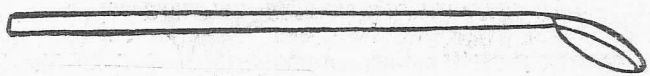

HÌNH 3

Gương-soi-họng

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Nhưng với cái gương này, khi màng-âm rung-động, thì chỉ thấy một hình mờ-mờ, vì những rung-động ấy rất nhanh. Muốn thấy thật rõ, người ta phải nhờ đến cái *máy-chớp*, là một thứ máy rọi được vào trong họng, nhờ sự trung-gian của một tấm gương khác, một luồng-sáng có một số chớp từng sao bằng số rung-bật từng sao của màng-âm khi phát một âm đã định. Như vậy, đối với mắt ta, không khác gì màng-âm rung-bật mỗi sao một lần, và ta thấy kịp được những rung-bật ấy : những cử-động có-hồi của màng-âm hình như bị làm chậm lại, nhưng sự thật thì không có gì là thay-đổi.

Chính là theo nguyên-tắc ấy mà một nhà nghiên-cứu Mỹ, Ông Farnworth. [1], đã chụp-ảnh được những rung-bật của màng-âm trong cuống-họng nhờ một cái máy-ảnh có độ-nhanh đặc-biệt.

Bản đồ-lược ở hình 4 cho ta thấy cách sắp đặt các bộ-phận để chụp ảnh với một độ-nhanh là 400 một sao.

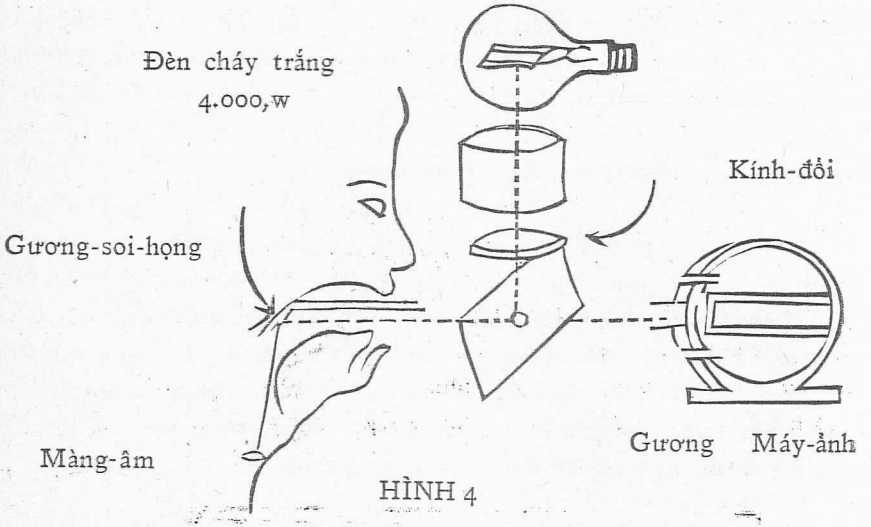

HÌNH 4

Cách chụp-ảnh các cử-động của màng-âm. [2]

1. D.W. FARNORTH, « High Speed Motion Picture of the Vocal Cords », *Bell Laboratories Record* số 18, trang 203, th. III, 1940.

2. Harvey FLETCHER, *Speech and Hearing in Communication*, tr. 18 Hình này và các hình sau được trích-đăng với sự cho phép của nhà xuất-bản D. Van Nostrand Co, New York, copyright 1953.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Như vậy, hoạt-động của cuống-họng gồm có những cử-động của các sụn và những cử-động của màng-âm, khiến trạng-thái của lỗ-họng luôn luôn biến-chuyển.

2) *Những cử-động của các sụn.* Toàn-thể cuống-họng có thể di-chuyển từ trên xuống dưới, và từ sau ra trước, nhờ một hệ-thống cơ điều-khiển các sụn lập thành nó.

Đặc-biệt là các sụn-yên luôn-luôn hoạt-động. hoặc xê qua xích lại, hoặc quay ra quay vào, hoặc nghiêng bên này, ngả bên kia, và ba cử-động ấy có thể riêng-biệt hay dung-hòa với nhau. Bình-thường thì sụn-yên gần như đứng thẳng; khi đu-đưa, nó xáp lại gần nhau bằng phần đầu hay phần chân, và cạnh sau của nó cũng có thể do cơ-giữa-yên kéo lại gần.

3) *Trạng-thái của lỗ-họng.* Khi cử-động, các sụn kéo theo hai màng-âm mà khiến nó xáp lại gần hay rời xa nhau. Do đó, lỗ-họng, nói rõ là lỗ-màng, mà hai màng-âm ấy để chừa ra, cũng luôn-luôn thay đổi trạng thái : khi thì đóng kín, khi thì mở rộng, khi thì thu hẹp.

4) *Lỗ-họng đóng kín.* Khi ta tìm cách hãm khí trời trong phổi lại mà dằn ép cái màng-ngang-ngực, như khi dùng sức để nâng một vật gì nặng, hay trước khi ho, các sụn-yên xáp lại gần nhau đến nỗi kéo theo cả đầu sau hai màng-âm mà khiến nó cũng dính liền. Bấy giờ lỗ-họng hoàn-toàn đóng kín, khí-trời không qua được và màng-âm không rung-bật chút nào.

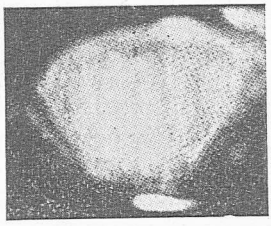

Trạng-thái của màng-âm [1]

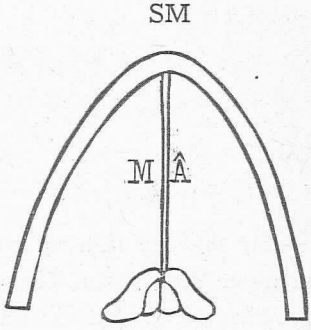

HÌNH 5 *Đồ-lược vị-trí hai sụn-yên*
Tình-trạng đóng kín của lỗ-họng
SM : Sụn-mộc. SY : Sụn-yên MÂ. : màng-âm

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

b) *Lỗ-họng mở rộng* . Lúc thường, khi ta thở, nhất là khi ta hít vào, hai sụn-yên quay đi và xích sang bên mà đẩy cho màng-âm thu sát vào thành sụn-mộc. Do đó lỗ-họng mở rộng ra và có hình một cái tam-giác kéo-dài mà đỉnh là chỗ hai màng-âm gặp nhau ở sụn-mộc, chân là thành sau của cuống-họng, và cạnh là mép hai màng-âm nối-dài bởi mặt trong của hai sụn-yên. Như vậy hơi-thở tự-do qua cuống-họng : màng-âm không rung mà cũng không chịu ảnh-hưởng gì của hơi-thở.

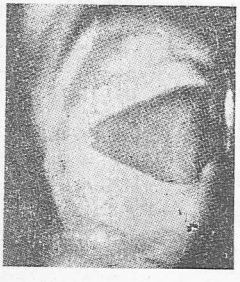

Trạng-thái của màng-âm. [2]

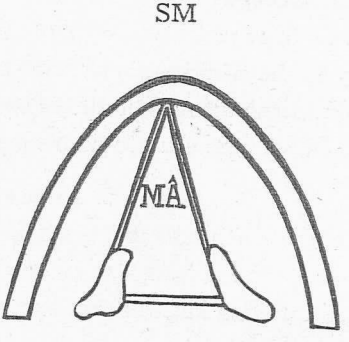

HÌNH 6 *Đồ-lược vị-trí hai sụn-yên*

Tình-trạng mở rộng của lỗ-họng.

SM : sụn-mộc SY : sụn-yên MÂ : Màng-âm

c) *Lỗ-họng thu-hẹp* . Trái lại, trong lúc phát-âm, màng-âm xáp lại gần mà không chạm nhau hẳn : đó là hiện tượng *xáp-gần*. Khi hành-vi phát-âm chấm-dứt, lỗ-họng lại mở ra : đó là hiện-tượng *dãn-xa*.

Sự xáp-gần này không phải chỉ dính-dáng tới hai màng-âm, mà còn động-chạm đến hai sụn-yên, bởi vậy có thể nói là có hai sự thu-hẹp :

— Sự thu-hẹp lỗ-họng giữa-màng, gọi tắt là lỗ-màng (hay lỗ-âm), do cơ-nhẫn-yên kéo hai sụn-lồi ngoài lại mà đẩy những sụn-lồi trong vào phía trong, khiến nó áp chặt vào nhau mà kéo theo hai màng-âm.

— Sự thu-hẹp lỗ-họng giữa-sụn, gọi tắt là lỗ-sụn (hay lỗ-yên), do cơ-nhẫn-yên làm cho cạnh phía sau của hai sụn-yên sát vào nhau.

1,2. H. FLETCHER, dtr. trang 20,21.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Cũng trong lúc xáp-gần, nhiều cơ khác làm việc để giữ cho sụn-yên ở nguyên chỗ và căng thẳng màng-âm ra. Sụn-yên được giữ vững nhờ sức giằng-co của các *cơ-quanh-yên* và *cơ-nhẫn-yên sau* và *bên*. Màng-âm được căng thẳng nhờ những *cơ-nhẫn-mộc* làm nghiêng cái sụn-nhẫn trên sụn-mộc, khiến góc lõm của sụn-mộc xa chân sụn-yên thêm, và nhân đó kéo-dài màng-âm ra.

SM. Sụn-mộc
SY. Sụn-yên
MÂ. Màng-âm
a. Vị-trí bình thường của màng-âm.
b. Vị-trí chùng của màng-âm khi cơ-nhẫn-yên sau co lại (b')
c. Vị-trí căng-thẳng của màng-âm khi cơ-nhẫn-yên bên co lại (c')

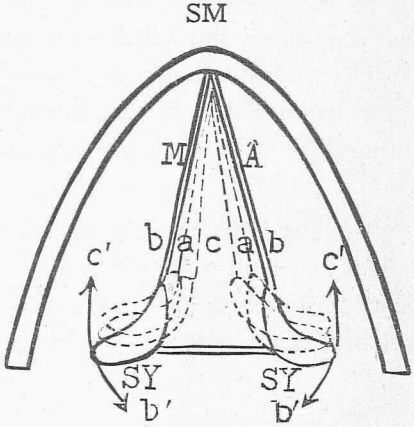

HÌNH 7
Tình-trạng thu hẹp của lỗ-họng

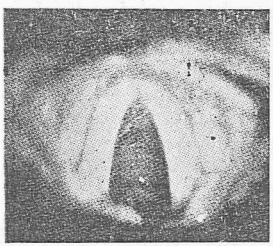

Hình 8 cho ta thấy ảnh chụp các vị-trí liên tiếp của màng-âm hướng về sự xáp-gần, theo thứ-tự 1,2,3,4. Nếu ta xem ngược lại, theo thứ-tự 4,3,2,1, ta sẽ có những vị-trí liên tiếp của màng-âm hướng về sự dãn-xa.

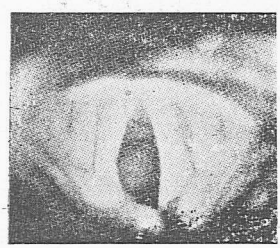
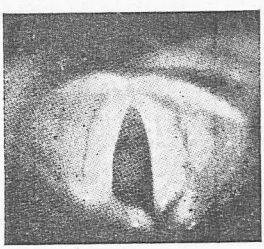
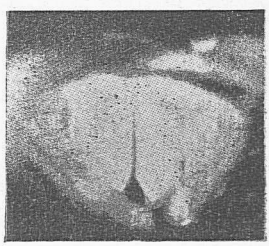

2 3 4

HÌNH 8
Sự xáp-gần của màng-âm. [1]

1. H. FLETCHER dtr., trang 20.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Tuy vậy, trong lúc xáp-gần, hai màng-âm không khép dính vào nhau cùng một lối với tất cả các âm-lời. Nhờ một phương-pháp rọi-chụp đặc-biệt, gọi là *rọi-chụp-lọc*, cốt ở sự chỉ lọc lấy những chi-tiết cần-dùng trong ảnh-rọi-chụp bằng tia X mà xóa-bỏ được những hình-ảnh ở trước và ở sau cuống-họng, như ảnh xương-sống chẳng hạn, người ta có thể nghiên-cứu mỗi trường-hợp xáp-gần của màng-âm bằng một loạt hình-ảnh chụp từ mặt trước. Theo một luận-án của hai nhà khảo-cứu Husson và Djian, [1] những điểm sau đây đã ghi-chép được :

— Sức khép chặt của hai màng-âm giảm đi khi người ta đổi giọng từ một âm-chính trong đến một âm-chính đục (chẳng hạn, từ /e/ đến /a/ và /o/), hay từ một âm-chính « mở » (tức rộng) đến một âm-chính « khép » (tức hẹp) gần nhất (chẳng hạn, từ /e/ đến /ê/).

— Chiều khép sâu của hai màng-âm tăng lên khi sức ép dưới-lỗ-họng tăng, nghĩa là chừng nào mà người ta đổi từ một giọng kim đến một giọng ngực yếu, rồi mạnh.

— Sức khép chặt và chiều khép sâu của màng-âm biến-đổi ngược chiều với nhau, và khá rõ-ràng, khi người ta đổi giọng từ một nhóm âm-chính « mở » đến một nhóm âm chính « khép », chớ trong cùng một nhóm thì những sai-biệt không có là bao.

C — SỰ SẢN-XUẤT ÂM-LỜI

Nhưng sự thu-hẹp lỗ-họng chỉ là bước đầu trong sự sản-xuất âm-lời : còn cần rằng màng-âm rung-bật, và nên chú-ý rằng sự xáp-gần và sự rung-bật là hai hành-vi hoàn-toàn độc-lập. Những rung-bật ấy do, cũng theo

---

1. R. HUSSON và A. DJAN, « Tomographie et phonation », *Journal de radiologie*, Paris, 1952. số 33, trang 127-135.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

thuyết của Husson, [1] ở những thể hoạt-động, tức là những luồng thần-kinh, điều-khiển các thớ-thịt của cơ-mộc-yên và làm rung-bật hai màng-âm do sự trung-gian của thần-kinh phản-hồi.

Thuyết này lần-lượt được xác-nhận bởi các cuộc thí-nghiệm, với một con chó, của Laget năm 1952, [2] và các cuộc thí-nghiệm, với một người, của Moulonguet năm 1953, [3] Một loạt thí-nghiệm khác, do Piquet và Decroix làm năm 1956 ở nhà-thương tai-mũi-họng của Viện Đại-Học Lille, bằng một người sống hẳn-hoi, cũng đã chứng-tỏ rằng các màng-âm trong sự phát một âm-chính đã định, có thể tự rung-bật mà không cần đến sức-ép dưới-lỗ-họng, nghĩa là không cần đến sự có-mặt của hơi-nói. [4]

Vậy sự khí-trời qua họng-thở không phải là một điều-kiện tất-yếu cho những hoạt-động của màng-âm. Nhưng bao-quanh bởi hơi-nói, mà lượng và sức-tuôn do những bộ-phận tinh-phát ở miệng chi-phối, nhất là trong sự phát các âm-phụ, màng-âm vẫn chịu ảnh-hưởng của hơi-nói. Riêng lúc này, ta có thể phân-biệt hai trường-hợp : màng-âm rung-bật và màng-âm không rung-bật.

1 — *Màng-âm không rung-bật.* Khi màng-âm không rung-bật, khí-trời qua mà không bị biến-đổi nhiều. Bị lay-chuyển một cách không-hồi ở những khoang trên-lỗ-họng, hơi-nói hóa thành một *tiếng-động* chỉ bởi một âm-phụ gọi là « mạt » Tiếng-động ấy có thể là :

---

1. R. HUSSON, « Conduction récurrentielle polyphasée pendant la phonation », *Folia Phoniatrica*, Zurich, 1951, III.

2. P. LAGET, « Reproduction expérimentale de la vibration des cordes vocales, en l'absence de tout courant d'air, par stimulation d'un récurrent du chien », *Revue de laryngologie*, Bordeaux, Phụ-lục, tháng II, 1953.

3. A. MOULONGUET, P. LAGET và R. HUSSON, « Démonstration chez l'homme de l'existence dans le nerf récurrent des potentiels d'action moteurs synchrones avec les cordes vocales », *Bulletin de l'Académie de Médecine* phiên-họp ngày 13-10-53.

4. J. PIQUET và Gabriel DECROIX, « Étude expérimentale peropératoire du rôle de la pression sous-glottique sur la vibration des cordes vocales », *Comptes-rendus de l'Académie des Sciences*, Paris, t. 242, tháng II 1956, trang 1223-1227

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Một tiếng *thở* do hơi-nói lướt qua mép lỗ-họng mà thành : /h/.

Một tiếng *cọ-xát* do hơi-nói lách qua một lối hẹp lập thành bởi các bộ-phận ở khoang-miệng : /f,s,š,v.v./.

Một tiếng *bộc-phát* do hơi-nói thình-lình vượt qua cái hàng-rào lập thành bởi những bộ-phận ấy, khi nó đóng lại rồi mở ra : /p,t,k,v.v./. Tiếng bộc-phát này có thể pha-trộn với tiếng thở hay tiếng cọ-xát mà cho những âm khác : /ph,kh,th,c,v.v./.

2 — *Màng-âm rung-bật*. Trái lại, khi màng-âm chịu sự điều-khiển của thần-kinh phản-hồi, trong những điều-kiện thuận-tiện, mà rung-bật, lỗ-họng được thu-hẹp đúng-mức để đủ lập thành một trở-ngại cho hơi-thở ở phổi ra. Vướng phải trở-ngại ấy, và nương theo những hồi rung-bật của màng-âm, lúc khép lúc mở, sức ép dưới-lỗ-họng giảm đi khi khí-trời lọt qua, tăng lên khi khí-trời bị dồn-ứ, rồi cứ theo nhịp ấy mà tiếp-tục cho đến khi hành-vi phát-âm chấm-dứt. Hình 9 cho ta một

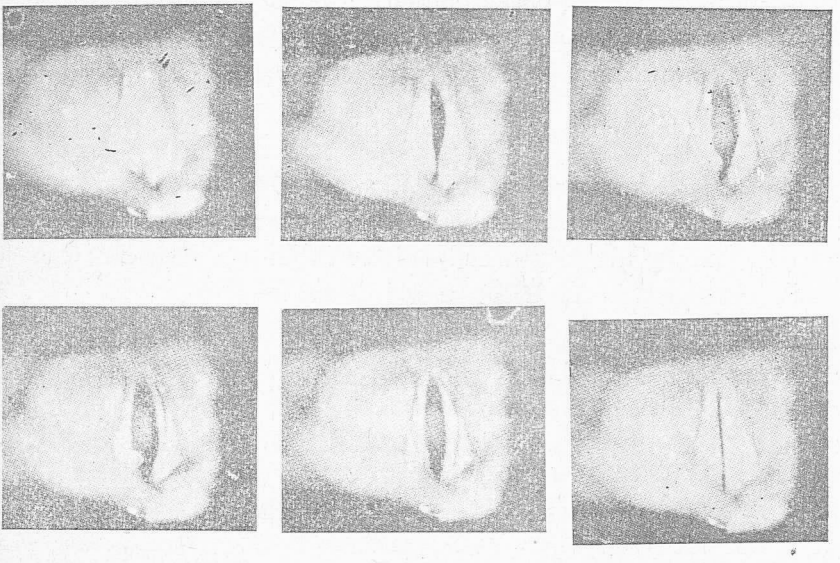

HÌNH 9

Một hồi cử-động của màng-âm với độ nhanh 120 hs. [1]

1. H. FLETCHER, dtr., trang 20. Hs = hồi-sao (số hồi trong một sao) ứng với *cps* của Anh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

ý-niệm rõ-ràng về hiện-tượng này, bắt đầu bằng sự khép lỗ-họng, chấm-dứt bằng sự mở lỗ-họng, rồi lại bắt đầu bằng sự khép lỗ-họng.

Những cử-động rung-bật này được nhắc lại nhiều lần thì tạo ra, không phải một tiếng-động nữa, mà một *âm-kêu* sẽ được các bộ-phận trên cuống-họng làm biến-đổi đi mà thành tiếng-nói. Số-tần của sự rung-bật càng lớn thì âm ấy càng gắt : đó là công-việc của thần-kinh phản-hồi. Độ-rộng của sự rung-lắc càng lớn thì âm ấy càng mạnh : đó là công-việc của sức-ép dưới-lỗ-họng. Âm ấy có-thể là :

— Một âm thuần, thuộc loại *âm-chính*, vốn có hồi và luôn-luôn kêu : /e,a,o,v.v./.

— Một âm pha-trộn với một tiếng-động phát ra ở các khoang trên-lỗ-họng vốn đóng vai những quan-rền. Sự pha-trộn ấy sinh ra một *âm-phụ* gọi là « kêu », mà trong những trường-hợp phát-âm bình-thường, ta có thể chia ra làm hai loại :

Âm-phụ có-hồi như các âm-chính, mặc dầu ở một độ kém, như /l,r, m,n,ŋ,vv./. hay các âm-bán /y,w,ẅ,v.v./. Phần tiếng-động trong các âm này rất ít.

Âm-phụ không-hồi, mặc dầu vẫn kêu, nhưng có một phần tiếng-động khá lớn, khiến ta có-thể trở lại sự phân-chia thành nhiều loại mà ta đã thấy với các âm-phụ mạt :

Tiếng *thở* do hơi-nói lướt qua mép lỗ-họng mà thành; khi màng-âm tự nó rung-bật : /h/ kêu.

Tiếng *cọ-xát* trong /v,z,ž,/, giống như trong /f,s,š/, phát ra ngay từ lúc đầu của âm.

Tiếng *bộc-phát* trong /b,d,g/ giống như trong /p,t,k/, chỉ phát ra sau pha-giữ.

Tiếng bộc-phát này có thể pha-trộn với tiếng cọ-xát mà sanh ra những âm khác : /ñ/ Việt, /ǰ/ Anh.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CÁC TIẾNG CHUYÊN - MÔN TRONG BÀI NÀY

(đối chiếu - với tiếng Pháp)

Âm : *son.*
Âm–bán : *semi-voyelle.*
Âm–chính : *voyelle.*
Âm–phụ : *consonne.*
Âm–nhạc : *son musical.*
Âm–lời : *phonème.*
Bộc–phát : *v. exploser ; nf. explosion.*
Có–hồi : *adj. périodique.*
Cọ–xát : *v. frotter ; nm. frottement.*
Cơ : *nm. muscle.*
Cơ–giữa–yên : *nm. ary-aryténoïdien.*
Cơ–mộc–yên : *nm. thyro-aryténoïdien.*
Cơ–mộc–yên dưới : *thyroaryténoïdien inférieur.*
Cơ–mộc–yên ngoài : *thyro-aryténoïdien externe.*
Cơ–mộc–yên trên : *thyro-aryténoïdien supérieur.*
Cơ–mộc–yên trong : *thyro-aryténoïdien interne.*
Cơ–nhẫn–yên : *nm. crico-aryténoïdien.*
Cơ–nhẫn–yên bên : *crico-aryténoïdien latéral.*
Cơ–nhẫn–yên sau : *crico-aryténoïdien postérieur.*
Cơ–nhẫn–mộc : *nm. crico-thyroïdien.*
Cơ–quanh–yên : *nm. périaryténoïdien.*
Cuống–họng : *nm. larynx.*
Dãn–xa : *nf. adduction.*
Dưới–lỗ–họng : *adj. sous-glottique.*
Độ–rộng : *nf. amplitude.*
Giọng : *nm. ton, nf. voix.*
Giọng kim : *voix de fausset.*
Giọng–ngực : *voix de poitrine.*
Gương–soi–họng : *nm. laryngoscope.*
Hà : *adj. expiratoire (par voie buccale).*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Hít : *v. inspirer ; adj. inspiratoire (par voie nasale).*
Học-âm-lời : *nf. phonétique và phonologie. Chia ra :*
Học-âm-lời tinh-phát : *phonétique ;*
Học-âm-lời tác-dụng : *phonologie.*
Học-ngữ : *nf. linguistique.*
Họng-ăn : *nm. oesophage.*
Họng-thở : *nf. trachée-artère.*
Hồi : *nf. période, cycle.*
Hồi-sao : *période par seconde* (hs)
Hơi-nói : *souffle phonatoire.*
Hơi-thở : *souffle respiratoire.*
Hút : *v. aspirer ; adj. expiratoire.*
Kêu : *adj. sonore.*
Khang : *nm. ventricule.*
Khang-màng-âm : *ventricule de Morgagni.*
Không-hồi : *adj. apériodique.*
Lỗ-họng : *nf. glotte.*
Lỗ-màng : *(tiếng tắt của : lỗ-họng giữa-màng) glotte ligamen teuse, glotte vocale.*
Lỗ-sụn : *(tiếng tắt của : lỗ-họng giữa-sụn) glotte cartilagineuse, glotte aryténoïdienne.*
Lượng-tuôn : *nm. débit.*
Máy-chớp : *nm. stroboscope.*
Màng-âm : *nf. corde vocale.*
Màng-âm-giả : *fausse corde vocale.*
Màng-mộc-lưỡi : *membrane thyro-hyoïdienne.*
Màng-nhầy : *nf. muqueuse.*
Màng-nhẫn-mộc : *membrane crico-thyroïdienne.*
Mạt : *adj. sourd.*
Nắp-họng : *nf. épiglotte.*
Pha : *nf. phase.*
Pha-buông : *nf. détente.*
Pha-co : *nf. Contraction.*
Pha-giữ : *nf. tenue.*
Rọi-chụp : *nf. radiographie.*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

Rọi-chụp-lọc *nf. tomographie.*
Rung-bật : *v. vibrer ; nf. vibration.*
Rung-lắc : *v. osciller ; nf. oscillation.*
Số-tần : *nf. fréquence.*
Sụn : *nm. cartilage.*
Sụn-yên : *nm. (cartilage) aryténoïde.*
Sụn-lồi : *nf. apophyse.*
Sụn-lồi ngoài : *apophyse externe.*
Sụn-lồi trong : *apophyse interne.*
Sụn-mộc : *nm. (cartilage) thyroïde.*
Sụn-nhẫn : *nm. (cartilage) (cricoïde).*
Sụn-sừng : *cartilage corniculé.*
Sức-ép : *nf. pression.*
Sức-ép dưới lỗ-họng : *pression sous-glottique.*
Sừng : *nf. corne ; nm. cornet (= sừng nhỏ).*
Sừng-dưới : *corne inférieure, cornet inférieur.*
Sừng giữa : *cornet moyen.*
Sừng trên : *corne supérieure, cornet supérieur.*
Thần-kinh : *nm. nerf.*
Thần-kinh cuống-họng : *nerf laryngé.*
Thần-kinh phản-hồi : *nerf récurrent.*
Tiếng-động : *nm. bruit.*
Tinh-phát : *v. articuler ; nf. articulation ; adj. articulatoire.*
Tính-kêu : *nf. sonorité.*
Trái-cổ : *nf. pomme d'Adam.*
Trên-lỗ-họng : *adj. sus-glottique.*
Xáp-gần : *nf ; abduction*

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC-GIẢ

Tạp-Chí Nghiên-Cứu ĐẠI-HỌC Huế xin chân thành cảm ơn quý Vị có tên sau đây đã gửi tiền về Tòa-soạn mua dài hạn Tạp-chí :

(tiếp theo các kỳ trước)

R.P. Lacretelle , Đàlạt	335$
Ô. Trần-văn-Dĩnh Tổng Lãnh-sự Việt-Nam tại Miến-Điện	500$
— Nguyễn-văn-Lễ Pleiku	195$
— Võ-viết-Di Bamêthuột	250$
L.M. Bùi-vĩnh-Phước Chợ lớn	120$
Ô. Hoàng-thế-Diệm Đà-nẵng	90$
— Nguyễn-quang-Thanh Đà-nẵng	120$
— Cô Thanh-Tâm Tân-Định Saigon	100$
— Nha Tiểu-Học Saigon	420$
— Tòa Hành-Chánh Bình-Định Qui-nhơn	360$
— Trường Trung-Học Gia-Long Saigon	210$
— Tòa Hành-Chánh Quảng-Ngãi Faifoo	120$
Ô. Đại-Biểu Cao-Nguyên Trung-Phần	480$
— Võ-văn-Hãi 112 Phan-đình-Phùng Saigon	240$
— Trường Phan-Chu-Trinh Đà-nẵng	818$
L.M. Mai-chí-Thành Thị-nghè Saigon	180$
— Đoàn-từ-Thiện Hộp thư 36 Đàlạt	120$
— Nguyễn-hữu-Thời Ty Bưu-Điện Bồng-Sơn	200$
— Bùi-quang-Tung, Trường Viễn-Đông Bác-cổ Saigon	240$
— Hạt Thủy-Lâm Đàlạt	210$
— Cô Bùi-thị-Hương Mỏ-Cày Bến-tre	120$

(Còn nữa)

ĐH

TẠP-CHÍ NGHIÊN-CỨU ĐẠI-HỌC

XUẤT BẢN HAI THÁNG MỘT KỲ

Tòa-soạn và Trị-sự : 20 Lê-đình-Dương, Huế

Giá báo: Mỗi số 20đ. - 6 tháng: 60đ. - 1 năm: 120đ.

Công sở giá gấp đôi — Ngoại quốc thêm cước phí.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục

NHÀ XUẤT-BẢN ĐẠI-HỌC

ĐÓN ĐỌC :

TRIẾT-HỌC NHẬP-MÔN

KARL JASPERS

✳

ĐÃ XUẤT-BẢN :

NHẬN-ĐỊNH TẬP II

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

✳

PHƯƠNG-PHÁP LUẬN

RENÉ DESCARTES

✳

NHÀ IN ĐẠI-HỌC
5, Nguyễn-trường-Tộ, Huế

Giá 20đ.

Bản số hoá 2016: DCVOnline | Nguyễn Văn Lục